

Số 226

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

*Cùng
hoa*

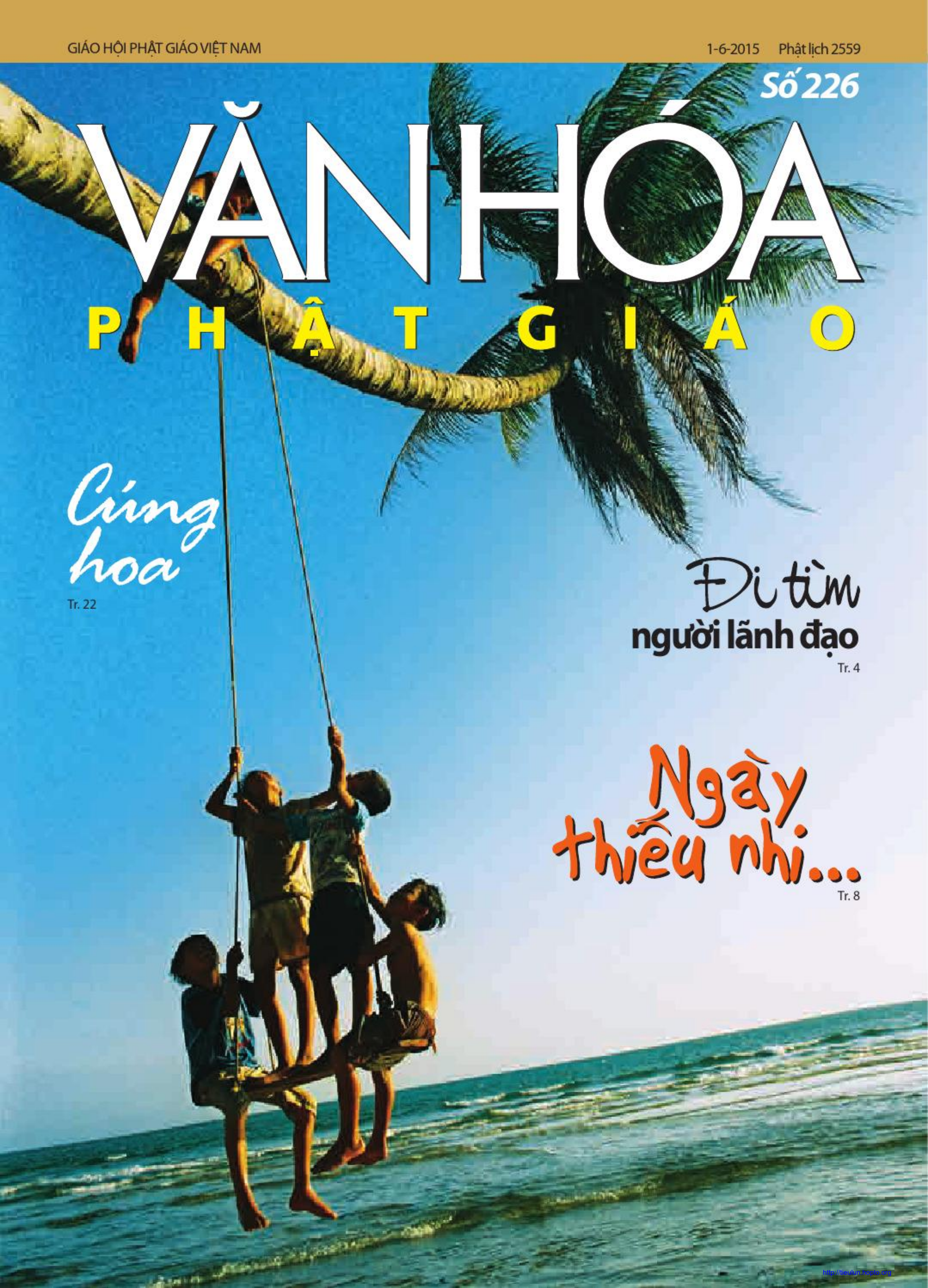
Tr. 22

*Đi tìm
người lãnh đạo*

Tr. 4

*Ngày
thiếu nhi...*

Tr. 8





Kính Mừng



ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN

Phật lịch: 2559



ỐNG KÉM HOA SEN
Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 



ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 

CAM KẾT BÁN ĐÚNG GIÁ, ĐÚNG TIÊU CHUẨN, ĐÚNG CHẤT LƯỢNG

**GỌI
NGAY**

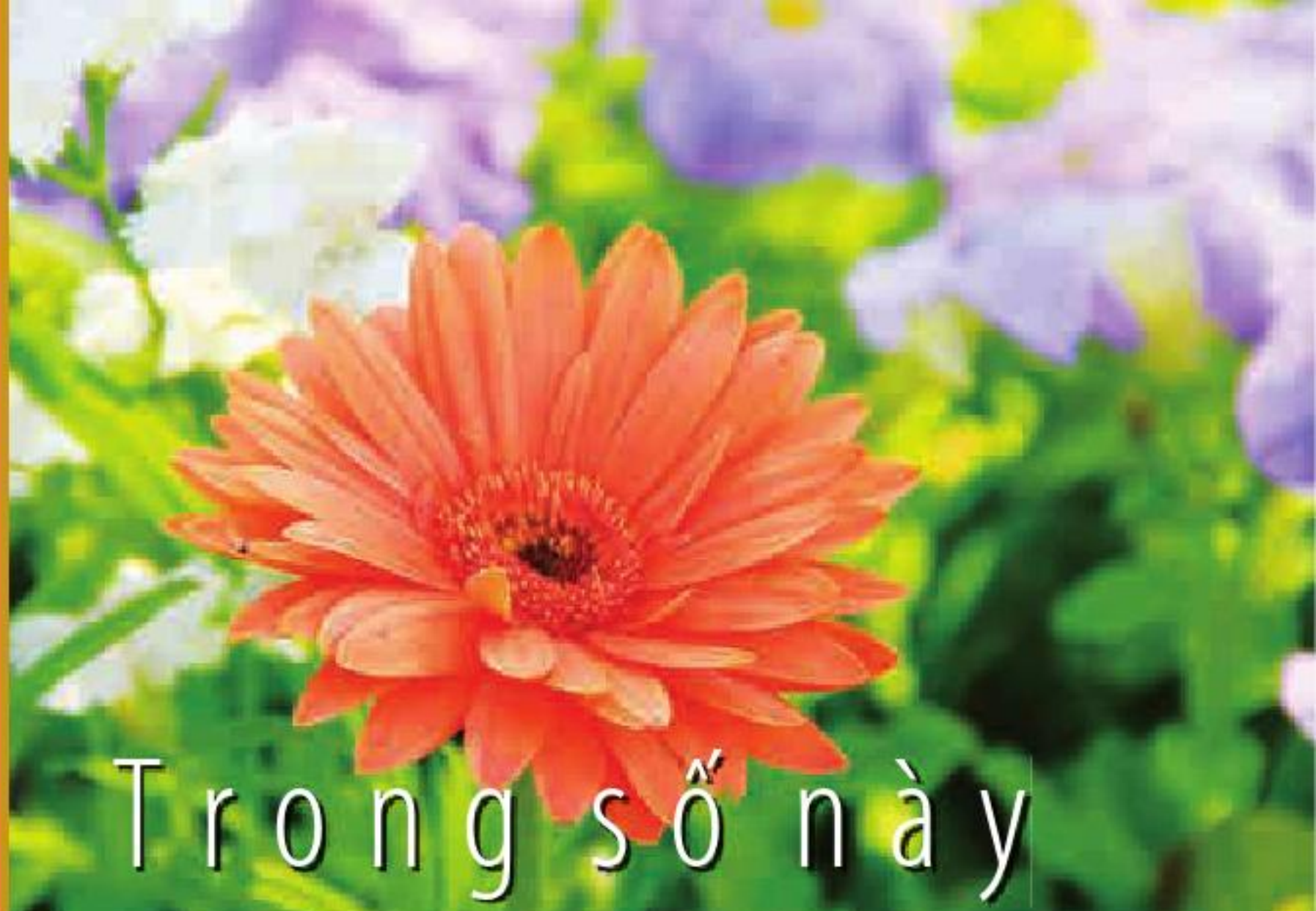
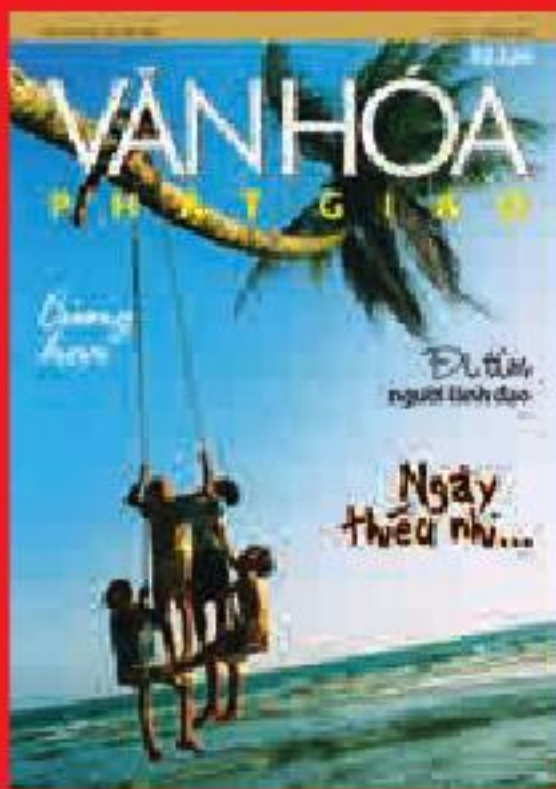


1800 1515

Tổng đài tư vấn miễn phí cuộc gọi từ thứ hai đến thứ bảy (từ 08g00 - 17g00)

www.hoasengroup.vn





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
 Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUÂN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Tri sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
 Trụ sở Tòa soạn VHPG
 ĐT: (84-8) 3 8484 335
 Ngõ Văn Thông, ĐD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuê, ĐD: 0913 8100 82

Tòa soạn
 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
 Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
 Fax: (84-8) 35265 569

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
 toasoanvhpg@gmail.com

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
 Số tài khoản: 1487000000B
 Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
 Bộ Thông tin và Truyền thông
 Số 1878/GP. BTTTT
 Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
 Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Đi tìm người lãnh đạo (Nguyễn Cần)	4
Ngày Thiếu nhi... (Nguyễn Văn Nhật)	8
Các pháp hy hữu về sự Đản sinh của Đức Phật (Diệu Thảo)	11
Tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai khác (Nguyễn Thế Đăng)	14
Những "Mô hình" (phẩm Phương tiện) (Đỗ Hồng Ngọc)	18
Cúng Hoa (Thị Giới Trần Bằng)	22
Chiến thắng nhờ quyết tâm (Tấn Nghĩa)	24
Đôi điều về tháp phước duyên chùa Thiên Mụ (Tôn Thất Thọ)	27
Phật tử vào tòa Bạch Cung (Hozan Alan Senauke - Trần Khiết Bách dịch)	30
Dịch giả Phùng Khánh: Vườn hoa ý đạo (Diệp Lạc)	32
Bình Định với thơ Nguyễn Du (Phạm Tuấn Vũ)	34
Dấu tích Chăm bên dòng sông Côn (Vân Phi)	36
Văn không cần hình ảnh? (Hồ Anh Thái)	39
Phật giáo và thần thông (Hoàng Tá Thích)	40
Chỗ đứng (Trà Kim Long)	42
Đỏ đen trên điện thoại di động (Đặng Trung Thành)	43
Tỏa rạng ký ức tuổi thơ (Nhụy Nguyên)	44
Cái giếng tuổi thơ (Nguyễn Đơn Vân)	46
Rau hoang (Thanh Duy)	48
Thơ (Trường Khánh, Phạm Ánh, Thanh Pháp, Sông Hương, Lê Thị Xuân Hương, Trà Kim Huy)	50
Mùa chiều khói tỏa (Kai Hoàng)	52
Cái đẹp của mọi thời (Nguyễn Nhã Tiên)	54
Lời cảm ơn cuộc sống	56

Bìa 1: Niềm vui trẻ thơ. Ảnh: Trần Thế Phong

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Số đặc biệt mừng Đức Phật đản sinh của tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đã đến tay quý độc giả cách đây nửa tháng. Tuy nhiên, số báo 226 này lại được phát hành vào đúng ngày rằm tháng Tư năm Ất Mùi, tức là ngày Phật đản Phật lịch 2559; vì thế, một số nội dung liên quan đến Phật đản vẫn được đăng tải, để VHPG chia sẻ thêm nữa cùng quý độc giả niềm hân hoan của người con Phật nhân sự kiện vô cùng hy hữu đã thực sự xảy ra ở thành Ca-tỳ-la-vệ, nước Ca-tỳ-la-vệ trên đất Ấn Độ cổ cách nay 2.639 năm: sự xuất hiện của Thái tử Tất-đạt-đa dòng Thích-ca; sự xuất hiện của bậc vĩ nhân đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số. Sự kiện hy hữu đó đã mang ánh sáng giải thoát cho toàn nhân loại, mang hy vọng về một cuộc sống tràn đầy tình thương và trí tuệ cho cả loài người.

Số báo này cũng phát hành vào đúng ngày 1-6 Dương lịch, ngày Quốc tế Thiếu nhi, một trong những ngày Tết của trẻ em mà đất nước ta đã chia sẻ với cộng đồng quốc tế trên suốt 65 năm qua. Nhân dịp này, VHPG cũng có những bài viết nói về trẻ thơ, qua đó, cùng với quý độc giả thể hiện niềm mong mỏi trẻ em ở mọi nơi luôn được sống hạnh phúc, học tập, vui chơi và phát triển cả tài năng cũng như nhân cách nhờ được nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trong tình yêu thương và sự tôn trọng của gia đình và xã hội.

Nhân ngày Phật đản, chúng tôi xin cùng quý độc giả dâng lên Đức Bổn sư lời cầu nguyện cho thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc, đất nước trường tồn.

Xin kính chúc quý độc giả, quý cộng tác viên, ân nhân và thân hữu luôn tràn đầy pháp lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



**Những tạp pháp do mắt tai nhận
thức, những pháp ấy không hiện
khởi ở Như Lai.**

**(Kinh Tư sát, Trung Bộ,
kinh số 47)**



Đi tìm người lãnh đạo

NGUYỄN CÂN

Phẩm chất nào cho người lãnh đạo hôm nay?

Chúng ta đang bước vào một vận hội mới với Đại hội Đảng lần thứ XII sắp tiến hành. Những công tác chuẩn bị đang diễn ra khắp nơi, từng chi bộ, từng cơ quan xí nghiệp, từng khu phố, từng phường xã, quận huyện, từ thôn quê ra thành thị. Có gì khác trước không? Người ta hy vọng sẽ có những khác biệt so với những lần trước; cụ thể, về mặt con người. Vì bấy lâu nay, chẳng ai bảo ai, khi nói đến vấn đề nhân sự lãnh đạo, mọi người đều cảm thấy băn khoăn. Có gì đó chưa ổn? Có gì đó thiếu rõ ràng? Người ta đề cập vấn đề cán bộ với bao nhiêu

bất cập: ví dụ như văn bản luật pháp cứ chồng chéo, ai cũng giải thích theo ý kiến chủ quan của mình. Ông xã nào, ông huyện nào, ông cục, vụ nào cũng có "lệ làng, lệ cục, lệ vụ...". Rồi đến con người. Thi tuyển công chức khó đến nỗi nhiều người tốt nghiệp nước ngoài về thi vẫn rớt, vậy mà, những người trúng tuyển cũng không phải là thành phần ưu tú? Chỉ sau một thời gian "kham nhẫn", họ thành những ông "quan" cách mạng, hành xử bất chấp luật pháp: những vụ án oan cho ta thấy sự hoành hành của những quan tư pháp; những vụ việc liên quan đến hành chính cho ta thấy mức độ những

nhiều của các “ngài” công chức khi ban phát giấy phép con, từ giấy phép xây dựng, giấy phép mở công ty, cho đến tất tần tât các loại giấy phép... nguồn gốc của các công ty dịch vụ sinh sôi như nấm mọc sau mưa! Tác hại và hậu quả thì đã rõ: những công trình kém chất lượng, những xí nghiệp, doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, phát triển kinh tế vi mô đến vi mô đều ỉ ạch, chậm hơn cả Lào và Campuchia mà theo giải thích của một số nhà phân tích là vì bộ máy hành chính của chúng ta quá cồng kềnh và chúng ta rất chậm chạp trong việc cải cách. Doanh nghiệp của Lào hay của Campuchia ít hơn của Việt Nam, nhưng doanh nghiệp Việt Nam lại bị doanh nghiệp FDI chèn ép nhiều trong khi doanh nghiệp Nhà nước hiện nay lại đa phần chậm cải cách, sức ì lớn. Bên cạnh đó, chúng ta cũng không ưu tiên hỗ trợ khu vực doanh nghiệp tư nhân đủ mạnh, nên toàn bộ hệ thống kinh tế chúng ta còn nặng nề. Thêm vào đó, việc các nhóm lợi ích, tham nhũng ở những nước này cũng không nhiều như Việt Nam. Cho nên họ phát triển nhanh là đương nhiên.

Có ai thắc mắc vì sao lại có tệ trạng ấy và nguyên nhân từ đâu? Trước tiên phải chỉnh đốn từ thượng tầng chứ không người ta lại bảo nhau “Nhà dột từ nóc!”.

Vậy thì Đại hội tới, những con người nào sẽ được chọn? Trong phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu rõ việc xác định tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa XII phải căn cứ vào tiêu chuẩn chung của cán bộ được quy định trong các Nghị quyết của Đảng, với những phẩm chất được nhấn mạnh:

“Có tinh thần yêu nước sâu sắc, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp của Nhà nước và lợi ích của dân tộc...”

Có phẩm chất đạo đức và lối sống trong sáng, được cán bộ, đảng viên và nhân dân tín nhiệm; có tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy với công việc; dám hy sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung của Đảng, của đất nước...”

Có trí tuệ, tầm nhìn, tư duy chiến lược để tham gia hoạch định đường lối, chính sách và sự lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành Trung ương...”

Nói chung, các nhà lãnh đạo cao nhất phải là những người “... thật tiêu biểu của Ban Chấp hành Trung ương về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trí tuệ, ý chí chiến đấu, năng lực lãnh đạo quản lý, có tầm nhìn và tư duy chiến lược, có khả năng phân tích, dự báo, tổng hợp, đề xuất những vấn đề mới một cách đúng đắn; có trình độ hiểu biết sâu sắc về lý luận chính trị, biết phát hiện và sử dụng người có đức có tài...”

Ngược lại, ông cũng yêu cầu:

“Kiên quyết không để lọt vào Ban Chấp hành Trung ương những người có một trong các khuyết điểm, như:

Bản lĩnh chính trị không vững vàng, không kiên định đường lối, quan điểm của Đảng, có biểu hiện cơ hội chính trị, nói và làm trái Cương lĩnh, đường lối, nguyên tắc của Đảng; tham vọng quyền lực, xu nịnh, chạy chọt, vận động cá nhân, tư tưởng cục bộ, phe cánh, lợi ích nhóm, không dám đấu tranh bảo vệ lẽ phải; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, mị dân, chuyên quyền, độc đoán, trù dập người thẳng thắn đấu tranh, phê bình; để xảy ra tình trạng mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng, tham nhũng, tiêu cực lớn ở địa phương, đơn vị; không chịu nghiên cứu học hỏi, bảo thủ, trì trệ, làm việc kém hiệu quả, nói không đi đôi với làm; ý thức kỷ luật kém, không chấp hành sự điều động, phân công của tổ chức; kê khai tài sản không trung thực, có biểu hiện giàu nhanh, nhiều nhà, nhiều đất, nhiều tài sản khác mà không giải trình rõ được nguồn gốc; bản thân và vợ, chồng, con có lối sống thiếu gương mẫu, lợi dụng chức quyền để thu lợi bất chính; có vấn đề về lịch sử chính trị hoặc chính trị hiện nay”.

Bài học nào từ Singapore?

Ở trên, chúng ta thấy tiêu chuẩn người lãnh đạo có cả định tính (tình yêu nước, bản lĩnh chính trị...) và quan trọng hơn là định lượng (nhiều nhà đất, tài sản không rõ nguồn gốc; vợ chồng có lối sống thiếu gương mẫu...). Nhưng làm cách nào chúng ta biết và đánh giá mức độ trung thực trong khai báo của họ?

Ở những nước tiên tiến, người ta hạn chế dùng tiền mặt trong quan hệ, giao dịch nên những thu chi, thuế lợi tức cá nhân đều thể hiện trong tài khoản. Chiến lược này giảm thiểu cả những cơ hội và những động cơ kích lệ tham nhũng. Học tập Singapore, chúng ta có thể rút ra những điều sau:

Trước tiên sự liêm chính của nhà cầm quyền phải bắt đầu từ những người lãnh đạo cao nhất. Những chiến dịch chống tham nhũng tập trung vào những người bị tố cáo ở mức độ cao cấp. Nhà cầm quyền đặt ra những tiêu chuẩn cao cho chính mình, đảm bảo rằng mỗi đồng đôla chi tiêu đều phải có trách nhiệm và phải đạt được mục tiêu đã được dự định. Không một ai, dù là dân sự hay quân sự, đứng trên luật pháp. Trong nhiều trường hợp, Thủ tướng và nhiều thành viên Nội các cũng phải tự bảo vệ mình trước tòa án.

Thứ hai là nhà nước chú trọng đến việc xử lý nhất quán đối với tất cả những người vi phạm, bất kể ở cấp bậc hay ở vị trí nào. Những hành vi cố ý hối lộ công chức sẽ bị luật pháp trừng phạt. Những công chức bị phát hiện phạm tội nhận hối lộ không những bị thi hành án mà còn bị đuổi việc và bị mất luôn những khoản hưu trí đồng thời chịu mọi rủi ro là sẽ không được nhận trở lại bất kỳ một đơn vị tư nhân nào. Đã có những Bộ trưởng bị buộc tội là cố tìm cách gạ gẫm để nhận hối lộ trong các thương vụ mua sắm máy bay hay là mở rộng đất đai, thậm chí, một vị bộ trưởng khi cảm thấy sỉ nhục đã tự sát.



Điều thứ ba là để cân bằng thì việc cấm đoán bằng trừng phạt cũng phải song hành với những biện pháp khích lệ hấp dẫn về mặt lương bổng, tương đương với những người giữ cùng vị trí ở trong thành phần kinh tế tư nhân. Điều này được xem là hết sức quan trọng cho tính liêm chính của các nhà lãnh đạo chính trị và các quan chức cao cấp. Như cố Thủ tướng Lý Quang Diệu đã nói: “Đường lối cao thượng cho rằng các bộ trưởng sẽ được đền bù bằng quyền lực và bằng danh dự trong cương vị của mình và rằng sự phục vụ công chúng luôn bao gồm sự hy sinh về thu nhập là một điều phi thực tế. Các bộ trưởng và các quan chức nhà nước được trả lương thấp đã phá hoại rất nhiều chính quyền ở châu Á”.

Thứ tư, những cơ hội tạo ra tham nhũng phải giảm đến mức tối thiểu. Trong lãnh vực kinh tế, Singapore dựa vào cơ chế giá cả cạnh tranh trên thị trường và đã tránh được những khoản “đặc quyền” kinh tế thường đi kèm theo chế độ độc quyền béo bở, sự giảm bớt việc cấp giấy phép hay là việc cấp phát các giấy phép nhập khẩu như Tổng thống Marcos của Philippines và Tổng thống Suharto của Indonesia cấp cho người thân và những cộng sự của mình. Hay như tại Việt Nam, tình hình độc quyền trong một số lãnh vực như xăng dầu, điện... cũng gây ra những hoài nghi trong công luận về tính minh bạch. Nhà cầm quyền Singapore đã xem sự liêm chính là ưu tiên hàng đầu. Sau khi lên nắm quyền năm 1959, một đạo luật chặt chẽ - thậm chí một số người còn cho rằng hà khắc - để chống tham nhũng đã được thực hiện thay thế cho luật được xây

dựng dưới thời thực dân. Đạo luật năm 1960 đã mở rộng định nghĩa về những khoản tiền cho bao gồm bất cứ thứ gì có giá trị và cho phép những nhà điều tra có quyền lực rộng rãi kể cả bắt giữ, thẩm vấn, điều tra tất cả những tài khoản ngân hàng của những kẻ tình nghi và vợ con cũng như là những người đại diện cho họ. Như ông Lý Quang Diệu đã giải thích: “Đảng cầm quyền (PAP) đã khẳng định là cần có một nền hành chính trong sạch. Chúng ta đã quá chán ngán vì lòng tham, tình trạng tham nhũng và sự suy thoái của các nhà lãnh đạo châu Á... Những người đã để cho xã hội của mình tụt lại đằng sau”.

Ở Việt Nam, có người kêu gọi rằng phải tử hình quan tham để diệt trừ quốc nạn tham nhũng. Nhưng nhìn thực tế thì từ trước tới nay, rất ít quan tham phải nhận án tử hình. Có những người làm thất thoát, hoặc tham nhũng hàng trăm, hàng ngàn tỉ đồng, nhưng có mấy ai bị tử hình đâu, ngoại trừ trường hợp Dương Chí Dũng. Có người như vụ Vinashin chỉ bị 20 năm tù (nhưng thực tế có thể ngắn hơn). Vậy chúng ta kêu gọi áp dụng án tử hình làm gì? Chúng ta sợ pháp luật không nghiêm minh, nhưng thực tế, pháp luật đối với tham nhũng đã nghiêm minh chưa? Câu hỏi đã có câu trả lời. Một chuyên gia đã từng nói rằng: việc kêu gọi tử hình dường như chỉ làm thỏa mãn bức xúc của dư luận, còn thực tế chẳng giải quyết được vấn đề gì. Vậy tại sao không cho người ta nộp lại tài sản tham nhũng để được giảm án tử hình xuống chung thân? Điểm mấu chốt là: chung thân phải... bị giam giữ suốt đời, chứ không phải ở tù khoảng 13-15 năm rồi được phóng thích như hiện nay.

Tại sao Singapore không áp dụng án tử hình mà vẫn là đất nước “sạch” nhất châu Á? Ở đây là phẩm chất quan chức. Một người ít nhiều có lòng tự trọng sẽ ứng xử khác một kẻ thiếu liêm sỉ khi làm quan! Phải làm sao để quan chức “không cần, không thể và không dám” tham nhũng.

Lời dạy từ ngàn xưa

Trong một bài viết trước đây, khi bàn về những cử tri trí tuệ, chúng tôi có đề cập luận thuyết của Plato trong Republic rằng “Con người thế nào, quốc gia thế ấy” hay nói cách khác “Quốc gia được cấu tạo bởi bản tính của những người đang ở trong nó”.

Nhìn lại lịch sử, chúng ta thấy trong những thời đại huy hoàng đều có những minh quân lãnh đạo Trong hai thời Lý Trần, chúng ta đã có những vị vua anh hùng và đức độ lãnh đạo muôn dân vượt qua bao khó khăn, chiến thắng ngoại xâm. Những vị vua sống mực thước, nhân hậu làm gương cho bá tánh.

Hãy nghe lại di chúc của vua Lý Nhân Tông (1072-1127): “Ta đã ít đức, không lấy gì làm cho trăm họ được yên vui, đến khi chết lại khiến cho mọi người mặc áo xô gai, sớm tối khóc than, giảm ăn uống, bỏ cúng tế, làm

cho lỗi ta thêm nặng, như vậy thiên hạ sẽ nghĩ ta là người thế nào...? Thế nên, việc tang chế chỉ ba ngày là bỏ áo trở, dứt khóc than, chôn cất cốt phải kiệm ước, không nên xây lăng mộ mà chỉ để ta hầu bên cạnh Tiên đế là được”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Nxb KHXH, 1983, tr.312)

Căn bản trong học thuyết Khổng Tử thời phong kiến là người lãnh đạo hay “quân tử” khi cầm quyền phải có kỷ luật, nên cai trị người dân của mình bằng chính tấm gương của mình. Niềm tin chính trị của ông gắn chặt với luân thường đạo lý và đạo đức cá nhân. Ông cho rằng chỉ những người liêm khiết và tuân theo đạo của người quân tử thì mới được cầm quyền, và tư cách của những nhân vật đó phải kiên định với địa vị trong xã hội. Chính trị theo nghĩa rộng là hoạt động của con người nhằm làm ra, gìn giữ và điều chỉnh những luật lệ chung mà những luật lệ này tác động trực tiếp lên cuộc sống của những người góp phần làm ra, gìn giữ và điều chỉnh những luật lệ chung đó. Trong bất kỳ xã hội nào thì cũng cần những luật lệ chung để hoạt động nhịp nhàng và khoa học, tránh tình trạng vô tình hay cố ý xâm phạm quyền lợi, lợi ích, tài sản, sức khỏe hay thậm chí tính mạng của người khác hay của cộng đồng.

Chúng ta hãy nghe Đức Phật dạy trong kinh *Chuyển Luân Thánh Vương*:

Tôi nghe như vậy:

“Một thời, Phật ở tại Ma-la-hê-sưu, du hành nhân gian, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, dẫn dắt đi đến nước Ma-lâu”.

Bấy giờ Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, các người hãy tự thấp sáng. Thấp sáng trong Chánh pháp, chớ đừng thấp sáng ở nơi khác. Hãy tự mình nương tựa nơi mình, nương tựa nơi Chánh pháp, chớ đừng nương tựa vào một nơi nào khác...”

... Vào thời quá khứ xa xưa, có vị vua tên là Kiên Cố Niệm, là vua Quán đảnh dòng Sát-ly, làm Chuyển luân thánh vương. Chuyển luân thánh vương, thống lãnh cả bốn châu thiên hạ. Bấy giờ nhà vua là vị Tự tại, cai trị bằng Chánh pháp, là người tối thắng trong loài người... Vua không cần dùng binh mà thiên hạ tự thái bình. Vua Kiên Cố Niệm trị vì đã lâu ngày, một hôm bánh xe vàng báu ở không trung bỗng tự nhiên rời khỏi chỗ cũ. Người coi bánh xe gấp đến tâu vua: Tâu Đại vương, nên biết, bánh xe báu nay rời khỏi chỗ cũ. Sau khi nghe thế, vua Kiên Cố Niệm nghĩ: Ta từng nghe các bậc tiền túc kỳ cựu nói: Nếu bánh xe báu rời khỏi chỗ cũ thì thọ mạng của Chuyển luân vương không còn được lâu. Ta nay đã thụ hưởng phước lạc ở cõi người, nên tìm phương tiện để thọ hưởng phước lạc thiên thượng. Ta hãy lập thái tử lên thống lãnh bốn châu thiên hạ...

... Thái tử tâu phụ vương: Phụ vương, Chánh pháp của Chuyển luân thánh vương là thế nào? Phải làm như thế nào? Vua bảo con: Hãy nương trên pháp, an lập trên pháp, thành tựu nơi pháp; cung kính, tôn trọng,

quán sát pháp; lấy pháp làm đầu, thủ hộ chánh pháp. Lại nữa, hãy răn dạy các thể nữ bằng pháp. Lại nữa, hãy chăm sóc dạy dỗ các vương tử, đại thần, các quan lại, trăm quan và thứ dân bằng pháp...”

Vua Asoka cũng kêu gọi mọi người hành động theo Chánh pháp. Pháp lệnh thứ I khắc trên trụ đá hồng ở thành Bénarès ghi:

“Chánh pháp rất lành... Đó là sự dứt trừ tận gốc mọi tội lỗi, tăng trưởng những hành động thiện, lòng xót thương, khoan đại, tính chân thực, trong sạch”.

Cai trị theo Chánh pháp tức là phải biến mình thành mẫu mực cho Chánh pháp (cũng như tấm gương của người quân tử nhưng khác biệt lớn nhất là tự tâm mình, không diễn kịch), sau đó mới hô hào dân chúng theo Chánh pháp, và muốn dân theo Chánh pháp, ta phải nghĩ và âu lo cho hạnh phúc của họ.

“... Ta xin nói điều ta nghĩ về quyền lợi và hạnh phúc của thế giới... cũng như đối với cha mẹ bà con quyền thuộc xa gần, ta muốn mang lại hạnh phúc cho họ, ta dùng mọi biện pháp thích ứng để hoạt dụng cho mọi thành phần trong xã hội; bởi vì đó là nguyên tắc: cai trị theo Chánh pháp, chấp chính theo Chánh pháp, làm đẹp lòng Chánh pháp, bảo vệ theo Chánh pháp (*Pháp lệnh thứ I của vua Asoka* khắc trên bia ở Bénarès).

Theo Pháp lệnh thứ I tại Kalinga, Asoka dạy rằng:

“Hãy thu phục tâm tình quần chúng. Mọi người đều là con của ta, ta muốn cho chúng hết thấy quyền lợi và hạnh phúc trong thế giới này cũng như trong kiếp sau... Chí công vô tư là không có khuynh hướng ganh ghét, gắt gỏng, ác hiểm, nông nổi, bướng bỉnh, lừa dối, buông xuôi”.

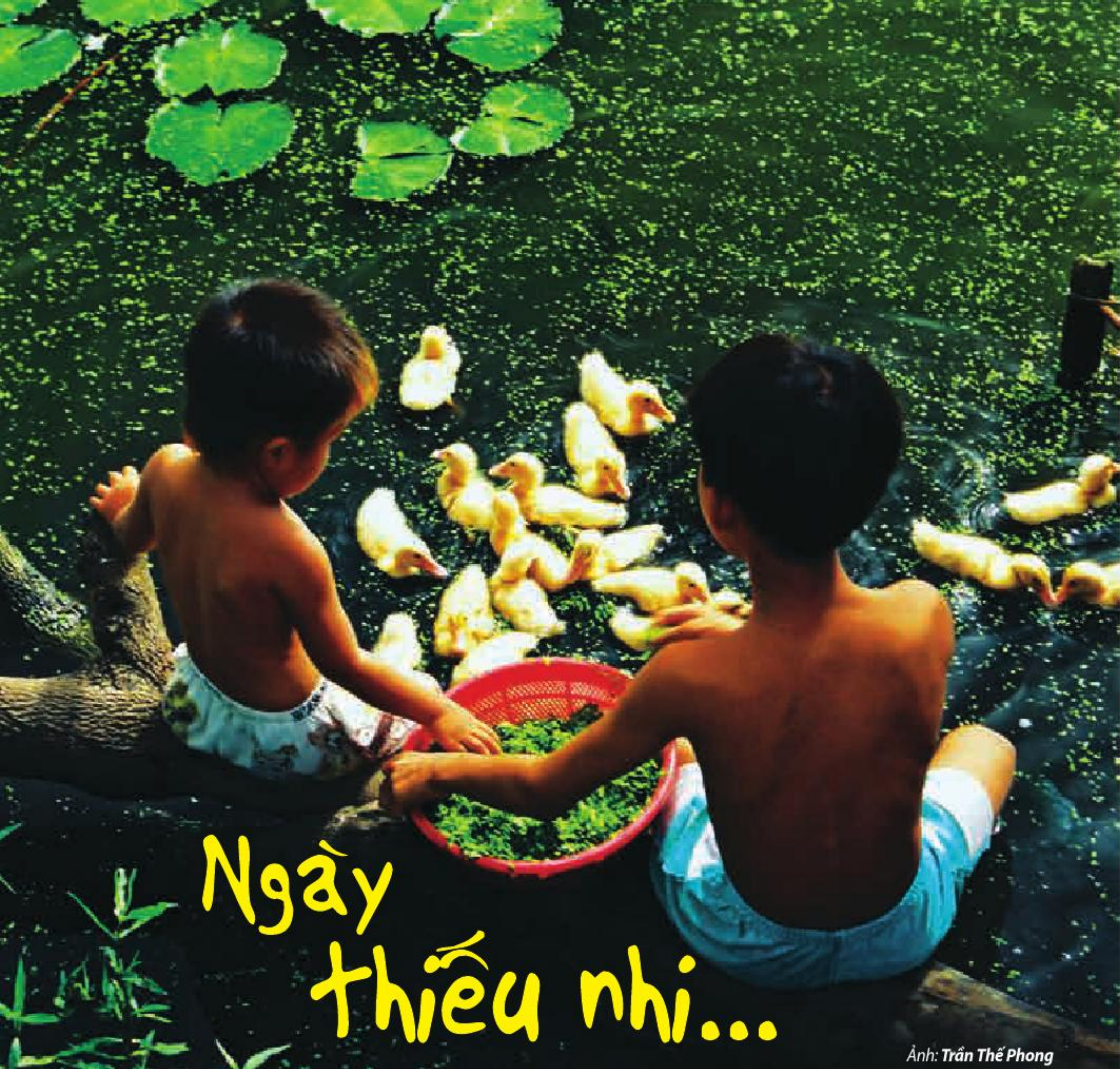
Cách giải thích này có phần hơi khác với cách hiểu của chúng ta hiện nay về “chí công vô tư”, nhưng tựu trung ý nghĩa nền tảng của nó vẫn là tính hỷ xả, lòng khoan dung. Nói một cách thực tiễn, mục đích của chính trị là thiết kế và xây dựng nhân sinh vì vậy giác ngộ nhân chủ là con người phải tự mình làm chủ, lấy con người làm chủ thể tác nghiệp và đối tượng phục vụ. Một chế độ dân chủ để giám sát và quản lý quyền lực là yêu cầu tối thượng. Quyền lực phải đi cùng với sự liêm chính và công bình thì mới thể hiện ý nghĩa của nó và phẩm chất người lãnh đạo, trước khi có thể đem lại hạnh phúc và bình an cho những người chịu ảnh hưởng của quyền lực ấy. Nếu không, như đã nói ở trên, nó sẽ làm bại hoại lương tâm ta và tiêu vong chế độ mà ta phụng sự. ■

Tài liệu tham khảo:

1. *Bài học thành công của Singapore*, Henri Ghesquiere, Nxb Cengage Learning, bản dịch tiếng Việt: Phạm Văn Nga - Phạm Hồng Đức

2. *Kinh Trường A-hàm* Hán dịch: Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm; Việt dịch: Thích Tuệ Sỹ

3. *Asoka - Một chính trị gia vĩ đại...* Nguyễn Ân - tập san *Giữ thơm quê mẹ* số 3 tháng 9/1965.



Ảnh: **Trần Thế Phong**

Ngày thiếu nhi...

NGUYỄN VĂN NHẬT

Ngày nay, mọi người trưởng thành đều hiểu rằng tuy trẻ em chưa phát triển trọn vẹn về cả sinh lý lẫn tâm lý, các em vẫn có đầy đủ nhân cách và xứng đáng được đối xử như mọi thành viên khác trong đại gia đình nhân loại; không những thế, chính vì chưa phát triển trọn vẹn, các em còn cần được bảo vệ và chăm sóc một cách đặc biệt.

Sự hiểu biết này thật ra mới chỉ được phổ biến trong vòng vài trăm năm trở lại đây ở những nền văn minh xem loài người cùng với tất cả những sinh vật khác trên trái đất chỉ là tạo vật của một vị thần chủ tể sáng thế và tự nhận loài người là chủ nhân của trái đất. Thật

vậy, lịch sử ghi nhận rằng vào thời trung cổ ở châu Âu, trẻ em chỉ được coi là người trưởng thành không quan trọng (small adult).

Mãi đến thời kỳ Ánh sáng (thế kỷ XVI-XVII), tư tưởng nhân bản mới manh nha ở châu Âu và một số triết gia người Pháp bắt đầu nhận thức rằng trẻ em cần phải được bảo vệ; từ đó tư tưởng giới châu Âu phát triển các lý thuyết và định chế liên quan đến quyền trẻ em. Từ năm 1881, luật lệ ở Pháp quy định trẻ em có quyền được hưởng sự giáo dục.

Sau khi Thế chiến thứ nhất kết thúc, với việc thành lập Hội Quốc Liên (the League of Nations), một Ủy ban Bảo vệ Trẻ em đã được đặt bên cạnh hệ thống

điều hành của tổ chức quốc tế này. Ngày 16-9-1924, Hội Quốc Liên công bố một Tuyên ngôn về Quyền Trẻ em gồm 5 chương, quy định các nghĩa vụ của người trưởng thành đối với trẻ em. Năm sau, 1925, một Hội nghị Thế giới về Phúc lợi của Trẻ em (World Conference on the Wellbeing of Children) được tổ chức tại Geneva; tại hội nghị, các đại biểu đề nghị lấy ngày 1 tháng 6 hàng năm làm ngày Quốc tế Bảo vệ Trẻ em.

Với Chiến tranh thế giới lần thứ hai, bên cạnh sự tàn phá khủng khiếp của nó, vào lúc chiến cuộc chấm dứt, còn có hàng chục ngàn trẻ em bị đặt vào những hoàn cảnh vô cùng bi đát. Không bao lâu sau khi Liên Hiệp Quốc ra đời, vào năm 1946, một nhà vi trùng học người Ba Lan là Ludwik Rajchman đã vận động xây dựng một Quỹ Khẩn cấp cho Nhi đồng Quốc tế của Liên Hiệp Quốc (United Nations International Children's Emergency Fund, viết tắt là UNICEF) nhằm cung cấp thực phẩm và thuốc men cho số trẻ em là nạn nhân ở các quốc gia đã bị tàn phá bởi chiến tranh. Cùng với những chuyên viên thuộc Ủy ban Soạn thảo Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, Ban Điều hành Quỹ này đã vận động cho một Công ước Quốc tế về Quyền Trẻ em nhưng những cố gắng của họ không đạt được kết quả mong muốn.

Trong thời gian đó, Liên đoàn Quốc tế Phụ nữ Dân chủ họp đại hội ở Moscow (Mạc Tư Khoa, Liên bang Xô-viết toàn Nga) vào ngày 22-11-1949, đã đề nghị lấy ngày Quốc tế Bảo vệ Trẻ em 1-6 trước đây làm ngày Quốc tế Thiếu nhi để đề cao vai trò của thiếu niên nhi đồng trong xã hội, và ra nghị quyết yêu cầu các quốc gia thành viên thực hiện từ năm 1950. Việt Nam có đại biểu tham gia đại hội này và ngay trong năm 1950, nước ta đã tổ chức ngày Quốc tế Thiếu nhi lần đầu tiên cùng nhiều quốc gia khác.

Vào năm 1953, UNICEF đổi tên thành Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (United Nations Children's Fund) và trở thành một cơ quan thường trực của LHQ, nhưng vẫn được gọi bằng tên viết tắt là UNICEF như trước đây. Ngoài những hoạt động nhằm giúp đỡ trẻ em trên toàn thế giới, cơ quan này tiếp tục vận động cho một công ước quốc tế về quyền trẻ em. Do đó, năm 1954, Đại hội đồng LHQ đã khuyến nghị các quốc gia nên chọn một ngày chính thức để tiến hành các hoạt động chung nhằm xây dựng tình hữu ái và sự hiểu biết giữa tất cả trẻ em ở các quốc gia khác nhau, xúc tiến lý tưởng và các mục tiêu cho một tuyên bố quốc tế về việc bảo vệ phúc lợi cho trẻ em; các quốc gia cũng có thể chọn riêng cho mình một ngày kỷ niệm thuận tiện với hoàn cảnh của quốc gia mình. Nhưng mãi đến khi Đại hội đồng LHQ chọn năm 1979 là Năm Trẻ Em, nhận thức trên toàn thế giới về quyền trẻ em mới có những chuyển biến tích cực. Một lần nữa, lại là các đại biểu Ba Lan đề nghị thành lập một nhóm công tác trực thuộc Ủy ban Nhân quyền Quốc tế chuyên trách soạn thảo một văn bản quốc tế về quyền trẻ em.

Mặc dù vậy, phải đến 10 năm sau, tại phiên họp toàn thể lần thứ 44 của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc tổ chức vào ngày 20-11-1989, Công ước về Quyền Trẻ em (Convention on the Rights of the Child) mới được nhất trí thông qua rồi được đưa ra cho các quốc gia thành viên ký kết và phê chuẩn. Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên đã ký kết và phê chuẩn công ước này, lần lượt vào các ngày 26-1-1990 và 28-2-1990, thể hiện sự quan tâm của Nhà nước Việt Nam đối với các thế hệ tương lai của dân tộc.

Công ước gồm 54 điều chia làm ba phần; phần đầu mô tả cụ thể các quyền của trẻ em về văn hóa, xã hội và kinh tế chống lại mọi sự phân biệt đối xử và trừng phạt dựa trên chủng tộc, hành động, những ý kiến được phát biểu hay niềm tin và tín ngưỡng của cha mẹ, của các thành viên trong gia đình hay của người giám hộ; phần thứ hai quy định việc tổ chức một Ủy ban về Quyền Trẻ em; và phần ba nêu lên những điều khoản thi hành. Công ước đã được xây dựng trên sự nhận biết rằng trẻ em cần phải được chuẩn bị một cách đầy đủ để sống một đời sống cá nhân trong xã hội loài người, và trẻ em chỉ có thể được phát triển một cách hài hòa phù hợp với nhân cách của các em khi các em được nuôi dưỡng trong không khí thương yêu hiểu biết và tôn trọng mà gia đình là môi trường lý tưởng nhất để giúp các em trưởng thành.

Điều 1 của Công ước xác định rằng trẻ em là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng đối với trẻ em đó có quy định tuổi thành niên sớm hơn. Căn cứ theo ngôn từ, có thể nhận biết rằng trẻ em được công nhận là những người chưa thành niên, và người chưa thành niên là người chưa đủ 18 tuổi.

Xét trong trường hợp nước ta hiện nay, một số văn bản luật có liên quan đến độ tuổi trưởng thành của con người tương đối có những khác biệt. Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em quy định trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi. Bộ luật Dân sự quy định công dân Việt Nam đủ 18 tuổi mới gọi là người thành niên để có đủ năng lực hành vi của một người trưởng thành. Ngoài ra, Luật Thanh niên lại quy định thanh niên là công dân Việt Nam từ đủ 16 tuổi đến 30 tuổi.

Những quy định này cho thấy, công dân Việt Nam trong khoảng đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không còn là trẻ em nhưng vẫn chưa phải là người trưởng thành. Để bổ sung vào sự gián cách này, Luật Thanh niên đã dành hẳn một chương là chương IV để quy định trách nhiệm của nhà nước, xã hội và gia đình trong việc bảo vệ và chăm sóc những người thuộc độ tuổi này. Có thể thấy, đây là một quan điểm pháp lý cần thiết, phù hợp với hoàn cảnh đất nước ta, nơi những người trẻ trong độ tuổi này có nhiều người đã có nhu cầu tham gia tích cực vào các hoạt động mưu sinh nên cần được hưởng những quy chế bảo vệ khác những em nhỏ dưới 16 tuổi.

Vào ngày 20-11-1990, nhân dịp kỷ niệm một năm



ngày Công ước về Quyền Trẻ em được thông qua, Liên Hiệp Quốc đã chính thức đề nghị lấy ngày 20-11 hàng năm làm ngày Thiếu nhi Thế giới (Universal Children's Day).

Do quá trình vận động để xác lập ngày Thiếu nhi và công nhận quyền trẻ em như được trình bày ở trên, hiện nay, các quốc gia trên thế giới tổ chức những ngày thiếu nhi khác nhau phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của đất nước mình. Có nhiều quốc gia xem ngày Thiếu nhi là ngày lễ chính thức. Ở nước ta, ngoài ngày 1-6 dương lịch, còn có ngày rằm tháng Tám âm lịch là Tết Trung thu vẫn được coi là Tết Thiếu nhi.

Việc tổ chức ngày Thiếu nhi như vậy là nhằm mục đích nâng cao ý thức trách nhiệm của toàn xã hội trước việc tạo điều kiện cho trẻ em được phát triển tâm sinh lý phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, tôn trọng các quyền của trẻ em đã được luật pháp quốc tế và luật pháp quốc nội quy định; đồng thời cũng là dịp để các em nhận thức rõ hơn về vai trò của mình trong gia đình, trong cộng đồng xã hội, trong đất nước và trong đại gia đình nhân loại.

Chủ thể của ngày thiếu nhi nói chung là những người dưới 18 tuổi. Nhưng từ lúc sơ sinh đến khi đủ 18 tuổi, trẻ em đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau. Về nguyên tắc, dưới ba tuổi, trẻ em cần phải

được ở bên cạnh cha mẹ suốt thời gian. Từ ba tuổi đến dưới sáu tuổi, các em cần được tham gia vào các sinh hoạt chung với trẻ em khác. Sau sáu tuổi, đại đa số trẻ em đều phải được cung cấp một nền giáo dục sơ cấp; thường thường, mọi quốc gia đều cung cấp một nền giáo dục cưỡng bách cho các em đến khi các em bước vào tuổi dậy thì. Theo các nghiên cứu về tâm sinh lý thì bé gái dậy thì ở khoảng hơn mười tuổi, trong khi các bé trai phải đến 12 tuổi mới bước vào giai đoạn phát dục. Về phương diện tổ chức các cấp học, đa số các quốc gia xác định học sinh đến 11 tuổi thì bắt đầu vào cấp 2 và đến 18 tuổi thì hoàn tất việc học tập ở cấp 3. Như vậy, chủ thể chính của ngày thiếu nhi là những người từ 3 tuổi đến đủ 18 tuổi, đa phần còn là học sinh.

Trong ngày thiếu nhi, các em cần được tham gia vào các hoạt động có tính cách nâng cao ý thức của các em trong phạm vi đời sống hàng ngày của mình. Ở độ tuổi càng lớn, phạm vi đó càng rộng. Để đạt mục tiêu đó, những cơ quan đoàn thể có trách nhiệm tổ chức ngày thiếu nhi cần căn cứ vào đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi sắp đặt những hoạt động thích hợp, căn cứ trên phúc lợi của trẻ em, không nên nhân danh trẻ em để đưa vào những nội dung sinh hoạt chỉ nhằm phục vụ tham vọng của người lớn.

Trong thời đại toàn cầu hóa ngày nay, trẻ em sớm có điều kiện tiếp xúc với thế giới bên ngoài thông qua những phương tiện của kỹ thuật số và công nghệ thông tin. Hơn bao giờ hết, ngày thiếu nhi nên là thời điểm khuyến khích trẻ em phát triển nhận thức của mình trong việc làm chủ những công nghệ và kỹ thuật ấy theo một phương cách thông minh để tiếp cận nhiều thông tin xác thực và biết cách đối phó với những mánh khoe dụ hoặc của những kẻ cung cấp thông tin sai lạc nhằm lợi dụng trẻ em. Các em cũng cần được hiểu rõ về quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Như vậy, việc cung cấp những thông tin liên quan đến Công ước về Quyền Trẻ em và quá trình xác lập ngày thiếu nhi trên thế giới cũng là điều cần thiết. Những việc này sẽ giúp các em từng bước xây dựng được một tâm hồn bao dung, cởi mở, một tinh thần tư duy có phê phán, bên cạnh những tài năng được phát triển một cách bền vững. Chỉ như thế, xã hội mới góp phần tạo nên những thế hệ tương lai đủ bản lĩnh làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; vì trước hết, các em phải được sống như những cá nhân tự do, tự chịu trách nhiệm về bản thân, và tự làm chủ lấy chính mình.

Ngày thiếu nhi cũng là lúc để toàn xã hội nhìn lại, đánh giá những gì xã hội đã làm được cho thiếu nhi về việc giúp các em phát triển nhân cách đạo đức và tài năng; từ đó, có những chính sách thích hợp về kinh tế, văn hóa và xã hội đối với các em, nhất là định hướng những kế hoạch giáo dục thích đáng đáp ứng được yêu cầu phát triển. Khi ấy, việc tổ chức ngày thiếu nhi mới thực sự có ý nghĩa, dù đó là ngày nào. ■

Các pháp hy hữu về sự Đản sinh của Đức Phật

DIỆU THẢO

Đức Phật đản sinh ở trên thế gian này là một sự kiện lớn luôn luôn mang lại nhiều cảm kích và thu hút sự quan tâm của nhiều người trên khắp hành tinh. Hết thầy tín đồ Phật giáo đều tìm thấy hân hoan và cảm kích lớn trong các lễ hội trang trọng mừng ngày Đản sinh của Đức Giáo chủ Thích-ca Mâu-ni. Chư vị thiện tri thức thì cảm niệm Phật đản sinh như một vận may lớn để con người giác ngộ trong nhân loại có dịp được đản sinh.

Đức Phật có vô lượng công đức, vô lượng ưu điểm¹ để cho nhân loại trên thế giới tiếp tục chiêm ngưỡng và học hỏi. Trong không khí hân hoan kính mừng bậc Chánh Đẳng Giác đản sinh, người con Phật chúng ta hãy lắng nghe và chiêm nghiệm những lời Đức Phật dạy về các pháp hy hữu gắn liền với sự kiện xuất hiện của Ngài trên cõi đời này, những lời dạy do Tôn giả Ànanda tận mặt được nghe từ chính kim khẩu của Đức Thế Tôn và thuật lại:

“Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: ‘Chánh niệm tỉnh giác, này Ànanda, Bồ-tát sanh trong Thiên chúng Tusita’. Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác Bồ-tát sanh trong Thiên chúng Tusita, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: ‘Chánh niệm tỉnh giác, này Ànanda, Bồ-tát an trú trong Thiên chúng Tusita’. Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát an trú trong Thiên chúng Tusita, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: ‘Chánh niệm tỉnh giác, này Ànanda, Bồ-tát an trú tại Thiên chúng Tusita cho đến trọn thọ mạng’. Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát an trú tại Thiên chúng Tusita cho đến trọn thọ mạng, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: ‘Chánh niệm, tỉnh giác này Ànanda, Bồ-tát sau khi từ Thiên chúng Tusita mạng chung, nhập vào mẫu thai’. Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát sau khi từ Thiên chúng Tusita mạng chung, nhập vào mẫu thai, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: ‘Khi Bồ-tát nhập vào mẫu thai, này Ànanda, khi ấy một hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến các thế giới ở giữa các thế giới, tối tăm, u ám không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, với đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu; trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: ‘Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây’. Và mười ngàn thế giới này chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: ‘Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ànanda, bốn vị Thiên tử đến canh gác bốn phương trời và nói: ‘Không cho một ai, người hay không phải loài người được phiến nhiễu Bồ-tát, hay mẹ vị Bồ-tát’. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: ‘Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ànanda, mẹ Bồ-tát giữ giới một cách hỷ nhiên, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu nấu, rượu lên chất men’. Vì rằng, bạch



Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, là một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: 'Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ànanda, mẹ Bồ-tát không khởi dục tâm đối với một nam nhân nào, và mẹ Bồ-tát không bị xâm phạm bởi bất kỳ người đàn ông nào có nhiễm tâm! Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: 'Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ànanda, mẹ Bồ-tát tận hưởng năm dục công đức đầy đủ, tận hưởng trọn năm dục công đức! Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: 'Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ànanda, mẹ Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với tâm khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay. Này Ànanda, ví như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo đũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Rồi một sợi dây được khâu qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt. Nếu có người có mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ

ràng: 'Đây là viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo đũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây khâu qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt! Cũng vậy, này Ànanda, khi Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với tâm khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ bộ phận và chân tay! Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: 'Sau khi sanh Bồ-tát bảy ngày, này Ànanda, mẹ Bồ-tát mệnh chung và sanh lên cõi trời Đâu-suất! Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: 'Trong khi các người đàn bà khác, này Ànanda, mang bầu thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sanh, mẹ Bồ-tát sanh Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ Bồ-tát mang Bồ-tát trong bụng mười tháng rồi mới sanh! Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: 'Trong khi các người đàn bà khác, này Ànanda, hoặc ngồi hoặc nằm mà sanh con, mẹ Bồ-tát sanh Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ Bồ-tát đứng mà sanh Bồ-tát!'



Vì rằng bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: 'Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ànanda, chư Thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đến loài người'. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: 'Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ànanda, Bồ-tát không đụng đến đất. Có bốn Thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: 'Hoàng hậu hãy hoan hỷ! Hoàng Hậu sanh một bậc vĩ nhân'. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: 'Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ànanda, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mù nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Này Ànanda, ví như một viên ngọc ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Viên ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này Ànanda, khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mù

nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch'. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: 'Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ànanda, hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho Bồ-tát và cho bà mẹ'. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: 'Bồ-tát khi sanh ra, này Ànanda, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lông trắng được che lên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương lên tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau: 'Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời! Ta là bậc cao nhất ở trên đời! Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa'. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: 'Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ànanda, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên, hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến các cảnh giới giữa các thế giới, tối tăm, u ám, không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại các chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói: 'Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây'. Và mười ngàn thế giới này chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới'. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn".²

Chúng ta nhất tâm kính niệm và nguyện học hỏi vô lượng công đức thiện nghiệp mà Đức Phật đã nỗ lực tích lũy và thực hành lâu đời để cho đến lúc xuất hiện trên thế gian này thì các công đức thiện nghiệp ấy đã quay trở lại với Ngài như là kết quả phước báo hết sức thân thương chào mừng sự thị hiện kỳ diệu của bậc Chánh Đẳng Giác, "một vị hữu tình không bị si chi phối, đã sanh ra ở đời vì lợi ích, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người".³ ■

Chú thích:

1. Kinh Sonadanda, Kinh Kùtadanta, Trường Bộ; Kinh Ưu-ba-li, Kinh Cankì, Trung Bộ.
2. Kinh Hy hữu, vị tăng hữu pháp, Trung Bộ.
3. Đại kinh Sư tử hống, Trung Bộ.



Tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai khác

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Kinh Hoa Nghiêm chỉ bày sự đồng nhất của tất cả mọi sự, bởi thế mà có thể tóm gọn: "Tất cả là một, một là tất cả". Kinh nói sự đồng nhất của ba thực thể tâm, Phật và chúng sanh:

*Như tâm, Phật cũng vậy
Như Phật, chúng sanh đồng
Nên biết Phật cùng tâm
Thể tánh đều vô tận.*

(Phẩm Dạ-ma cung kệ tán, thứ 20)

Cũng đoạn kệ trên, trong bản dịch 60 quyển:
*Như tâm, Phật cũng vậy
Như Phật, chúng sanh đồng
Tâm, Phật và chúng sanh
Cả ba không sai khác.*

“Đồng” ở đây là đồng với thân tâm của Phật bốn nguyên Tỳ-lô-giá-na; nói cách khác, đồng một pháp giới sự sự vô ngại, tức là “mười biển thân tướng của Như Lai” (Phẩm *Như Lai thập thân tướng hải*, thứ 34).

Tu hành là thực hiện sự “không sai khác” này, chúng ngộ được thể tánh của tâm, Phật và chúng sanh là đồng nhất và vô tận. Tùy theo mức độ thanh tịnh của tâm mà chúng ta thấy được ít hay nhiều sự đồng nhất vốn có này, sự đồng nhất rốt ráo đã hiện thành sự sự vô ngại của pháp giới.

Tất cả các pháp môn của kinh *Hoa Nghiêm* đều đặt trên nền tảng cả ba tâm, Phật, chúng sanh không sai khác này, cho nên mọi phương tiện tu hành nào cũng khởi từ nền tảng ấy, vận hành và thành tựu trên nền tảng ấy, do đó bất cứ phương tiện nào cũng có cái cứu cánh không sai khác vốn sẵn ấy. Đó là một trong những lý do để người xưa nói tu theo kinh *Hoa Nghiêm* là Viên giáo.

Thân tâm chúng ta không thể ở ngoài pháp giới *Hoa Nghiêm* này. Thân tâm chúng ta đồng nhất, hay dùng thuật ngữ *Hoa Nghiêm* tông, tương tức tương dung với thân tâm Phật Tỳ-lô-giá-na hay pháp giới sự sự vô ngại. Thân tâm mỗi chúng ta là pháp giới sự sự vô ngại.

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, thân tâm hay vật chất và tâm thức, không gian và thời gian, được quan sát bằng Chỉ Quán ở mức độ vi tế nhất. Các phẩm trong kinh đều được thuyết trong tam muội, ở mức sâu nhất. Mức độ nhỏ nhất của không gian là một vi trần. Mức độ nhỏ nhất của thời gian và của tâm thức là một niệm, tức là một khoảnh khắc, cũng là một ý nghĩ. Pháp giới *Hoa Nghiêm* được chỉ bày và thâm nhập ở mức độ nhỏ nhất ấy, vi trần và niệm.

Khi thân tâm chúng ta được nhìn ở mức độ vi tế bằng tam muội (samadhi) thì mỗi vi trần và mỗi niệm của nó đều tương nhiếp tương nhập với những vi trần và những niệm tạo thành vũ trụ này. Khi ấy, thực tại bốn nguyên thanh tịnh và thiêng liêng là Phật Tỳ-lô-giá-na được thấy đầy khắp vũ trụ và trong mỗi vi trần và mỗi niệm.

Phẩm *Thăng Đâu-suất thiên cung* nói:

“Thân Phật không ngần mé trụ khắp trong thân của chúng sanh”.

Trong thân chúng ta hiện giờ luôn luôn có thân Phật không ngần mé hay pháp giới sự sự vô ngại vô tận. Toàn bộ cuốn kinh chỉ dạy cho chúng ta làm sao khám phá, nhận biết, ngộ nhập thân Phật vốn có sẵn ấy.

Phẩm *Như Lai xuất hiện* nói:

“Đại Bồ-tát phải biết tâm mình, niệm niệm thường có

Phật thành Chánh giác, vì chư Phật Thế Tôn chẳng rời tâm này mà thành Chánh giác. Cũng như vậy, tâm của tất cả chúng sanh đều thường có Như Lai thành Chánh giác, rộng lớn khắp cả, không chỗ nào chẳng có, chẳng rời, chẳng dứt, không thôi nghỉ, nhập pháp môn phương tiện không thể nghĩ bàn”.

Phật trong tâm mỗi chúng sanh, không chỉ là rộng lớn khắp cả, không chỗ nào chẳng có, mà trong mỗi niệm thường thành Chánh giác. Ngay trong tâm chúng ta, mỗi niệm mỗi niệm chúng ta đều có thể khám phá, nhận biết Phật bốn nguyên Tỳ-lô-giá-na vốn đã thành Chánh giác này. Phật bốn nguyên chính là tâm chúng ta, vốn toàn thiện, viên mãn trong từng khởi niệm. Kinh *Viên Giác* nói, “chúng sanh bốn lai thành Phật” là như vậy.

Kinh đã dùng từ “biển quả” để chỉ sự ở khắp không gian và thời gian của “tâm, Phật, chúng sanh” vốn thành Chánh giác này. Trong biển quả ấy cái gì khởi lên, một làn sóng, một niệm, một vi trần, đều là quả vốn đã viên thành.

Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai khác là cái thấy vô ngại, tương tức tương nhập, tương dung tương nhiếp của kinh *Hoa Nghiêm*. Trong khi đó, cái thấy do tướng phân biệt của chúng sanh thì có nhiều sai khác: tịnh sai khác với bất tịnh, sắc sai khác với Không, sanh tử sai khác với Niết-bàn, chân lý tương đối sai khác với chân lý tuyệt đối... Cái thấy tương tức tương nhập, tương dung tương nhiếp là cái thấy viên dung: Một là tất cả, tất cả là một. Một là Phật và tất cả cũng là Phật.

Không chỉ tâm, Phật, chúng sanh vô ngại với nhau mà cả thế giới cũng vô ngại với ba cái trên, bởi vì, “Toàn cả ba cõi chỉ là Nhất Tâm” (Phẩm *Thập địa*), “Ba đời quá, hiện, vị lai chỉ là Nhất Niệm” (Phẩm *Thập địa*). Tất cả tâm, Phật chúng sanh, thế giới, không gian, thời gian được quy về Nhất Tâm hay Nhất Niệm này. Cái Nhất Tâm hay Nhất Niệm này là Phật Tỳ-lô-giá-na, hay còn gọi là Phật tánh, Pháp thân, pháp tánh, pháp giới tánh...

Tất cả các pháp, dầu nhỏ đến đâu như vi trần và một niệm, đều là Nhất Tâm hay Nhất Niệm. Và chúng đồng nhất với nhau đến rốt ráo, nên chúng tương nhiếp tương nhập với nhau, hiện thành pháp giới sự sự vô ngại.

Pháp thân Như Lai tạng

Vào khắp trong thế gian.

(Phẩm *Phổ Hiền hạnh*, thứ 36)

Mỗi vi trần của thế giới nhiếp tất cả Phật:

Trong mỗi vi trần vô lượng Phật

Trong mỗi trần có vô lượng quang

Trong mỗi vi trần tam thế Phật.

(Phẩm *Thế giới thành tựu*, thứ 4)

Mỗi niệm của thời gian chứa tất cả ba đời:

Một niệm hiện khắp nơi tam thế

Tất cả biển cõi đều thành lập.

(Phẩm *Thế giới thành tựu*, thứ 4)



Tâm, Phật, chúng sanh, thế giới luôn luôn đồng nhất (tương tức), dung thông không chia cắt (tương dung) như vậy. Tâm chúng sanh vốn là tâm Phật, chỉ vì vô minh vọng tưởng phân biệt rồi sanh ra các độc tham, sân, si, kiêu căng, ghen ghét... mà thành ra nhiễm ô tạm thời.

Có thể giới, có chúng sanh, có sanh tử, tất cả sai khác, là do tưởng:

*Tất cả chúng sanh trong mười phương
Đều là chúng sanh tưởng phân biệt
Tưởng, phi tưởng đều không chỗ đắc
Rõ thấu các tướng là như vậy.*

(Phẩm Thập hồi hướng, thứ 25)

Thế giới luôn luôn vô ngại, tương tức tương dung với tâm chúng ta, bởi vì bản tánh của tất cả vốn là thanh tịnh, một vị. Chỉ vì vô minh mà vọng tưởng các pháp có tự tánh, cách biệt riêng rẽ nhau, có chủ thể khách thể, thành ra tâm ta và thế giới cách biệt, từ đó những phiền não càng khiến cái Nhất Tâm Nhất Niệm được thấy thành chia cắt xung đột, trở thành sanh tử khổ đau.

Để phá bỏ tướng hư vọng này, chúng ta phải thấy tánh Không, vô tự tánh và tịch diệt:

*Tất cả các pháp nhân duyên sanh
Thế tánh chẳng có cũng chẳng không
Nơi những nhân duyên mà sanh khởi
Trong đó trọn chẳng hề bám trước.
Những ngôn ngữ của các chúng sanh
Trong đó rốt ráo không chỗ đắc
Danh tướng đều là tướng phân biệt
Hiểu rõ các pháp đều vô ngã
Như tánh chúng sanh vốn tịch diệt
Rõ biết tất cả pháp như vậy
Mọi sự trong tất cả ba đời*

Các cõi nước, nghiệp, đều bình đẳng.

(Phẩm Thập hồi hướng, thứ 25)

Thấy được như vậy là thấy Nhất Tâm hay Nhất Niệm.

Tu hành là chuyển hóa lưới tưởng của mình và chúng sanh tạo thành sanh tử, đưa chúng về bản tánh, thật tướng của chúng. Đó là chuyển hóa lưới tưởng của sanh tử thành lưới trời Đế-thích. Điều này được gọi là chuyển thức thành Trí, chuyển tướng thành tánh, chuyển sanh tử thành Niết-bàn.

Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai khác, nghĩa là sự không sai khác, sự đồng nhất một vị ấy đã có sẵn. Tất cả đã có sẵn, pháp giới Nhất Tâm ấy đã có sẵn trước mắt chúng ta. Chỉ cần từ bỏ tướng phân biệt thì mọi sự hết méo mó, nhấp nhô mà trở lại với cái toàn thể Nhất Tâm, Nhất Niệm.

Khi Đồng tử Thiện Tài vào lầu gác Tỳ-lô-giá-na Trang Nghiêm của Bồ-tát Di-lặc, lầu gác đó chính là pháp giới, Thiện Tài thấy tất cả mọi cảnh giới trang nghiêm bằng tâm và mắt thanh tịnh. Sự thanh tịnh ấy vốn có sẵn từ bao giờ. Và dầu có thấy trong tam muội thì tam muội ấy cũng có sẵn, đó là Hải Ấn tam muội hay tam muội vốn như vậy của pháp giới. Pháp giới vốn thanh tịnh trong chánh định như vậy. Thế nên chương chót có tên là Nhập pháp giới. Nhập pháp giới chứ không nói là tạo ra, xây dựng pháp giới. Nhập pháp giới là đi vào cái đã có sẵn để thấy.

Cái thấy biết của kinh *Hoa Nghiêm* luôn luôn là cái đã có sẵn, là quả đã có sẵn nơi mỗi chúng ta, do đó kinh được gọi là Quả thừa (Phalayana) thay vì Nhân thừa (Hetuyana). Nhân thừa là tích tập, tạo lập nhân để thành quả. Còn Quả thừa là quả đã có sẵn nơi mỗi chúng ta. Khi kinh nói, "Tâm, Phật, và chúng sanh, cả ba không sai khác", đó là Quả thừa. Mọi thực hành, mọi hạnh đều là những khai triển từ quả ấy. Do đó, mọi nhân đều chính là quả.

Tâm này là Phật, chúng sanh là Phật, thế giới là Phật. Đó là cái thấy biết kinh *Hoa Nghiêm* khai thị cho chúng ta. Tất cả những gì chúng ta thấy, nghe, hiểu, biết, xúc chạm, suy nghĩ... đều đồng một Phật tánh, đồng một tánh vàng như pháp giới vốn là vàng ròng.

Khi tất cả sáu căn, sáu trần, sáu thức đều trở lại nguyên thể của chúng là vàng thì tất cả là vàng không một mảy may hờ sót. Khi mỗi vi trần, mỗi niệm đều là vàng thì tất cả các vi trần, các niệm tương tức tương nhập, tương dung tương nhiếp một cách vô ngại, hiển bày pháp giới *Hoa Nghiêm*.

Ở trên, chúng ta đã nói đến ba phương diện chính của thực tại tối hậu và trước mắt, tức Phật Tỳ-lô-giá-na, là tánh Không, quang minh và như huyền. Mỗi chúng sanh chúng ta đều có, đều sống trong Phật Tỳ-lô-giá-na, không thể tách lìa dầu một vi trần, một niệm.

"Trí huệ Như Lai không chỗ nào là chẳng đến. Vì không một chúng sanh nào mà chẳng có đủ trí huệ

Như Lai, chỉ do vọng tưởng điên đảo chấp trước nên không chứng được. Nếu lìa vọng tưởng thì nhất thiết trí, tự nhiên trí, vô ngại trí liền hiện tiền” (Phẩm Như Lai xuất hiện, thứ 37).

Chúng ta luôn luôn sống trong ba phương diện ấy. Như vậy, chúng ta chỉ cần đi vào một phương diện thì sẽ thấu biết cả hai phương diện kia. Mức độ ngộ nhập ba phương diện sâu đến đâu thì pháp giới được thấy biết sâu đến đó.

Bản tánh của tâm chúng ta và thế giới là tánh Không, do đó mỗi tư tưởng của chúng ta và mỗi hình tướng chúng ta thấy đều là tánh Không. Thấy được bản tánh của tất cả các pháp hay “thật tướng của tất cả các pháp” là tánh Không thì thấy được Pháp thân của chư Phật.

*Các pháp không chỗ đến
Cũng không có tác giả
Cũng không từ đâu sanh
Chẳng thể phân biệt được.
Tất cả pháp không đến
Vì thế nên không sanh
Vì đã không có sanh
Nên cũng không có diệt.
Tất cả pháp không sanh
Tất cả pháp không diệt
Nếu rõ được như vậy
Chư Phật thường hiện tiền.*

(Phẩm Dạ-ma cung kệ tán, thứ 20)

Kinh Kim Cương, một kinh trong bộ Đại Bát-nhã, chuyên chỉ dạy về tánh Không, nói:

“Thấy các tướng chẳng phải tướng (tức là thấy các tướng chẳng sanh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng tăng chẳng giảm) tức là thấy Như Lai”.

Khi thấy sóng chẳng phải là sóng, mà là nước của đại dương, bèn thấy ra đại dương toàn khắp. Khi thấy các bóng trong gương chẳng phải là bóng, bèn thấy ra gương trùm chứa tất cả các bóng.

Bản tánh của tâm chúng ta và thế giới là quang minh. Phật Tỳ-lô-giá-na dịch là Đại Nhật, Quang Minh Biến Chiếu, Đại Quang Minh Tạng. Mọi hiện tượng, thế giới, chúng sanh xuất sanh từ Phật Tỳ-lô-giá-na, nghĩa là xuất sanh từ quang minh, hiện hữu trong quang minh, và tan biến trong quang minh.

*Tạng biển cõi sai khác vô biên
Ví như mây bủa giữa không gian
Bảo châu trải đất trang nghiêm diệu
Ở trong quang minh của chư Phật.
Tất cả cõi nước, tâm phân biệt
Phản chiếu hiện ra trong quang minh
Chư Phật ở trong những cõi ấy
Nơi nơi thị hiện thần thông lực.*

(Phẩm Thế giới thành tựu, thứ 4)

Quan sát thấy chúng ta và các thế giới hiện ra phản

chiếu trên nền tảng quang minh, đó là bắt đầu nhận biết nền tảng quang minh của mọi sự. Như hình ảnh trên truyền hình hay phim chiếu bóng, trước khi có hình ảnh hiện ra thì có nền tảng của các hình ảnh là một tấm màn sáng. Không có tấm màn sáng ấy thì không có hình ảnh hay “ảnh hiện” nào cả. Thế giới, thân tâm, cuộc đời của chúng ta chỉ là cuốn phim tùy theo nghiệp riêng của mình mà thấy, nhưng cái chung của muôn loài là tấm màn nền tảng ánh sáng ấy. Nền tảng quang minh luôn luôn hiện hữu dưới mỗi ảnh hiện hay ảnh phản chiếu của cuộc đời đang thấy trước mặt, hiểu biết được nền tảng của mọi ảnh hiện là sự giải thoát chung cho mỗi chúng ta.

Những ý tưởng và những hình ảnh của trí nhớ cũng như thế. Chúng là những ảnh hiện trên nền tảng quang minh của tâm thức. Ý tưởng lưu xuất từ quang minh, hiện hữu trong quang minh và tan biến trong quang minh. Biết được nền tảng của mọi ý tưởng là quang minh, người ta tự do với những hình ảnh, ý tưởng, đó là giải thoát.

Bản tánh của tâm chúng ta và thế giới là vô tự tánh, như huyễn, như mộng, như bóng, như vang... đó là điều các kinh đều nói. Có điều sự như huyễn này ở trong kinh Hoa Nghiêm mang tầm vóc vũ trụ, là “lực dụng tự tại” của Phật bốn nguyên:

*Khắp cả mười phương cõi hư không
Ở trong có tất cả cõi nước
Như Lai thần lực thường gia trì
Khắp nơi hiện tiền đều thấy được.*

...

*Lực dụng tự tại trong mỗi trần
Tất cả vi trần cũng như vậy
Chư Phật, Bồ-tát đại thần thông
Tỳ-lô-giá-na đều hay hiện.
Tất cả quốc độ rộng vô biên
Như ảnh như huyễn như ngọn lửa
Không đâu thấy được nguồn gốc sanh
Cũng không chỗ đi và chỗ đến.
Hoại diệt sanh thành xoay vần mãi
Trong cõi hư không chẳng hề dừng
Tất cả đều do nguyện thanh tịnh
Lực hạnh nghiệp bao la giữ gìn.*

(Phẩm Thế giới thành tựu, thứ 4)

Thấy được tất cả những hiện tượng như huyễn như mộng, không gốc gác, từ nền tảng Như Lai thần lực theo duyên nghiệp mà sanh, với cái thấy ấy, người ta được giải thoát.

Với ba pháp tu tâm, chỉ, quán, và chỉ quán đồng thời, người ta dần dần tương ứng với ba phương diện của pháp giới và thâm nhập pháp giới. Ngộ nhập ba phương diện ấy được đến đâu, người ta càng chứng ngộ được mình và pháp giới là một. Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai khác là như vậy. ■



Thấp thoáng lời Kinh

Những “Mô hình” (phẩm Phương tiện)

ĐỖ HỒNG NGỌC

Như đã nói, phương pháp “Tiếp cận dựa vào cộng đồng” (Community-based approach) đòi hỏi phải có sự *tham gia cộng đồng* (community involvement), và phải có *kỹ thuật học thích hợp* (appropriate technology)... mới thành công. Không có sự tham gia của cộng đồng, không sử dụng kỹ thuật học thích hợp (ở đây chính là “phương tiện”)... thì các phương pháp tiếp cận dù hay cách mấy mà áp đặt, xa lạ, cũng trở nên vô ích, thui chột vì không hợp “thổ ngữ”! (*)

Lý tưởng cao đẹp của Phật là giải thoát khổ đau cho chúng sinh, tạo một “cõi Phật” thanh tịnh cho mọi người, mọi loài, bình đẳng, không phân biệt. Không cần phải chia chẻ ở đây. Nào A-la-hán nào Bồ-tát, nào xuất gia nào tại gia, thậm chí cũng chẳng cần phân biệt kẻ nam người nữ... Tại sao vậy? Tại vì ai ai cũng có Pháp thân, có thân Như Lai như nhau, chỉ có người “thấy biết”

(tri kiến Phật) người chưa thấy biết! Phật từng bảo, Ta là Phật đã thành còn chúng sanh là Phật sẽ thành đó thôi.

Khi ngó xuống thành Tỳ-da-ly neho nhóc khổ đau dưới kia, Phật nghĩ phải nhanh chóng tìm một cách tiếp cận mới, bởi các vị A-la-hán, Bồ-tát đạo cao đức trọng quanh Phật bây giờ không thể nào tiếp cận được với các quan chức, vương tôn công tử, đại gia, các kiểu nữ chân dài, các người trẻ ham chơi nơi các thanh lâu trà đình tửu điếm.

Đối tượng đích (target population) lần này đến thành Tỳ-da-ly không chỉ có năm trăm chàng tuổi trẻ, con nhà trưởng giả, vương tôn công tử, doanh nhân, trí thức - trong đó một số ít người đã biết con đường giải thoát của Phật, đã phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề (Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác) ... nhưng không biết cách phải thành tựu thế nào vì họ không thể bỏ mọi việc ở đời mà xuất gia theo Phật - mà đối tượng đích lần

này còn là các đệ tử gần xa của Phật, để họ có dịp nhìn lại chính mình mà thay đổi, bởi tuy theo Phật từ lâu, một số vị đã trở nên ngã mạn, tự cao tự đại, luôn có cái nhìn phân biệt đầy ngă chấp, pháp chấp.

Phật dạy Bảo Tích cũng là để dạy cho các đệ tử mình:

“Các loài chúng sinh là cội Phật của Bồ-tát. Bồ-tát tùy theo chỗ giáo hóa chúng sinh mà giữ lấy cội Phật. Tùy theo chỗ điều phục chúng sinh mà giữ lấy cội Phật. Nhưng nếu muốn xây cất nơi hư không thì không thể được. Bồ-tát cũng vậy, vì muốn giúp cho chúng sinh được thành tựu, cho nên nguyện giữ lấy cội Phật. Việc nguyện giữ lấy cội Phật đó, chẳng phải là việc xây cất nơi hư không.”

“Chẳng phải là việc xây cất nơi hư không” nên không thể lý thuyết suông, hình thành pháp này pháp nọ rồi rồi bám chặt lấy mà phải đi vào thực tế đời sống trong cội Ta-bà ngũ trước dưới kia!

Để thực hiện phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng, qua giáo dục chủ động, cần phải có những mô hình đặc biệt để làm mẫu, giúp đối tượng “bắt chước” được dễ dàng. Trước khi đến Tỳ-da-ly, hần đã có một cuộc điều nghiên rất kỹ. Cái đó gọi là *Chẩn đoán cộng đồng* (Community Diagnosis), để biết rõ đường đi nước bước, phong tục tập quán của cư dân, đặc biệt tìm ra những nhân vật chủ chốt có thể từ đó mà ảnh hưởng đến các đối tượng khác gọi là nhân vật “chìa khóa” (key person), nhân vật “chuyên gia” (resource person). Từ những nhân vật chủ chốt này mà có thể mở toang cánh cửa vào cộng đồng, tạo tác động và gây chuyển hóa.

Am-ba-pa-li là một nhân vật “chìa khóa” đó. Nàng là một kỹ nữ nhan sắc tuyệt trần, một “hoàng hậu không ngại” ở thành Tỳ-da-ly mà từ lâu các vương tôn công tử, con nhà trưởng giả, các đại gia thiếu gia, quan chức không ngớt tìm cách mua chuộc. Am-ba-pa-li vừa kiêu hãnh, xa hoa vừa đầy mặc cảm tự ti vì bị coi là hạ tiện, bị khinh miệt, chê bai, chỉ trích. Nàng đã nghe về Phật. Một thái tử dám từ bỏ ngai vàng, dẫn thân vào con đường khổ hạnh, rồi cuối cùng đã tìm ra con đường giải thoát cho mình và người, đã vượt qua tất cả mọi cám dỗ trên con đường tu tập, trở thành bậc Chánh đẳng Chánh giác, đã trở thành Như Lai, Thế Tôn, Thiên nhân sư, bậc Ứng cúng... với 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp...

Nàng phải đến diện kiến Phật. Vừa kiêu hãnh, vừa tò mò, vừa run sợ. Trong lòng không khỏi nảy sinh nhiều ngấm ngại. Nhưng nàng chứng hững. Hoàn toàn bị khuất phục. Con người tiếng tăm lừng lẫy với 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp kia sao mà quá giản dị, ngoài sức tưởng tượng của nàng. Áo khoác hồ trên bờ vai như không đủ mặc, chân trần, tự rửa lấy bình bát vừa thọ trai xong, nhẹ nhàng lau chân rồi ngồi tĩnh tọa trên đệm cỏ. Nhìn lại mình ngựa xe lộng lẫy áo quần rực rỡ mà nàng nghẹn ngào. Có cái gì đó đã khác hẳn, vươn lên trong thâm tâm. Phật nhìn nàng. Không hề xa lạ. Thấy ở nàng một đứa bé sơ sinh oa oa lọt lòng mẹ, rồi biết lật biết bò, biết đứng biết đi, biết tắm mưa tắm nắng, rồi trở

thành một thiếu nữ nhan sắc tuyệt trần, một kỹ nữ lừng danh, rồi cùng lúc là một lão bà héo úa, da nhăn, mắt mờ, tay run, chống gậy lê từng bước... Không chỉ vậy. Còn thấy ở nàng một bộ xương và những bắp cơ, lục phủ ngũ tạng, những chất liệu đã tạo nên làn da mái tóc, những nguyên tố đã từ đó mà có tấm thân hồng trần này. Phật mỉm cười. Ánh mắt từ bi. Nàng sụp lạy nghẹn ngào. Phủ phục dưới chân Phật. Một tiếng sấm vang động cả thành Tỳ-da-ly hôm ấy.

Bảo Tích cùng năm trăm vương gia công tử giết mình; tuy đã từ lâu phát tâm Chánh đẳng Chánh giác mà họ vẫn loay hoay, không sao thoát khỏi trần duyên tục lụy để xuất gia theo Phật, đã thấy lóe lên một ánh sáng phía chân trời. Chàng vội vã cùng bè bạn ngựa xe rầm rập kéo đến Vườn Xoài của Am-ba-pa-li kính cẩn lạy Phật.

Phật dạy: *“Bảo Tích! Bồ-tát tùy lòng ngay thẳng (trực tâm) mà khởi làm. Tùy chỗ khởi làm mà được lòng sâu vững (thâm tâm). Tùy lòng sâu vững mà tâm ý được điều phục. Tùy chỗ điều phục tâm ý mà làm được theo đúng như thuyết dạy. Tùy chỗ làm theo đúng như thuyết dạy mà có thể hồi hướng. Tùy chỗ hồi hướng mà có sức phương tiện. Tùy sức phương tiện mà giúp cho chúng sinh được thành tựu. Tùy chỗ thành tựu cho chúng sinh mà được cội Phật thanh tịnh.”*

Lòng ngay thẳng – trực tâm – chính là sự bình đẳng, không phân biệt, không kỳ thị. Phải có sự không phân biệt, sự bình đẳng trước đã, rồi mới có được sự tôn trọng, sự chân thành, sự thấu cảm. Khi còn có phân biệt, còn có chia chẻ thì khoảng cách càng rộng ra. Cho nên mới nói “tùy trực tâm mà khởi làm”. Không kỳ thị, không phân biệt đối xử mới có lòng tôn trọng như Thường Bất Khinh, mới có lòng Từ bi, Thấu cảm như Quán Thế Âm, và mới có lòng Chân thành để “ai thấy cũng vui, ai gặp cũng mừng” như Dược Vương... Tôn trọng, chân thành, thấu cảm phải dựa trên điều kiện tiên quyết là không phân biệt, là bình đẳng. Đó chính là Bất nhị. Với cái nhìn bất nhị, với tấm lòng “trực tâm” thì tức khắc người ta tạo được một không khí thuận lợi để “thành tựu chúng sanh”. Tùy chỗ khởi làm mà được lòng sâu vững (thâm tâm), chánh tín, từ đó mà tâm ý được điều phục, từ đó mà có sức phương tiện, khởi phát từ tấm lòng Từ bi chân thật.

Nếu Am-ba-pa-li là một nhân vật “chìa khóa” vừa làm rung chuyển thành Tỳ-da-ly vì không ai ngờ được Phật thu nhận làm đệ tử thì một nhân vật chủ chốt khác, một trưởng giả giàu sang danh tiếng lừng lẫy thành Tỳ-da-ly, một chuyên gia (resource person) am tường Phật pháp, đang rên hừ hừ vì bệnh mà Phật đã phải cử các đệ tử thân thiết hết người này đến người khác đến tận nhà thăm viếng: Đó là Duy-ma-cật, một “Mô hình” đặc biệt, mô hình “Bồ-tát tại gia” mà Phật muốn giới thiệu dịp này.

“Khi ấy ở trong thành lớn Tỳ-da-ly có trưởng giả tên Duy-ma-cật, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật và



sâu trồng căn lành, được vô sanh nhẫn, biện tài vô ngại, du hí thần thông, được các phép tổng trì, được vô sở úy, hàng phục chúng ma, vào được pháp môn sâu xa vi diệu, giỏi về phép trí huệ, thông đạt phương tiện; thành tựu nguyện lớn, biết rõ chỗ xu hướng trong tâm của mỗi chúng sinh, phân biệt được những căn tánh lạnh lợi hoặc chậm lụt... ở lâu trong Phật đạo, tâm đã thuần thực... Mỗi hành vi tạo tác đều khéo suy lường. Giữ gìn oai nghi của Phật, tâm rộng như biển cả, được chư Phật khen ngợi, hàng đệ tử, Đế-thích, Phạm vương, hoặc vua thế gian thầy đều cung kính”.

Duy-ma-cật không chỉ thuần thực Lục độ Ba-la-mật, Tứ vô lượng tâm, Tứ pháp thân nhiếp, Phương tiện, với tất cả các pháp tùy nghi vô ngại đến Ba mươi bảy phẩm trợ đạo gồm Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo... mà tất cả đều đã được tu tập, ứng dụng trong đời sống hằng ngày, không phải chỉ với sách vở suông.

Ông đã dùng tài sản nhiều không kể xiết để nhiếp phục kẻ nghèo; dùng giới luật thanh tịnh nhiếp phục những kẻ phạm giới; dùng nhân nhục nhu hòa nhiếp phục những kẻ nóng giận; dùng sức tinh tấn mạnh mẽ, nhiếp phục kẻ lười nhác, giải đãi; dùng nhất tâm thiền tịnh nhiếp phục kẻ tâm ý tán loạn; dùng trí huệ nhiếp phục những kẻ vô trí...

Về đời sống riêng tư, Kinh nói rõ hơn:

“Tuy là cư sĩ, nhưng ngài kính giữ luật hạnh thanh tịnh của bậc sa-môn, tuy ở tại nhà, mà chẳng vướng vào ba cõi. Thị hiện có vợ con, mà tu hạnh thanh tịnh; phục sức đồ quý báu nhưng dùng các tướng tốt là để trang nghiêm thân mình, lấy niềm vui hành thiền làm món ăn ngon, đến nơi cờ bạc để hóa độ người. Vẫn thọ học các đạo khác, mà chẳng bỏ chánh tín. Rành sách vở thế gian, mà thường hâm mộ pháp Phật. Tham gia kinh doanh làm ăn

lợi lộc mà chẳng lấy đó làm vui. Dụ vào việc chính trị, mà cứu hộ tất cả chúng sanh. Thậm chí vào chốn lầu xanh, để chỉ rõ chỗ tội lỗi của sắc dục, vào quán rượu để hướng thiện cho những người nghiện ngập...”

Vì đã sống nơi thành Tỳ-da-ly nhiều năm, ông quá biết cuộc sống “ngũ trước ác thế” ở đây, một cõi Ta-bà điển hình. Quân vương thì tranh ngôi đoạt vị, không từ một thủ đoạn nào; công hầu khanh tướng thì mua quan bán tước, tàn hại lẫn nhau; doanh nhân đại gia cá lớn nuốt cá bé, vương tôn công tử trà đình tửu điểm, kỹ nữ chân dài tấp nập ngựa xe... Nhưng những chúng sanh này luôn càng cường, cứng cỏi, lì lợm đầu dê mà thuyết phục họ với những vô thường, khổ, vô ngã, những duyên sinh, thực tướng vô tướng...! Còn lâu! Dĩ nhiên không phải là không có những thiện tri thức, những bậc cao nhân, những người chân chính và cả những thanh niên trai trẻ như Bảo Tích và bạn bè chàng đã phát tâm Bồ-đề mà vẫn mãi loay hoay chưa biết phải làm sao, bằng cách nào để biến ước mơ thành hiện thực. Duy-ma-cật phải tìm một cách tiếp cận khác, một “kỹ thuật học thích hợp”, một “phương tiện thiện xảo” khác.

Không cách nào tốt hơn “thọ bệnh”. Bởi “bệnh” thì vua quan thứ dân gì cũng có lẫn mắc phải, không nặng thì nhẹ, không ít thì nhiều trong đời mình nên họ đều có trải nghiệm. Có những thứ bệnh đứng bên bờ vực của cái chết, càng dễ nhận ra những thực tế của cuộc sống. Quân vương cũng bệnh, công hầu khanh tướng cũng bệnh, doanh nhân đại gia, vương tôn công tử, kỹ nữ chân dài... cũng bệnh. Bệnh không tha thứ một ai, dù là một bé sơ sinh hay một người già lão. Trước bệnh, mọi người đều... bình đẳng!

Cho nên Duy-ma-cật “dùng phương tiện hiện ra thân mình có bệnh”. Dĩ nhiên phải là một thứ bệnh thập tử nhất sinh nào đó mới khiến cả thành Tỳ-da-ly giật mình. Với một nhân vật lừng lẫy, đầy uy tín như ông, nên “các hàng vua quan, trưởng giả, cư sĩ, bà-la-môn, vương tôn công tử...” đều kéo đến thăm.

Không có cơ hội nào tốt hơn nữa! Mọi người sùng sốt thương hại nhìn một trưởng giả giàu sang phú quý thế kia mà sắp sửa từ bỏ cõi trần; và rồi, họ nghĩ đến bản thân họ, lúc nào đây rồi cũng sẽ thế thôi. Công hầu khanh tướng mà chi, bạc tiền rủng rỉnh mà chi, lụa là gấm vóc mà chi...

“Các nhân giả! Thân này là không thường tồn, không có sức mạnh, không bền chắc. Nó là vật mau hư hoại, không thể tin vào nó được. Nó là khổ, là não, các bệnh đều tụ tập vào nó...”

Một câu nói của Duy-ma-cật vào thời điểm này đủ làm rung động những trái tim, khiến họ dầu muốn dầu không cũng không khỏi giật mình!

“Các nhân giả! Như cái thân này đây, bậc minh trí không nương cậy vào nó được. Thân này như bọt đọng mà người ta không thể sờ nắm. Thân này như bọt nổi,

không tồn tại lâu dài. Thân này như nháng lửa, nó do sự khát khao ái dục mà sinh ra. Thân này như cây chuối, bên trong chẳng bền chắc gì. Thân này như món đồ ảo thuật, do nơi sự xáo trộn mà khởi ra. Thân này như chiêm bao, thấy nó là hư vọng chẳng thật. Thân này như cái bóng, nó theo nghiệp duyên mà hiện ra. Thân này như tiếng dội, nó phụ thuộc các nhân duyên. Thân này như mây nổi, trong phút chốc đã biến mất. Thân này như tia chớp, chẳng ở yên một phút nào!”

Đã đành Phật từng dạy “Nhất thiết hữu vi pháp - như mộng huyễn bào ảnh - như lộ diệc như điện - ứng tác như thị quán!”. Nhưng, còn lâu mới chịu “quán”! Chỉ có trong hoàn cảnh này, trong lúc thấy ông Duy-ma-cật ngày nào oai hùng thế ấy mà nay da vàng, bụng chướng, ho sù sụ, rên hừ hừ, run lập cập... mới có thể làm người ta giật mình mà “quán” tưởng lại cái thân bèo bọt của mình.

“Thân này không chủ, cũng như đất. Thân này không phải ta, cũng như lửa. Thân này không sống lâu, cũng như gió. Thân này không phải người, cũng như nước. Thân này chẳng thật, nó lấy bốn đại: đất, nước, lửa, gió làm nhà. Thân này là trống không, nó lìa ta và vật của ta. Thân này không biết chi hết; nó như cỏ, cây, gạch, sỏi. Thân này không làm gì hết, nó bị sức gió chuyển dời. Thân này là bất tịnh, dẫy đầy mọi nhơ nhớp xấu xa. Thân này là hư nguy, dầu nó có tạm dùng những việc tắm, rửa, ăn mặc, nhưng rồi nó cũng mòn dút mà thôi! Thân này

là tai hại, mang lấy một trăm lẻ một bệnh não. Thân này như gò đất, giếng nước, nó bị cái già hiếp bức. Thân này không kiên định, có ngày phải chết. Thân này như rắn độc, như kẻ cướp oán thù, như xóm nhà không người, các ẩm, nhập, giới phối hợp mà làm thành cái thân”.

Từ chuyện thân bệnh thôi mà đã để cập tứ đại, ngũ uẩn, duyên sinh, thực tướng giả tướng, vô thường, khổ, vô ngã... rồi đó vậy.

Duy-ma-cật thừa biết nói về tâm rất khó. Cái tâm không nắm bắt được. Tiếp cận qua cái “sắc” thì ai cũng dễ đồng ý chớ qua “thọ tướng hành thức” thì còn cãi nhau chí chóe. Tứ đại đất nước gió lửa kia chính là những carbon, hydro, oxy, nitrogen đã tạo nên các thứ protein thì ai cũng công nhận. Thân người có bao nhiêu cái xương đều đếm được, sờ nắn được, bao nhiêu bắp cơ đều sờ nắn được, bao nhiêu canxi, phospho, sắt đồng chì kẽm, mangan, manhê... đều đo đếm được. Mà ai cũng như ai thôi. Bình đẳng tuyệt đối. Không phân biệt. “Các nhân giả! Thân này đáng lo, đáng chán, mà nên ưa thích thân Phật. Tại sao vậy? Thân Phật tức là Pháp thân. Do vô lượng pháp thanh tịnh mà thân Như Lai sinh ra.

“Các nhân giả! Muốn được thân Phật dứt hết các bệnh của chúng sinh, nên phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề”. ■

(*) Cõi Phật đâu xa, tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số 225, Phật đàn 2015, tr.20-22.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2015

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải, Chùa Báo Ân	: 12 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q.5, PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định	: 10 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết	: 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA	: 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên,	
Cty TNHH Cơ khí Mè Linh	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ
Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT	: 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCFH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
Cty Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan (namgiaio1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này:	454 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**

Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập



THỊ GIỚI TRẦN BÀNG

Hoa nở hỗn nhiên như sự sống trôi chảy hỗn nhiên khi chưa có tâm phân biệt. Vô tư, tinh khiết như những bước chân đầu tiên không ngăn cách, vướng ngại của em bé Tất-đạt-đa lúc mới ra đời. Tự nhiên như cảnh giới Thiền đầu tiên mà vị thái tử vị thành niên lọt vào không chủ ý khi ngồi dưới bóng mát cây táo trong một ngày hội lớn của bộ tộc.

Hoa cũng là chất xúc tác làm nở ra trong tâm người đóa hoa vĩnh cửu, như đã nở trong tâm của ngài Ca-diếp khi Đức Phật đưa lên một bông sen và mỉm cười. Hoa cũng nở trong tâm của những người đệ tử đương thời và những Phật tử về sau khi Thiền sư Mãn Giác gọi lên một cành mai nở ra ở sân trước trong đêm hôm qua.

Trong cuộc sống chung quanh, lúc nào cũng có những đóa hoa sẵn sàng nở, sẵn sàng tỏa hương và kêu gọi chúng ta cùng nở, cùng tỏa hương. Khi chúng ta mở lòng để đón nhận những đóa hoa đó và cùng nở với, lúc đó chúng ta sẽ thấy được niềm vui, sự tinh khiết, siêu thoát, bình an và hạnh phúc của đời sống.

Thế giới của Phật giáo là một thế giới đầy hoa: Pháp Hoa, Hoa Nghiêm... Đức Phật sinh dưới hoa vô ưu và bước đi trên những bông sen. Ngài trao truyền Chánh pháp, Phật tâm, cũng qua một bông sen¹.

Cuộc đời Đức Phật cũng liên hệ nhiều với hoa. Khi Đức Phật sắp thành Đạo, những mũi tên độc đã nở thành những đóa hoa an lành để đáp lại tánh tham, sân, si của ma quân bằng lòng Từ bi. Trong các kinh

điển, ở đâu cũng thấy hoa, cũng thấy chư thiên rải hoa để cúng dường Đức Phật, lúc sinh, lúc thành Đạo, lúc thuyết Pháp, lúc ở trong đại định...

Vì vậy, cúng dường Phật đản không gì hơn cúng dường một đóa hoa, mà hoa sen là đại biểu để nói lên đầy đủ ý nghĩa nhất của sự cúng dường.

Kinh *Vinaya-sutra* nói:

"Người hiểu biết dùng tâm hoan hỷ cúng dường bông hoa trước tháp của Phật thì công đức lớn hơn nhiều so với việc cúng dường trăm ngàn con sông chứa đầy vàng ròng".

Kinh *Ratnakuta* nói:

"Cúng Phật một nắm bông sen và bông utpala sẽ được tái sinh trong bông sen báu ở trước Như Lai".

Tái sinh trong sen báu ở trước Như Lai nghĩa là có đầy đủ sự trang nghiêm và đức hạnh của Như Lai.

Cốt lõi giá trị trong việc cúng dường là cung cách và tâm niệm cúng dường. Và cúng dường với tâm hoan hỷ thì công đức sẽ vô lượng².

Hoan hỷ cúng dường là cúng dường trong niềm vui của tâm rộng rang, không vướng ngại. Cúng dường hoa là cúng dường sự thanh khiết, suối nguồn hạnh phúc thế gian và xuất thế gian, luôn luôn tươi mới, an lành, tương dung, kết nối.

Trên khắp mặt đất, nơi nào cũng có thể tìm thấy hoa. Bất cứ người nào cũng có thể chiêm ngưỡng và cúng dường cái đẹp và sự tinh khiết của hoa. Bông sen, một biểu tượng của đạo Phật, cũng là một loài hoa dễ mọc và có mặt khắp nơi trong vùng nhiệt đới. Bông sen và tính chất của nó cũng rất gần gũi với con người. Cúng dường bông sen là hòa mình vào những tính chất của bông sen để làm hiển lộ lại tánh chất bông sen vốn có trong mỗi chúng ta.

Tính chất thánh thiện trong việc cúng dường hoa được ngài Dodrupchen III trình bày như sau:

"Hoa là những thứ vô cùng tinh khiết, có thể có được mà không cần phải dấn thân vào những hành động bất thiện. Chúng có thể được dùng để cúng dường mà không gây nên sự khốn khổ và hối tiếc về sau. Do đó sự cúng dường sẽ được thực hiện với tâm trong sạch ở giai đoạn đầu, giữa và sau cùng."

Ngay cả một căn nhà tồi tàn mà được trang hoàng bằng hoa cũng trở nên một nơi di dưỡng. Nó trở thành suối nguồn cho một "chân tâm", tâm trong suốt, giống như trên những côi trời. Do đó hoa là một trong những phẩm vật cúng dường có sức mạnh chuyển hóa lớn lao nhất".

Trong đạo Phật, bông sen tượng trưng cho toàn bộ con đường Đạo là Giới, Định và Huệ. Giới hạnh trong sạch như bông sen, Tâm Thiền tự tại và thanh thoát như bông sen, Trí tuệ bình đẳng và kết nối như bông sen.

Giới hạnh Phật giáo được tóm tắt trong câu ca dao về bông sen của người Việt *"Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn"*. Đó là loại giới hạnh không xa lánh xã hội, sống và hòa mình trong thế giới muôn màu của thế gian mà vẫn giữ được sự trong sạch. Trong văn hóa

Ấn Độ nói chung và Phật giáo nói riêng, sen chỉ cho sự trong sạch hoàn toàn của thân, miệng, ý, và những hành động tốt đẹp đưa đến giải thoát khổ đau.

Kinh *Lalitavistara* nói:

"Người đức hạnh tâm không tì vết, giống như bông sen mọc từ bùn mà không bị ô nhiễm".

Về ý nghĩa Thiền Định, chúng ta thấy hình tượng Phật và Bồ-tát luôn ngồi hay đứng trên tòa sen. Do đó, tòa sen cũng biểu thị trạng thái an tịnh, chỗ an trụ của chư Phật, Bồ-tát. Tòa sen là tòa Như Lai, tòa Mọi Pháp đều Không. Mọi lúc đều ở trong sự quán chiếu về tánh Không của mọi hiện tượng, mọi sự vật.

Trong Kinh cũng nói:

"Nếu sống trong một căn nhà được trang hoàng bằng hoa, tâm của người đó sẽ được an trú và tiến đến mục đích giải thoát".

Sống trong căn nhà trang hoàng bằng hoa có nghĩa là sống trong Giới và Định.

Về ý nghĩa Trí tuệ, bông sen tượng trưng cho tính nhân quả đồng thời, mọi hiện tượng trong vũ trụ đều mỗi lúc liên hệ và tương dung nhau. Đó là Trí tuệ Bình đẳng, là Từ Bi Hỷ Xả. Các kinh *Pháp Hoa* và *Hoa Nghiêm* nói rằng mỗi chúng sanh là một bông sen, một thực thể thanh tịnh và giải thoát. Và mỗi thực thể thanh tịnh và giải thoát đó kết nối và dung chứa với mọi thực thể thanh tịnh và giải thoát khác để tạo nên thế giới là một tràng hoa nghiêm tịnh và toàn khắp.

Bông sen cũng nói lên tiến trình giải thoát của một người đi trên con đường tu Phật: Mọc từ bùn, xuyên qua nước rồi vươn lên nở thành một bông hoa rực rỡ trong bầu trời. Từ vô minh và ô nhiễm của luân hồi, giữ giới và tu định để có được tâm thanh tịnh, trong sáng. Từ tâm thanh tịnh trong sáng đó quán chiếu Tánh Không để thể nhập vào bầu trời bao la của pháp giới.

Sen cũng nói lên tính cách của người Phật tử. Cọng sen ra khỏi bùn vươn lên không nương tựa vào đâu. Tính chất của người Phật tử là tự chủ, bản thân thì giữ tinh khiết, hướng thượng. Với gia đình và xã hội thì chung thủy, kết nối, lan tỏa, bao dung như cọng sen uyển chuyển mà khó đứt, như hương sen lan tỏa, như bông sen nở chứa trọn ba thời.

Đức Phật là bông đã sen đã nở, chúng ta là những bông sen chưa nở. Cả hai đều có cùng một Tánh Phật như nhau. Đem Tánh Phật của bông sen búp cúng dường lên Đức Phật trong ngày Đản sinh là hướng về một tương lai tỏa ngát giống như Ngài. ■

Chú thích:

1. Trong một Pháp hội ở Linh Sơn, Đức Phật cầm bông sen mỉm cười. Cả đại chúng im lặng, lúc đó chỉ có ngài Ma-ha Ca-diếp nhìn Phật mỉm cười. Phật ẩn chứng cho ngài Ca-diếp để ngọn đèn Thiền tông tiếp nối và soi sáng đến ngàn sau.

2. Câu chuyện cúng dường ánh sáng của vua Prasenajit và bà lão ăn mày nói với chúng ta điều này.



Chiến thắng nhờ quyết tâm

TẢN NGHĨA

Cô X. gặp phải xe đung, tự an ủi bản thân: “nghệp mình nó thế”. Anh Y. mất cả laptop và quần áo, chép miệng: “nghệp mình nó thế”. Nhìn thấy người khác giàu có, bà Z. bình luận: “số thằng đó giàu”. Có người cho rằng: “nhất ẩm nhất trác giai do tiền định” (một ngụm nước, một bữa ăn đều là tiền định). Với suy nghĩ như vậy ta buông trôi luôn mọi việc, mặc sự đời diễn ra. Lập luận “nghệp mình nó thế!” có đúng với lý thuyết nhân quả hay không? Dựa vào lập luận đó sẽ tốt hay xấu? Chuyện tiền thân Cullakalinga¹ là một ví dụ tốt về vấn đề này.

Câu chuyện dẫn xuất từ việc Tôn giả Sariputta (Xá-lợi-phất) thu nhận bốn nữ du sĩ ngoại đạo vào Tăng đoàn, được tuyển tập *Jataka* (kinh Bốn sanh) thuật lại như sau:

Nguyên dòng họ Licchavi nhiều đời sinh sống tại Vesali (Tỳ-da-ly) vốn là những người thích tranh luận. Một thời, có hai vị du sĩ thuộc Kỳ-na giáo một nam một nữ lần lượt đến Vesali, hai vị này là những nhà tranh biện đại tài được các bậc trưởng thượng của dòng Licchavi quý trọng nên đã sắp xếp để họ kết hôn với nhau. Hai người này ở lại Vesali và sanh được bốn cô con gái với một cậu con trai; tất cả những người con này đều được rèn luyện về thuật tranh biện, đều biết rành về năm trăm đề tài do cha truyền và năm trăm đề tài khác do mẹ truyền. Hai người dẫn các cô con gái:

“Nếu có người tại gia nào bài bác được các đề tài của các con thì các con hãy làm vợ người ấy; còn nếu một tu sĩ đánh bại các con thì các con hãy tôn vị ấy làm thầy”.

Khi cha mẹ qua đời, người con trai ở lại Vesali trong khi bốn cô con gái cầm trên tay một cành hồng đào nhàn du đây đó từ thành phố này đến thành phố khác để tìm người tranh luận. Cuối cùng họ đến thành Savatthi (Xá-vệ), nơi Đức Phật và các Tỳ-kheo đang trú ngụ tại tinh xá do trưởng giả Cấp Cô Độc cúng dường. Họ cầm cành đào ở cổng thành và bảo với mấy cậu trai ở đó, *“Nếu có người đàn ông nào, dù là cư sĩ hay tu sĩ, tranh luận ngang ngửa với chúng tôi về một đề tài thì cứ việc đá tung đồng đất và giẫm lên cành cây này”.*

Nghe được chuyện ấy, Tôn giả Sariputta bảo các cậu con trai hạ cành đào xuống rồi giẫm lên, đồng thời dặn các cậu trai ấy cho những người cầm cành đào biết ngày giờ và nơi chốn cần đến để tranh luận. Thế là bốn cô gái ấy tìm đến gặp Tôn giả Sariputta để tranh luận và thất bại. Khi Tôn giả Sariputta hỏi về ý nguyện thì các cô ấy nhắc lại lời dặn dò của cha mẹ trước lúc qua đời. Vì Tôn giả Sariputta là một tu sĩ, thế là họ quỳ xuống xin ngài thu nhận họ làm đệ tử. Tôn giả Sariputta an trú cho họ ở cùng với các Tỳ-kheo-ni, giảng cho họ Pháp và Luật của Đức Thế Tôn khiến chẳng bao lâu họ đều đạt thánh quả.

Câu chuyện này được các Tỳ-kheo đệ tử của Đức Phật bàn tán trong Pháp đường. Nghe các Tỳ-kheo bàn tán, Đức

Phật bảo, “Không phải chỉ ngày nay mà từ xưa kia, Sariputta đã cho bốn người ấy chỗ an trú. Ngày nay, ông đưa họ vào đời phạm hạnh, còn ngày xưa ông đưa họ lên ngôi chánh hậu”. Sau đó, Đức Phật kể lại một câu chuyện tiền kiếp.

Đức Phật sắp kể lại câu chuyện liên quan đến bốn người con gái ấy trong tiền kiếp. Như thường lệ; khi kể chuyện, Đức Phật thường nhắm đến mục đích giáo dục cho các Tỷ-kheo về Phật pháp. Đức Thế Tôn thuật rằng,

Ngày xưa, vua Kalinga trị vì tại thành phố Dantapura trong vương quốc Kalinga còn vua Assaka cai trị thành Potali trong xứ Assaka. Bấy giờ, Kalinga có một đội quân tinh nhuệ và chính ông cũng mạnh như một con voi. Chẳng ai dám đánh nhau với ông. Quá khao khát được đánh nhau, ông bảo với các đại thần: “Ta muốn được chiến đấu nhưng chẳng tìm được ai có thể chiến đấu với ta cả”.

Đây là một tâm lý thông thường của con người. Khi ta có cái hơn người khác các khía cạnh tốt như mạnh hơn, thông minh hơn, khéo tay hơn, tháo vát hơn, đẹp đẽ hơn, giọng tốt hơn, có thân thể hơn, giàu có hơn; hay hơn người khác các khía cạnh xấu như bẻ khóa nhanh hơn, gian lận giỏi hơn, xài tiền nhiều hơn, uống bia nhiều hơn... thì điều đó thường được xem là niềm tự hào của ta. Khi đó, ta thấy ta mạnh hơn nhờ... tập “gym”, thông minh hơn nhờ... uống sữa “xịn”, khéo tay hơn nhờ ta thường xuyên rèn luyện, tháo vát hơn nhờ ta có tính chịu khó và hay để ý, đẹp đẽ hơn nhờ ta có gien tốt hơn... Tóm lại các thuận lợi có được đều do “trời cho”. Dựa vào cái “trời cho” làm được nhiều điều hay, giỏi trong cuộc đời hiện tại thì ta thấy ta “có tài năng” và cần thể hiện nó ra. Lý thuyết nhân quả giải thích vấn đề này theo cách khác. Vua Kalinga có đạo quân tinh nhuệ vì trong quá khứ nhiều đời đã thực hành bốn điều thu phục đại chúng: chia sẻ (bố thí), nói điều dễ nghe (ái ngữ), làm điều lợi ích cho đại chúng (lợi hành) và cùng chung sự nghiệp với họ (đồng sự). Vua khỏe mạnh vì đã biết hạn chế không sát sanh trong nhiều đời. Các hành vi trong quá khứ của nhà vua tạo ra những thuận lợi trong cuộc đời hiện tại. Nó dễ làm phát sinh các kết quả tốt và hạn chế các kết quả xấu. Ví dụ, nếu sinh ra trong một gia đình giàu có thì xác suất phạm vào tội trộm cắp rất nhỏ. Các điều kiện gọi là không thuận lợi nếu nó dễ làm phát sinh các kết quả xấu, hạn chế sự phát sinh các kết quả tốt, do đó nó cũng gọi là các khuyết điểm. Ví dụ, nếu sinh ra trong một gia đình nghèo khó thì xác suất phạm tội trộm cắp cao hơn.

Các đại thần nói: “Tâu ngài, có một cách cho ngài. Ngài có bốn người con gái đẹp hơn người, ngài hãy bảo họ trang sức bằng ngọc ngà và bảo họ ngồi trong chiếc xe đóng kín rồi cho một đạo quân hộ tống đi từng làng, từng thành phố, từng kinh đô. Nếu có vị vua nào muốn đưa họ vào hậu cung thì chúng ta sẽ đánh nhau với ông ta”. Vua nghe theo ý kiến ấy. Nhưng đoàn người đi đến xứ nào, vua xứ ấy cũng sợ họ vào thành phố, liền gửi tặng vật và xin họ đóng quân ngoài tường thành. Cứ thế, họ đi ngang dọc khắp Ấn Độ cho tới khi đến thành Potali trong xứ Assaka. Nhưng

Assaka cũng đóng chặt cửa thành và gửi cho họ một tặng vật. Bấy giờ vua xứ này có một đại thần tên là Nandisena. Nandisena nghĩ: “Người ta bảo rằng các công chúa này đã đi khắp cõi Ấn Độ mà không tìm được ai chiến đấu để chiếm lấy họ. Nếu đúng như thế thì Ấn Độ chỉ là một cái tên rỗng. Ta sẽ chiến đấu với Kalinga”. Thế là ông mở cửa thành, cho bốn công chúa vào và xin vua xứ Assaka cho họ làm hoàng hậu. Vua Kalinga nghe tin liền đốc suất một đội quân lớn. Hai bên dàn quân tại biên giới xứ Assaka.

Bấy giờ Bồ-tát (tiên thân của Đức Phật) đang tu khổ hạnh và sống ẩn dật trên một khoảng đất nằm giữa hai vương quốc.

Kalinga tự nghĩ: “Những nhà tu là những người thông tuệ. Ai bảo được rằng giữa hai bên, kẻ nào sẽ thắng, kẻ nào sẽ bại? Ta sẽ đi hỏi nhà tu kia”. Thế là ông giả trang đến gặp Bồ-tát. Sau khi chào hỏi chúc tụng theo thông lệ, vua bảo: “Kalinga và Assaka, mỗi bên đều dàn lực lượng ở biên giới chờ đánh nhau. Giữa hai bên ai sẽ thắng, ai sẽ thua?”. Bồ-tát trả lời: “Thưa ngài, bên này sẽ thắng, bên kia sẽ thua? Tôi không thể trả lời câu hỏi đó. Nhưng Đế Thích, vua của cõi trời sẽ đến đây. Tôi sẽ hỏi ông ta và cho ngài biết nếu ngày mai ngài đến đây”.

Vua Kalinga, mặc dù có lực lượng mạnh như vậy, cũng vẫn chưa chắc thắng quân đội của Assaka. Đó cũng chính là điều ta cần suy ngẫm. Theo lý thuyết nhân quả, trong quá khứ mọi người đều làm nhiều điều tốt xấu lẫn lộn. Do đó, ngay trong những hoàn cảnh thuận lợi nhất, họ vẫn có thể thất bại trong công việc do những việc xấu đã làm từ nhiều đời trước. Vì thế cần phải cẩn thận dù các công việc phát triển tốt đến đâu đi nữa.

Khi Đế Thích tham bái, Bồ-tát nêu câu hỏi của vua Kalinga. Đế Thích trả lời: “Kính thưa Tôn giả, Kalinga sẽ thắng và Assaka sẽ thua. Có những điềm báo trước sự việc ấy”.

Đế Thích rõ ràng có năng lực thấy trước sự việc; trong khi Bồ-tát không có khả năng đó. Vậy tại sao một chúng sinh có năng lực thần thông như Đế Thích lại đến tham bái một người không có các năng lực như mình? Theo Phật học, năng lực thần thông không giúp chúng sinh hết khổ. Chỉ có giảm thiểu tham lam, tức giận, ngu muội (ba thứ độc hại) mới làm giảm bớt khổ. Do đó, Bồ-tát vì có ít ba thứ độc hại này nên được Đế Thích tôn trọng. Cũng vậy, nếu ta có tài năng thì tài năng đó chỉ đáng tôn trọng nếu giúp ích cho người khác. Nếu đem tài năng đó làm việc không ích lợi gì cho người khác thì không đáng tôn trọng. Đây là điều mà chúng ta cần suy ngẫm.

Hôm sau, Kalinga đến và lặp lại câu hỏi ấy. Bồ-tát đưa ra câu trả lời của Đế Thích. Bấy giờ Kalinga chẳng cần biết điềm ấy sẽ là gì, tự nghĩ: “họ bảo rằng ta sẽ thắng”. Rồi ông trở về hoàn toàn thỏa mãn.

Đây là tâm lý của những người ở trong hoàn cảnh thuận lợi. Vua Kalinga có chút nghi ngờ về khả năng thắng trận của mình. Tuy nhiên, khi được một chúng sanh đầy uy lực như Đế Thích khẳng định thắng lợi của mình thì ông hoàn toàn yên tâm và chẳng xem xét gì

thêm cả. Theo lý thuyết nhân quả, một người đang trong hoàn cảnh thuận lợi nhưng lười biếng, không cẩn thận, không biết tự phòng vệ, không biết phân biệt tốt xấu theo nguyên lý nhân quả... thì đó chính là khuyết điểm hành vi (payoga vipatti). Khi có khuyết điểm hành vi thì các nghiệp xấu có cơ hội trở quả.

Tin đồn lan ra, khi vua Assaka nghe được liền cho mời Nandisena đến mà nói: "Người ta nói rằng Kalinga sẽ thắng và chúng ta sẽ thua, phải làm sao đây?". Nandisena trả lời: "Thưa Đại vương, chẳng ai chắc được điều ấy. Xin ngài chớ quá lo lắng". Ông làm nhà vua yên lòng rồi đến gặp Bồ-tát, kính cẩn ngồi xuống một bên và hỏi: "Kính thưa tôn giả, ai sẽ thắng, ai sẽ bại?". Bồ-tát trả lời: Kalinga sẽ thắng và Assaka sẽ bại". Nandisena hỏi: "Kính thưa Tôn giả, điểm gì thuộc về bên thắng và điểm gì thuộc về bên bại?". Bồ-tát đáp: "Thần bảo hộ của người thắng là một con voi đực trắng tuyền, còn thần bảo hộ của người thua là một con voi đực đen tuyền. Hai vị thần bảo hộ ấy sẽ đánh nhau và sẽ có bên thắng bên bại".

Nandisena đã hỏi rất kỹ tình hình theo sự biết trước của Đế Thích. Tuy nhiên, vua Assaka trong nhiều đời trước cũng làm nhiều điều tốt xấu lẫn lộn. Nếu một người đang trong hoàn cảnh không thuận lợi mà có sự nỗ lực, cẩn thận, biết tự phòng vệ, biết phân biệt tốt xấu theo nguyên lý nhân quả thì đó chính là ưu điểm hành vi (payoga sampatti). Khi có ưu điểm hành vi thì các nghiệp xấu không có cơ hội trở quả, các nghiệp tốt có cơ hội trở quả. Thực hiện việc này tốt thì kết quả thắng thua cũng còn chưa biết chắc.

Nghe thế, Nandisena đứng dậy rồi đi họp tâm phúc của vua Assaka lại. Họ gồm khoảng một ngàn người và tất cả đều là chiến sĩ. Ông đưa họ lên một ngọn núi rồi hỏi: "Các người có chịu hy sinh đời mình cho đức vua không?". Họ đáp: "Thưa ngài, chúng tôi sẵn lòng". "Thế thì các người hãy gieo mình xuống dốc núi này đi". Khi họ định làm như vậy thì Nandisena ngăn họ lại và nói: "Không cần như thế. Các người tỏ ra là những người bạn trung kiên của đức vua và hãy dũng cảm chiến đấu vì người". Tất cả đều thế sẽ như thế.

Nandisena tiếp tục một bước đi đúng đắn. Ông rà soát lại tinh thần quân đội của vua Assaka. Nếu những người cùng làm việc với mình mà không trung thành thì rất khó thành công. Câu chuyện cho thấy vua Assaka cũng có những thuận lợi của mình do đã thực hiện bốn điều thu phục đại chúng trong các kiếp sống quá khứ. Nandisena đang làm mạnh nó lên.

Khi chiến trận sắp bắt đầu, Kalinga vẫn yên chí rằng ông sẽ thắng. Quân lính của ông cũng nghĩ: "Phần thắng sẽ về ta". Thế là họ mặc áo giáp, sắp xếp đội hình rời rạc, rồi mạnh người nào người đó tiến lên. Đến lúc cần phải dốc toàn lực thì họ chẳng thể nào làm được!

Đây là trường hợp điển hình cho những người đang trong hoàn cảnh thuận lợi. Vua Kalinga không cẩn thận, không cố gắng. Do đó, các nghiệp xấu trước kia có điều kiện bộc lộ.

Cả hai vua leo lên lưng ngựa, sáp vào đánh nhau. Hai vị thần bảo hộ của họ thì đánh nhau phía trước họ. Thần của Kalinga hiện hình là một con voi đực trắng tuyền, thần của vua Assaka là một con voi đực đen tuyền. Chỉ có hai vua là trông thấy hai con voi ấy, ngoài ra chẳng ai trông thấy được chúng.

Việc mỗi vua có một vị thần bảo hộ thể hiện cho nghiệp tốt trong quá khứ của từng vua. Khi giao chiến như vậy, những người cầm đầu cảm thấy rõ ràng nhất sự hoạt động của các nghiệp tốt, nghiệp xấu của từng bên. Điều đó có lẽ được biểu thị trong câu chuyện rằng chỉ có hai vua mới trông thấy thần bảo hộ giao chiến.

Bấy giờ Nandisena hỏi vua Assaka: "Tâu đại vương, đại vương có trông thấy hai vị thần bảo hộ không?". Vua đáp: "Có, ta có trông thấy họ". Ông hỏi tiếp: "Trông họ thế nào?". Vua trả lời: "Thần bảo hộ của Kalinga là một con voi đực trắng, còn thần của chúng ta hiện hình là một con voi đen và có vẻ đang nguy khốn". Nandisena nói: "Xin ngài đừng sợ, chúng ta sẽ thắng và Kalinga sẽ thua. Ngài chỉ cần xuống khỏi con ngựa Sindh khôn lanh của ngài rồi dùng tay trái nắm một cái vào sườn con voi trắng. Thế rồi ngài cùng với một ngàn người này xông ào lên. Ngài sẽ dùng cây thương đâm vào thần bảo hộ của Kalinga cho ngã xuống. Trong lúc ấy, chúng tôi với một ngàn cây thương sẽ đâm thần ấy. Thế là thần bảo hộ cho vua Kalinga sẽ chết, ông ta sẽ thua và chúng ta sẽ thắng".

Như vậy, Nandisena tiếp tục chỉ dẫn vua Assaka khoét sâu vào những nhược điểm đã bị bộc lộ trong nghiệp của vua Kalinga.

Cuối cùng vua Kalinga đã thua và chạy trốn. Khi đến chỗ nhà tu khổ hạnh, ông ta trách Bồ-tát đã nói sai. Khi Đế Thích đến thăm, Bồ-tát trách Đế Thích đã nói dối. Đế Thích đọc đoạn kệ:

Bà-la-môn há chẳng nghe
Thần linh nào chẳng yêu vì hùng anh
Những người dũng cảm to gan
Ở nơi chiến trận chiếm phần thắng ngay
Kiên cường mạo hiểm dạn dày
Assaka thắng trận này đúng thôi.

Như vậy, theo lý thuyết nhân quả, mọi chuyện trong cuộc sống đều có thể thay đổi nếu cố gắng thực hiện bốn điều siêng năng đúng đắn: phát triển cái tốt đang có, làm phát sinh cái tốt mới, hạn chế cái xấu đang có, phòng ngừa cái xấu có khả năng phát sinh. Vua Kalinga không thực hiện các điều trên nên nghiệp xấu bộc lộ và đã thua trận.

Khi kể xong câu chuyện, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: "bấy giờ bốn nữ tu trẻ tuổi kia là các con gái của vua Kalinga, Sariputta là Nandisena, còn Ta là vị ẩn giả kia". ■

Chú thích:

1. Chuyện Tiểu vương Kalinga, chuyện số 301, phẩm 4 bài kệ, chương IV, quyển III, Chuyện Tiền thân Đức Phật, Tiểu Bộ kinh, tập 6, HT.Thích Minh Châu và GS.Trần Phương Lan dịch.

Đôi điều về tháp Phước Duyên chùa Thiên Mụ

TÔN THẤT THỌ



Tháp Phước Duyên là một biểu tượng độc đáo gắn liền với chùa Thiên Mụ Huế. Tháp cao hơn 21m, gồm 7 tầng, được xây dựng ở phía trước chùa dưới thời vua Thiệu Trị (1840-1847). Về việc xây dựng tháp, sách *Đại Nam thực lục chép*:

“Giáp Thìn, Thiệu Trị năm thứ 4 (1844) mùa xuân tháng 3... Bắt đầu xây tháp bảy tầng ở chùa Thiên Mụ, gọi là tháp Từ Nhân, đằng trước dựng đỉnh Hương Nguyên. Lấy Thống chế dinh Hồ oai Hoàng Văn Hậu đốc công việc này” (ĐNTL, tr.582).

Chỉ hơn một năm sau, việc xây tháp được hoàn thành:

“Ất Tỵ, Thiệu Trị năm thứ 5 (1845) mùa thu tháng 7... Tháp Từ Nhân đã làm xong, đổi tên là Phước Duyên Bảo Tháp. Người trông coi công việc là Hoàng Văn Hậu được thưởng gia hai cấp và 15 lạng bạc; các nhân viên, binh lính và thợ đều được thưởng có từng bậc. Lại làm đàn chay trọng thể ở chùa Thiên Mụ. Cho quyền Chương vệ Tôn Thất Cung, Thị lang Tôn Thất Hợp trông coi việc ấy.

Trước khi làm xong bảo tháp, ngự giá thường đến chơi, làm văn thơ để ghi chép các việc. Bộ Công xin khắc vào bia, vua gạt đi, bảo rằng: “Trăm trăm công nghìn việc, khi được rồi thường làm thơ, không tiếc bút mực, đó chỉ là ghi chép đại khái; nếu theo lời xin của bọn người, chẳng hóa ra mở sự mê hoặc cho người sau ư?” (ĐNTL, tr.749).

Khi tháp xây xong, ở mỗi tầng tháp đều có thờ tượng Phật. Bên trong có cầu thang hình xoắn ốc dẫn lên tầng trên cùng, nơi trước đây có thờ tượng Phật bằng vàng. Lúc mới xây dựng, phía trước tháp có đỉnh Hương Nguyên (hiện nay chỉ còn lại cái nền), trên nóc đỉnh đặt bánh xe Pháp luân – một biểu tượng giáo lý nhà Phật. Pháp luân trên nóc đỉnh quay tròn khi gió thổi.

Trong lòng tháp, mỗi tầng thờ một vị Phật:

Tầng một thờ Đức Phật quá khứ Tỳ-bà-thi (Vipassi)

Tầng hai thờ Đức Phật Thi-khí (Sikkhi)

Tầng ba thờ Đức Phật Tỳ-xá-phù (Vessabhu)

Tầng bốn thờ Đức Phật Câu-lưu-tôn (Kakusandha)

Tầng năm thờ Đức Phật Câu-na-hàm (Konagamana)

Tầng sáu thờ Đức Phật Ca-diếp (Kassapa)

Tầng bảy thờ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Ngoài ra còn có hai Tôn giả Ca-diếp và A-nan được thờ hai bên Phật Thích-ca.

Trong nội dung tấm bia được dựng bên phải chùa còn lưu lại (*Ngự chế Thiên Mụ tự Phước Duyên Bảo tháp bi*) do vua Thiệu Trị viết, nhà vua có nói rõ mục đích việc xây dựng tháp, đồng thời cho biết chính mình là người đích thân vẽ kiểu tháp. Về chi tiết này, nhóm biên dịch *Những người bạn cố đô Huế* (1915) đã dịch lại từ bài viết *Chùa Thiên Mụ – Các bia* của A. Bonhomme đăng trên tập san BAVH như sau:

*“Hiện nay đất nước chẳng có can qua, thái bình và an ninh ở nơi kinh thành cũng như khắp trong bờ cõi, trẫm cho lấy từ ngân quỹ quốc gia một số tiền cần thiết để xây tháp Phật bảy tầng. Trẫm quyết định phát huy đức hạnh bằng cách làm nhiều việc thiện và ban nhiều ân huệ khắp đất nước. **Trẫm tự tay lập sơ đồ thiết kế và quyết định hình dáng của tháp này.** Công trình nằm trong sự điều khiển của Hoàng Văn Hậu, thống chế Hữu quân Vô lâm, được bắt đầu thi công năm Giáp Thìn (1844) và sẽ kéo dài trong hai năm.*

Năm Ất Tỵ (1845) người ta thấy trên đỉnh đồi, tháp vươn lên trong mây...Việc dựng tháp không tốn công, không tốn tiền của dân, bởi vì nó được thực hiện dần dần với tiền riêng của nhà nước và do công lao của lính Túc vệ” (*Những người bạn cố đô Huế*, t.2 1915, tr.429).

Văn bia của nhà vua ghi là thế, nhưng trong cuốn *Chùa Thiên Mụ*, tác giả Hà Xuân Liêm đã tỏ ý nghi ngờ về điều này:

"Theo bia hiện còn ở chùa Thiên Mụ thì chính vua Thiệu Trị là người đã vẽ đồ án để kiến trúc tháp. Lời văn bia viết: "Nãi thân định thể chế" tức "chính ta thân hành vẽ họa đồ". Cứ như hình dáng tháp hiện nay, người ta thấy người vẽ họa đồ đã là một kiến trúc sư đại tài, lại vừa là một họa sĩ kiêm thi sĩ. Bởi vì tính chất cân đối, kiên cố của ngôi tháp đã tỏ ra tháp có thể chịu đựng bền bỉ với sức phá hoại của thời gian và khí hậu miền nhiệt đới đã đành, mà vẻ đẹp của ngôi tháp cũng là một công trình mỹ thuật độc đáo. Và như thế thì liệu vua Thiệu Trị có phải là người đã vẽ họa đồ kiến trúc tháp như lời văn bia đã ghi không? **Hay một đồ án kiến trúc đã do một người khác vẽ ra, nhưng lại thác ra lời Thiệu Trị để làm tăng uy quyền của nhà vua lên...**" (chùa Thiên Mụ, tr.245).

Liệu có phải vua Thiệu Trị đã mạo nhận mình là tác giả vẽ kiểu kiến trúc bảo tháp?

Để góp phần giải tỏa những băn khoăn khi nguồn tư liệu tham khảo có phần hạn chế, vì ngoài tấm bia do đích thân nhà vua ghi chép, thì chưa thấy tài liệu cụ thể nào cho biết đích xác nhà vua là người vẽ kiểu tháp độc đáo này, ta cần tìm hiểu thêm về mục đích, ý nghĩa của việc ra đời tháp Phước Duyên, cũng như toàn bộ nội dung văn bia do nhà vua viết có đoạn tự thuật nói trên, để từ đó có cái nhìn tổng thể khách quan hơn:

Trong cuốn *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Hòa thượng Thích Mật Thể cho biết: khi vua Thiệu Trị mới lên ngôi, ông đã "theo di chiếu của tiên hoàng, sắc xây ở chùa Thiên Mụ một ngọn tháp lớn bảy tầng gọi là Từ Nhân tháp, năm sau đổi lại là Phước Duyên bảo tháp" (*Việt Nam Phật giáo sử lược*, tr.216). Như thế thì với việc xây bảo tháp này, vua Thiệu Trị là người **thực hiện theo di chiếu** của vua cha là Minh Mạng để lại, và ban đầu đặt tên tháp là *Từ Nhân*, năm sau mới đổi là *Phước Duyên*.

Về các công trình kiến trúc, so với thời Gia Long và Minh Mạng, vua Thiệu Trị cho xây dựng không nhiều bằng, nhưng hầu hết giá trị nghệ thuật đều rất cao. Nhà vua đã cho xây dựng Vườn Cờ Hạ, Điện Khâm Văn, Thanh Hạ Thư Lâu (1844), Điện Minh Thiện (1845) trong Hoàng thành; Cung Bảo Định trong Kinh thành. Một số công trình kiến trúc thời Thiệu Trị còn tồn tại đến ngày nay đã được đánh giá cao về mặt mỹ thuật như Điện Long An, Minh Trưng Các.

Ngoài đạo Nho, vua Thiệu Trị còn hâm mộ đạo Phật. Nhà vua đã từng nói với các quan: "Đạo Nho lấy điều thiện làm báu, nhà Phật cũng lấy điều thiện để khuyên đời", do đó, nhà vua đã cho xây dựng chùa Diệu Đế (1844), cho đúc chuông để kỷ niệm nơi mình chào đời, và riêng tháp Phước Duyên và đình Hương Nguyên, ông đã cho xây tại chùa Thiên Mụ để **kỷ niệm mừng thọ** bà nội của mình (tức Thuận Thiên Cao Hoàng hậu thọ 80 tuổi), người đã trực tiếp nuôi dưỡng mình khi mẹ mất sớm (*Thơ văn Thiệu Trị*, tr.27).

Cũng trong cuốn *Thơ văn Thiệu Trị*, nhóm biên soạn cho biết:

"Một nét nổi bật nữa là tâm tính nhà vua rất trong sáng, chân thật và ghét nịnh bợ: Vào một ngày hè năm 1841, trong khi ngự thuyền rồng đi cáo yết lăng tẩm các vua chúa trở về, vua dừng lại để xem đánh cá trên sông Hương. Một số người trong đội lính đánh cá của triều đình và trong đội lính thị vệ cùng lên thả cá sẵn vào lưới để khi cất lên thì có được nhiều cá cho vua xem. Vua biết được sự lừa dối ấy, liền bảo với các quan tùy tùng rằng: "Ta xem việc đánh cá, đủ biết bọn nịnh thần là đáng ghét". Rồi vua làm thơ để răn, trong đó có câu: "Ngư tiểu tu trừng viễn hân thần" (Tuy cá là việc nhỏ, nhưng ta cũng nên xa lánh bọn nịnh thần)" (*Thơ văn Thiệu Trị*, tr.28).

Từ đó, có thể đặt ra một câu hỏi: một vị vua thấm nhuần đạo lý Phật - Nho, dựng một công trình mang yếu tố tín ngưỡng tâm linh theo di chiếu của vua cha để lại, được thực hiện để mừng thọ bà nội, người đã cưu mang mình khi mới sinh ra được 13 ngày tuổi thì mẹ mất, lẽ nào nhà vua đó lấy việc làm của người khác làm của mình, rồi khắc vào bia đá lưu lại hậu thế và dựng ngay trước chùa?!

Cũng cần nói thêm, nội dung bia có nhiều đoạn nhà vua đề cao công trạng của các bậc tiên đế nhiều đời trước, kể từ chúa Tiên Nguyễn Hoàng đến vua cha Minh Mạng (1820 – 1840) là những người đã có công tạo dựng, cũng như tu bổ để có được ngôi chùa ở vị trí linh địa như ngày hôm nay. Riêng đối với bản thân mình, nhà vua viết:

"Riêng phần trăm, mang ân huệ của các tiên đế, trăm đã cố gắng tiếp tục sự nghiệp còn đó để được hưởng sự sống lâu và đã tiếp tục một cách tự hào, thực hiện niềm mong ước đã ấp ủ trong lòng. Trăm luôn đi theo con đường vĩnh cửu của tình thương, của lòng bác ái và làm việc thiện..." (Những người bạn cố đô Huế, tr.428).

"Trong dịp rằm tháng 7, trăm đã cho làm lễ khánh thành, và làm lễ sám hối trong ba tuần. Đã đốt hương làm bằng hoa thiêm bác mà hương thơm tỏa khắp đêm ngày, bay đến tận những miền xa xăm nhất của cõi Phật.

Mong sao cho tháp bảy tầng quý hiếm này vươn cao lên mãi trên mảnh đất an vui này, và mong sao Phật chứng giám cho lòng chân thành của trăm..." (Những người bạn cố đô Huế, tr.431).

Điều đó cho thấy việc xây dựng bảo tháp xuất phát từ ý nguyện **riêng** của nhà vua, ông làm bốn phần của một người con đối với vua cha, của một bậc hậu sinh với các vị tiền bối. Đồng thời nhà vua muốn hoàng dương giáo lý nhà Phật trong toàn cõi để mong muốn một đất nước thái bình. Công trình được hoàn thành để mừng thọ bà nội và vì thế có thể nói rằng: ngôi bảo tháp và đình Hương Nguyên xây dựng không thuộc về công trình nhà nước như các đền đài cung miếu khác, do đó tài liệu để lại về việc xây dựng không ghi chép cụ thể là có lý do.

Một điều cần tìm hiểu thêm là ở tấm bia bên trái có cùng kích thước với tấm bia này, đã khắc rất nhiều bài thơ do nhà vua sáng tác ca ngợi cảnh chùa, từ đó ta thấy

ông là người rất nhiệt tâm với ngôi chùa, và qua đó cũng thấy được ông là người rất hâm mộ đạo Phật:

"Mong sao những điều dạy của Phật tổ và công trình xây dựng của tiên đế sẽ tồn tại mãi trên khắp đất nước.

Mong sao việc làm điều thiện để đem lại hạnh phúc sẽ tiếp tục mãi ở trên cõi thế gian này".

"Đức hạnh là một quả quý

Ai mà không biết làm điều thiện?

Công bình và bác ái đi đôi

Cũng như lo xa và sáng suốt

Con đường bốn phạm nằm giữa trời và đất

Người ta đi đến con đường đó bằng nhà chùa, bằng muôn vạn điều huyền diệu của nhà chùa.

Chỉ có kẻ nào chuyên tâm phân biệt được cái gì đã làm nên sức mạnh hay yếu kém của tâm hồn và lý trí, mới ý niệm được một cách chính xác cái hạnh phúc trong ba kiếp sống liên tục, bởi vì đối với kẻ này thì hư vô mới chính là cái an lạc duy nhất.

Người ấy đã vượt qua bể khổ

Và sẽ đến được miền đất Phật để hưởng được cái hạnh phúc tuyệt đối.

Nhờ sự độ trì của Phật mà mây che biển và núi.

Và mưa lành đã tưới mát cỏ cây".

"Trăm đã cho xây dựng tháp bảy tầng.

Từ trên đỉnh tháp nhìn thấy núi và sông, lòng trăm bùng lên vui sướng

Càng đứng vững dưới trời đất, thì đạo Phật càng quang vinh với năm tháng".

(Những người bạn cố đô Huế, tr.434)

Sử sách đã ghi chép, Thiệu Trị là vị vua thông minh, lên ngôi vua khi đã 35 tuổi; ông là người được giáo dục và đào tạo kỹ lưỡng từ thuở thiếu thời về nền Nho học và các học thuyết phương Đông khác. Nhà vua đã từng nói: *"Nước ta vốn có tiếng là văn hiến"* và *"Văn vật nước ta không kém gì Trung Quốc"*. (Đại Nam thực lục, tập 6, tr.467). Trong lĩnh vực văn học, ông là người duy nhất đạt được trình độ hiếm có: chỉ với 56 chữ ông đã cho đến 128 bài thơ đọc theo kiểu liên hoàn mà hiện nay, đang kích thích biết bao nhà nghiên cứu văn học cổ để tâm tìm hiểu nó.

Nói lên những điều đó để có thể xác định rằng: việc nhà vua đích thân vẽ kiểu tháp Phước Duyên bảy tầng ở chùa Thiên Mụ không có gì là *ghê gớm* lắm đối với ông! Thế nên, việc nghi ngờ ông *tự tiện* cho khắc vào bia đá để *mạo nhận*, liệu có phải là hợp lý và cần thiết trong cuốn biên khảo tìm hiểu về ngôi chùa danh tiếng và lịch sử này? ■

Tài liệu tham khảo:

- Việt Nam Phật giáo sử lược, Thích Mật Thể, Minh Đức, 1960.
- Thần kinh Thập cảnh - Thơ văn Thiệu Trị, Nxb Thuận Hóa, 1997.
- Những người bạn cố đô Huế, t.2 (1915), Nxb Thuận Hóa, 1997.
- Chùa Thiên Mụ, Hà Xuân Liêm, Nxb Thuận Hóa, 2001.
- Đại Nam thực lục, t.6, Nxb Giáo Dục, 2007.





Phật tử vào Tòa Bạch Cung

HOZAN ALAN SENAUE
TRẦN KHIẾT BÁCH dịch

Trùng với ngày lễ Vesak ở Hoa Kỳ, các nhà lãnh đạo Phật giáo Hoa Kỳ đã được mời đến Tòa Bạch Cung để gặp gỡ các nhà hoạch định chính sách của quốc gia này. Một trong những người tham dự đã thuật lại cuộc gặp. Trước khi vào Bạch Cung, các nhà lãnh đạo Phật giáo Hoa Kỳ đã trao đổi với nhau tại giảng đường Trường Đại học George Washington. Cuối cuộc gặp, một số nhà lãnh đạo Phật giáo Hoa Kỳ tuần hành quanh Bạch Cung và chằng một số biểu ngữ trong đó có một biểu ngữ mang hàng chữ “Toàn thể quả đất này chính là thân thể của tôi, Tôi nguyện hoạt động cho công lý khí hậu”. Bài viết được đăng trên Lion’s Roar số mới nhất, tháng 5-2015.

Hoa tươi và cây xanh được xếp thành từng hàng dài trên những đường phố thủ đô Washington. Quang cảnh đầy hứa hẹn. Một trăm ba mươi vị giảng sư Phật giáo, Tăng có, Ni có, cư sĩ cả nam lẫn nữ, những học giả và các nhà tổ chức, gặp nhau vào ngày thứ Năm 14-5-2015 cho cuộc họp mặt lần đầu tiên của “Hội nghị các Nhà Lãnh đạo Phật giáo Hoa Kỳ và Tòa Bạch Cung” với chủ đề “Tiếng nói giữa quảng trường – Hành động trên thế giới”.

Trong lúc tôi còn hơi băn khoăn về thế nào là tước hiệu “các vị lãnh đạo” Phật giáo – và còn nghĩ rằng nhiều vị

khác cũng có thể hoặc cũng nên có mặt tại phòng họp – trong sự kiện này, khái niệm lãnh đạo bao gồm hai phương diện. Một nhóm người cả nam lẫn nữ có sự khác biệt khá rõ rệt, họp nhau lại với mục đích định hình một sự hiểu biết chung về việc làm thế nào để mang những sự thực hành Phật giáo đa dạng của chúng tôi vào trong thế giới đầy rối ren hiện nay. Cùng lúc, đã có một cơ hội độc nhất để, trong cuộc đối thoại với Tòa Bạch Cung và các nhân viên thuộc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, thể hiện sự quan tâm trong việc tìm kiếm những nhóm Phật tử có cùng quan điểm trước những vấn đề biến đổi khí hậu, công lý cho các chủng tộc, và kiến tạo hòa bình.

Nhân vật trung tâm cho sự kiện kéo dài cả ngày này là ngài William Aiken, vị Giám đốc Sự vụ Công cộng của tổ chức Soka Gakkai Quốc tế. Ông có được sự giúp đỡ đến từ ngài Tỳ-kheo Bodhi của tổ chức Phật giáo Cứu tế Toàn cầu, Tiến sĩ Sallie King thuộc Đại học James Madison của Ủy ban Phật giáo Quốc tế tại thủ đô Washington, và Tiến sĩ Duncan Ryuken Williams thuộc Đại học Southern California. Bằng vào tất cả những mối quan hệ và các hệ thống tương ứng của các vị ấy, đây là một cuộc tập hợp đáng chú ý, với sự đa dạng độc nhất và rộng rãi về mặt chủng tộc, quốc tịch, giới tính và các truyền thống Phật giáo khác nhau.



Bắt đầu với những lời chào hỏi chúc tụng và một thời thiền định ngắn, chương trình buổi sáng tại Đại học George Washington nêu bật những điều trình bày ngắn gọn về một số những vấn đề có tầm mức rộng rãi và đầy cấp bách. Một cuộn băng ghi hình (video) do Mary Evelyn Tucker thực hiện và một bản phân tích mạnh mẽ của Tỳ-kheo Bodhi đã phơi bày Tứ Diệu Đế của Tình trạng Biến đổi Khí hậu. Tỳ-kheo Angel Kyodo Williams thuộc Trung tâm Thay đổi Mang tính Chuyển hóa đã thiết lập sự kết nối đầy tính thuyết phục giữa công lý cho khí hậu với công lý cho chúng tộc khi ngài phát biểu, “Chúng ta đang quyết tâm làm thoái hóa hành tinh này bởi vì chúng ta cũng đang quyết tâm làm thoái hóa loài người”.

Ngắn gọn hơn nữa, chúng tôi đã được nghe những báo cáo về các công trình thay đổi xã hội đang được tiến hành bởi khoảng nửa tá các cộng đồng và các tổ chức trong số những cộng đoàn Phật giáo. Những điều trình bày ấy lẽ ra cũng có thể được tiếp tục một cách có lợi ích trong nhiều ngày.

Sau một bữa trưa với những hộp thực phẩm chay và một khoảng thời gian nghỉ ngơi ngắn ngủi để tìm hiểu thêm về bốn nhóm chủ đề đã được trình bày quá ngắn gọn và bất ngờ, tất cả chúng tôi đi bộ qua vài khối kiến trúc để gặp ban tham mưu của chính phủ tại “trụ sở làm việc tạm thời của Tòa Bạch Cung” trong Cao ốc Văn phòng Hành pháp Eisenhower. Ở đây đã diễn ra một cuộc đệ trình chớp nhoáng hai văn kiện tuyên ngôn của Phật giáo, một về sự biến đổi khí hậu và một về công lý cho các chủng tộc. Tiếp đó là một cuộc họp ngắn có tính cách trao đổi thông tin dưới hình thức hỏi đáp với ban tham mưu của chính phủ kéo dài hơn hai tiếng đồng hồ. Tham

gia vào cuộc trao đổi với chúng tôi có Melissa Rogers thuộc Văn phòng Tòa Bạch Cung phụ trách Các Hiệp hội Tín ngưỡng và Cộng đồng, Tiến sĩ Shaun Casey là Đại diện đặc biệt của Bộ Ngoại giao về vấn đề Tôn giáo và các Sự vụ Toàn cầu; Susan Hayward là Xử lý Thường vụ Giám đốc Cơ quan Tôn giáo và Kiến tạo Hòa bình thuộc Viện Hòa bình Hoa Kỳ, và Angela Barranco thuộc Hội đồng Tòa Bạch Cung về Phẩm chất Môi trường.

Ba điều nổi bật trong ngày. Thứ nhất, chúng tôi đã tập hợp trong một mối quan tâm tập thể về những vấn đề có đầy tính thuyết phục là đã và đang đe dọa phúc lợi của toàn thể chúng sinh chứ không chỉ là những điều quan tâm riêng của Phật tử. Thứ hai, cơ hội thì phong phú nhưng lại ngăn ngại đối với nhiều thân hữu và các tổ chức có cùng quan điểm. Thứ ba là trong “trụ sở làm việc tạm thời của Tòa Bạch Cung” giữa Cao ốc Văn phòng Hành pháp Eisenhower, chúng tôi, những hành giả Phật giáo và ban tham mưu của Tòa Bạch Cung, đã có thể đồng thanh cất cao bốn lời nguyện của các bậc Bồ-tát bắt đầu bằng *Chúng sanh vô biên thế nguyện độ...*

Ý định của các nhà tổ chức và hy vọng của những người tham dự là cuộc gặp gỡ này sẽ mở đầu cho một chuỗi những cuộc gặp gỡ tiếp theo tại Washington. Để cho bước đầu tiên này đưa tới một chiều hướng có ích lợi thì chắc chắn phải là như vậy. Việc gặp gỡ nhau lần đầu tiên thật là tốt đẹp; nhưng chỉ thông qua các mối quan hệ – giữa chúng tôi những hành giả Phật giáo và với sự quan tâm của những vị thuộc chính phủ – thì chúng ta mới có thể thành tựu bất kỳ điều gì và mới vận hành được các công trình của những bậc Bồ-tát.

Kết thúc cuộc họp bằng những lời hùng biện, Jack Kornfield thu hút sự chú ý của chúng tôi vào một lời trích dẫn được nêu ở cuối một trang trong tập sách hướng dẫn mà Tòa Bạch Cung đã phân phát cho chúng tôi. Ông so sánh câu trích dẫn đó với lời giảng của một vị thầy vĩ đại là Tôn giả Shantideva (Tịch Thiên); câu trích dẫn đó như sau:

“Thay vì làm cho chúng ta xa cách nhau, những niềm tin khác nhau của chúng ta có thể mang chúng ta đến với nhau để nuôi ăn những người đói kém và an ủi những người đang đau khổ, để kiến tạo hòa bình nơi đang có xung đột và xây dựng lại những gì đã đổ vỡ, để nâng dậy những người đã bị ngã vì gặp lúc khó khăn”, Tổng thống Barack Obama, phát biểu tháng Hai năm 2008. ■

Hozan Alan Senauke là phụ tá Tu viện trưởng của Trung tâm Thiền học Berkeley, California, nơi ông sống cùng với gia đình. Là một nhà hành động thuộc phong trào Phật giáo Dẫn thân vào Xã hội (Socially Engaged Buddhist), Alan cộng tác chặt chẽ với Hội Liên hữu Hòa bình Phật giáo (Buddhist Peace Fellowship) và Mạng lưới Quốc tế các Phật tử Dẫn thân (International Network of Engaged Buddhists) kể từ năm 1991. Năm 2007, ông thành lập Dự án Nhìn Rõ (Clear View Project) nhằm phát triển các nguồn lực Phật giáo cho hoạt động cứu tế và thay đổi xã hội ở châu Á và Hoa Kỳ.

Dịch giả Phùng Khánh:

Vườn hoa ý đạo

DIỆP LẠC

Cố đô Huế quả thật nhiều hạnh vận khi sản sinh ra một nữ danh sĩ Phùng Khánh, tức cố Ni trưởng Thích nữ Trí Hải (1938-2003). Bà gọi Tuy Lý vương là tằng tổ phụ (cố nội), thuộc dòng hoàng tộc chánh hệ vua Minh Mạng. Dù xuất thân danh gia vọng tộc, sống một cuộc sống đầy đủ vật chất, nhưng theo truyền thống gia đình nhiều đời thâm tín đạo Phật, Phùng Khánh đã sớm chọn cho mình con đường xuất gia. Bà vừa là một nữ tu sĩ, vừa là nhà văn, là một dịch giả tài hoa, và là một nhà hoạt động xã hội tích cực.

Được biết từ khi đang còn nằm trong bụng mẹ, Phùng Khánh đã được thọ Tam quy Ngũ giới và được ban pháp danh Tâm Hỷ mà bốn sư thế độ là ngài Thích Tịnh Khiết, tọa chủ chùa Tường Vân, Huế thời bấy giờ. Vào năm 1960 bà tốt nghiệp cử nhân Anh văn tại Đại học Sư phạm Huế rồi giảng dạy tại Trường Trung học Phan Chu Trinh Đà Nẵng, nhưng chỉ vài tháng sau bà sang Mỹ du học; đến năm 1964, sau khi hoàn tất học trình thạc sĩ Văn chương tại Đại học Princeton, Phùng Khánh về nước và xuất gia tại chùa Hồng Ân, được bốn sư là Sư bà Thích nữ Diệu Không thọ ký.

Với kiến thức uyên thâm cả về thế học lẫn Phật học, Phùng Khánh đã có nhiều đóng góp cho hoạt động văn hóa, giáo dục và hoằng pháp. Bà là một trong

những giảng viên đầu tiên giảng dạy tại Thiền viện Vạn Hạnh và Trường Cao cấp Phật học Việt Nam, từng làm Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.

Bên cạnh những hoạt động giáo dục và hoằng pháp, Ni trưởng Thích nữ Trí Hải còn dành thời gian dịch thuật những tác phẩm văn chương nổi tiếng có tính khơi dậy tâm tử trong con người, khai mở con đường tìm kiếm chân lý. Những tác phẩm dịch tài hoa của Phùng Khánh đã cuốn hút độc giả thuộc nhiều thế hệ. Người ta nhớ nhiều đến các tác phẩm văn học *Câu chuyện dòng sông* (Siddharta của Hermann Hesse) do bà cùng với em gái là Phùng Thăng dịch từ nguyên bản tiếng Đức, rồi *Nhà khổ hạnh và gã lang thang* (Narziss und Goldmund cũng của Hermann Hesse) dịch từ tiếng Đức. Bên cạnh đó là các dịch phẩm khác như *Ông già và biển cả* nguyên bản của Hemingway, *Bắt trẻ đồng xanh* của J.D. Salinger. Những dịch phẩm triết học và tôn giáo chiếm một khối lượng lớn trong các công trình của bà, có thể kể đến *Câu chuyện triết học* của Will Durant (dịch cùng với Bửu Đích), *Tạng thư Sống Chết* của Sogyal Rinpoche, *Tâm bất sinh* từ Ngũ lục của Thiền sư Bankei, *Thanh tịnh đạo* của Buddhaghosa, *Nhập Bồ-tát hạnh* của Tôn giả Tịch Thiên (Shantideva), *Sơ sánh kinh Trung A-hàm* và *kinh Trung Bộ* và *Pháp Hiển*, *Nhà chiêm bái khiêm tốn* của cố Hòa thượng Thích Minh Châu, *Phật giáo truyền*

thống Tây Tạng của Geshe Kelsang Gyatso, Sự tích giới luật của E. Herrigel... Ngoài ra, bà còn biên soạn một số tác phẩm *Bóng nguyện lòng sông, Đàm hoa lạc khứ, Từ nguồn Diệp pháp, Tương quan giữa Thiền và Mật*.

Chỉ liệt kê chừng đó cũng đủ thấy được tấm lòng của một vị chân tu, Ni trưởng Trí Hải không những đã có ý mở mang kiến thức triết học, văn chương cho các thế hệ sau này, mà còn để lại một kho tàng tri thức, một sự giao lưu tư tưởng giữa các trào lưu triết học và Phật giáo.

Nhiều thế hệ thanh thiếu niên đến với tác phẩm *Siddharta (Câu chuyện dòng sông)* của văn hào Hermann Hesse qua tài chuyển ngữ của dịch giả Phùng Khánh. Từ đó hiện tượng Tất Đạt và Thiền Hữu như một cặp đối ngẫu hiển hiện trong xã hội từ thời bấy giờ đã được hình tượng hóa kịp thời qua *"Câu chuyện dòng sông"*. Nếu Thiền Hữu là con người của khiêm cung, nép mình trong môi trường tu học, đạo đức luôn đi theo con đường đã được vạch sẵn, thì trái lại Tất Đạt là con người dẫn thân vào cuộc nghiệm sinh giữa lòng cuộc đời, nhưng tâm tưởng không bao giờ rời bỏ mục đích tìm chân lý cuộc sống. Câu chuyện dòng sông, chính là câu chuyện của thanh niên Việt Nam của những thập niên 60, 70 hay chính là câu chuyện của một đời người ở bất kỳ thời cuộc nào. Tôi đã đọc *Câu chuyện dòng sông* từ đầu những năm 80, và đến bây giờ vẫn còn đọc nó, đọc gần như thuộc, nhưng vẫn cứ muốn đọc, phải chăng vì đó cũng chính là câu chuyện của chính mình. Điều đó chứng tỏ rằng, một tác phẩm văn chương giá trị tác động và truyền cảm hứng như thế nào vào tâm thức các thế hệ ở những đất nước đang vào thời loạn lạc, vì thế chúng ta cần phải tôn vinh và tri ân công lao những dịch giả. Dòng sông mà Hesse muốn nói đến, chính là dòng sống hiện hữu thường trực, không phải là hiện sinh ở bề mặt nông cạn như những trào lưu hay khuynh hướng trác táng, sa đọa, hoặc sự đối diện ở bề ngoài vỏ bọc hư vô,... mà cuộc hiện sinh ở đây được mô tả như trạng thái tĩnh lặng, như sự dẫn thân để truy tầm, kiếm tìm, suy nghiệm để mở ra từng lớp vỏ tâm thức chìm sâu vào bản thể vô ngã nhằm khám phá ý nghĩa chân thật cuộc sống, điều này chỉ thành đạt được ở những tâm hồn bất thối chuyển.

Vì sao một bậc nữ lưu thuộc hậu duệ của triều Nguyễn như Phùng Khánh lại khát khao lên đường dẫn thân vào cuộc tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống? Vì sao trong hoàn cảnh vật chất dư thừa nhưng người thiếu nữ đó lại khước từ, rời bỏ đời sống tục lụy để bước vào cảnh giới của đạo một cách trọn vẹn? Chỉ có thể giải thích rằng ngoài sức mạnh của ý chí, ngoài ảnh hưởng

từ đời sống gia đình mộ đạo, tâm hồn của Phùng Khánh luôn hé nở những đóa hoa từ bi, chỉ có tình yêu thương và phần nào liễu ngộ được lý tưởng cuộc sống mới thôi thúc Phùng Khánh bước vào con đường đạo Phật quyết liệt như vậy.

Phùng Khánh dịch nhiều hơn sáng tác. Năm 1994 bà đã lập tập san văn hóa *Tuệ Uyển* ở Sài Gòn, *Tuệ Uyển* được ấn hành đến năm 2003 thì dừng lại theo cuộc đời vô thường đã đưa Ni trưởng Trí Hải về thế giới Phật, do một tai nạn giao thông trên đường tình nguyện đi cứu trợ. Trong một tập *Tuệ Uyển* có bài *"Đàm hoa lạc khứ"* viết về Huế rất sinh động, Huế của riêng mình, mà Huế là tất cả:

"Mỗi lần đi Huế lòng tôi lại nôn nao khôn tả. Huế là đạo, là thơ, là nghĩa tình ý vị, là tinh hoa văn hóa của ba miền đất Việt, nhưng cũng là mảnh đất khô cằn của đói nghèo khốn khổ "mùa đông thiếu áo mùa hè thiếu cơm" đã hứng chịu nhiều thiên tai nhân họa... Tôi không thể nào quên được cái cảm giác lâng lâng khó tả khi viếng tháp Tổ Liễu Quán. Phải đi một mình mới thấy được, nghe được tất cả cái linh thiêng. Mình như nghe được cả cái im lặng tĩnh mịch ở đây, tiếng của vô thanh (la voix du silence) ngân vang trong hồn và khắp vũ trụ, và khi ấy dường như không còn cái gì gọi là 'mình' được nữa vì mình đã tan loãng ra, hòa với thời không vô tận".

(Trí Hải, *Đàm hoa lạc khứ, Tuệ Uyển*)

Nhà văn Viên Linh, chủ bút tờ *Khởi Hành* đã nhận định: *"Văn xuôi của tác giả [Phùng Khánh] thì cuốn cuộn như thác nước, nhất là văn kể truyện"*.



Cố Hòa thượng Thích Mãn Giác viết:

"Sống ở Hoa Kỳ những năm đầu '60 với cõi lòng ẩn mật rất Huế, khi về Việt Nam, Cô [Phùng Khánh] đã ra mắt với người đọc quê hương hai bản dịch nổi tiếng [...] mà không lâu sau đó người đọc đều đã nhận ra gương mặt tuyệt vời của một dịch giả vừa uyên bác cẩn trọng, vừa trong sáng nghiêm túc. Mãi cho tới mấy chục năm sau, Cô vẫn giữ vị trí của người chuyển ngữ tài hoa nhất".

Thật hiếm có. Một người nữ thuộc dòng tộc chánh hệ của vua Minh Mạng đã dâng trọn đời mình cho cuộc chấn hưng văn hóa, văn nghệ, cho giáo dục và gởi trọn niềm tin cho Phật pháp,... không phải chỉ một khoảng thời gian mà hết cả cuộc đời bà cho đến giây phút rời trần gian bà cũng đang trên đường hoàng pháp. Cuộc đời một người nữ như vậy khác gì vườn hoa tràn ngập ý đạo. ■



Bình Định với thơ Nguyễn Du

PHẠM TUẤN VŨ

Thơ chữ Hán của Nguyễn Du có nhiều bài viết về người thân một cách cảm động. Tiêu biểu hơn cả là bài *Úc gia huynh* viết về người anh trai Nguyễn Nễ đang làm quan tại phương Nam xa xôi. Có một điều đặc biệt, đây là bài thơ duy nhất trong số 250 bài thơ chữ Hán của Tố Như có nhắc đến một địa danh của nước ta thuộc địa phận từ đèo Hải Vân trở vào Nam. Đó là thành Lục Tháp thuộc phủ Quy Nhơn, nay là thành Hoàng Đế thuộc xã Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Úc gia huynh

*Lục Tháp thành nam hệ nhất quan
Hải Vân dạ độ thạch tàn ngoan
Cùng xu lam chương tam niên thú
Cố quốc yên hoa nhị nguyệt hàn
Nhất biệt bất tri hà xứ trú
Trùng phùng đương tác tái sinh khan
Hải thiên mang diểu thiên dư lý
Thần phách tương cầu mộng diệc nan.*

Lê Thước dịch thơ⁽¹⁾:

Quan nơi Sáu tháp thân ràng buộc
Đêm tối qua đèo đá nhấp nhô
Ba tết đồn xa miền hẻo lánh
Tháng hai quê cũ cảnh tiêu sơ

Chia tay chẳng biết phương nào trú
Gặp mặt âu đành kiếp khác chờ
Trời bể mịt mù ngàn dặm thăm
Tìm nhau khó cả thấy trong mơ.

"Úc gia huynh" là nỗi lòng nhớ thương, lo lắng của Nguyễn Du dành cho người anh Nguyễn Nễ, còn gọi là Nguyễn Đễ, tự Nhất Quế, hiệu Quế Hiên; lại có tự Tiến Phủ, hiệu Tĩnh Kiên, biệt hiệu Văn Thôn Cư Sĩ; sinh ngày 13 tháng 2 năm Tân Tỵ (1761), mất năm Ất Sửu (1805). Ông là con thứ sáu của Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm (1708-1855) và bà Trần Thị Tần, là anh ruột Nguyễn Du, lớn hơn Nguyễn Du 5 tuổi. Trong các anh em, Nguyễn Nễ là người gần gũi, thân thiết hơn cả với Nguyễn Du, dù hai anh em không cùng một con đường chính trị. Họ còn là bạn thơ hiểu nhau và thường viết thơ cho nhau. Trong lúc anh em ly tán, Nguyễn Nễ viết bài *Hoài Tố Như đệ* (nhớ em Tố Như). Năm 1793, Nguyễn Du vào Phú Xuân thăm anh, khi trở về Quỳnh Côi, Nguyễn Nễ có viết một bài thơ đưa tiễn với nhan đề *Tống Tố Như tự Phú Xuân kinh Bắc hoàn* (Tiễn Tố Như từ kinh Phú Xuân về lại Bắc). Ngoài ra, Nguyễn Nễ còn "có hàng chục bài thơ viết cho Nguyễn Du với tất cả tình cảm yêu thương của một người anh dành cho một đứa em trai có số phận khá vất vả, long đong"⁽²⁾ của mình.

Theo các nhà nghiên cứu, Nguyễn Nễ “*làm quan với ‘tân triều’ khá tự nguyện: làm việc hăm hở, không mặc cảm, ít vướng bận nghĩa ‘trung quân’, thậm chí có lúc ông còn chỉ trích những người bảo thủ, lánh đời*”⁽³⁾. Ông cộng tác với triều Tây Sơn ngay từ đầu. “*Năm đầu Quang Trung (1789), nhân có người quen đề cử, ông được mời ra giúp việc từ hàn và được bổ chức Hàn lâm viện thị thư, làm Phó sứ tuế cống sang Trung Quốc. Trở về nước, được thăng Đồng các Đại học sĩ, gia tăng Thái sư thụ tả nghị lang, Nghi Thành hầu. Năm Quý Sửu (1793) ông coi việc văn thư ở Cơ mật viện. Năm Giáp Dần (1794), ông được thăng Tả phụng nghị Bộ Binh, vào thành Quy Nhơn, giữ chức Hiệp tán nhung vụ. Bài thơ của Nguyễn Du làm vào thời kỳ này*”⁽⁴⁾.

Trở lại với tác phẩm *Ức gia huynh*, ở hai câu đề của bài thơ có hai địa danh xuất hiện. Đó là đèo Hải Vân và thành Lục Tháp:

- Đèo Hải Vân (tên chữ là Hải Vân quan) là địa giới tự nhiên giữa tỉnh Thừa Thiên-Huế và thành phố Đà Nẵng ngày nay. Đèo nằm trên con đường từ kinh thành Phú Xuân vào Nam cho nên khi vào phủ Quy Nhơn nhậm chức, Nguyễn Nễ phải đi qua con đèo này. Đây là con đèo nổi tiếng hiểm trở, khó đi. Có lẽ Nguyễn Nễ đã qua đây vào lúc ban đêm nên Nguyễn Du mới viết: *Hải Vân dạ độ thạch tàn ngoan* (ban đêm vượt Hải Vân, đường đi đá lởm chởm).

- Thành Lục Tháp, tức thành Hoàng Đế ngày nay. Thành này nguyên tên là Đồ Bàn hay Vijaya, còn gọi là Thành cổ Chà Bàn, vốn là kinh đô của nước Champa cũ, có từ thế kỷ IX. “*Năm 1604, chúa Nguyễn đổi là thành Quy Nhơn, đời Tây Sơn, Nguyễn Nhạc xưng là Trung ương Hoàng Đế, đổi là thành Hoàng Đế. Thành mở năm cửa và có sáu tháp canh. Năm 1814, Gia Long mới bỏ thành này, xây thành khác cách năm cây số về phía Nam, hình vuông, gọi là thành Tây*”⁽⁵⁾. Vì có sáu tháp canh các hướng nên thành còn được gọi bằng tên Lục Tháp (nghĩa là *sáu ngôi tháp*). Nguyễn Nễ vào Quy Nhơn nhậm chức, phục vụ cho triều Tây Sơn, trong mắt Nguyễn Du coi như nửa đời còn lại bị buộc chân ở nơi này. Cho nên nhà thơ mới viết: *Lục Tháp thành nam hệ nhất quan* (phía nam thành Lục Tháp, một chức quan buộc [chân]).

Trong sự hiểu biết của nhiều người thời bấy giờ, “*thành Lục Tháp quá là xa xôi, được coi là miền đất lạ nơi biên thùy lam sơn chướng khí*”⁽⁶⁾. Nguyễn Du có lẽ cũng không biết gì nhiều về nơi đây. Cho nên ông viết: *Cùng xu lam chướng tam niên thú* (nơi heo hút, hẻo lánh, khí độc suốt ba năm trời canh giữ chốn *biên ải*). Hơn nữa, trong điều kiện đi lại khó khăn bấy giờ, thành Lục Tháp so với kinh đô Phú Xuân là xa mịt mù ngàn dặm: *Hải thiên mang diểu thiên dư lý* (mênh mang trời bể hơn ngàn dặm). Trên thực tế, khoảng cách giữa thành phố Huế và thị xã An Nhơn là khoảng 400km. Trong khi đó, 1 dặm tương đương 1,6km; hơn ngàn dặm là hơn 1.600km. Hơn nữa, *thiên dư lý* chỉ là cách nói ước lệ, chỉ cho sự xa cách không thể tính được. Điều này nói lên rằng thành Lục Tháp trong nhận thức Nguyễn Du và

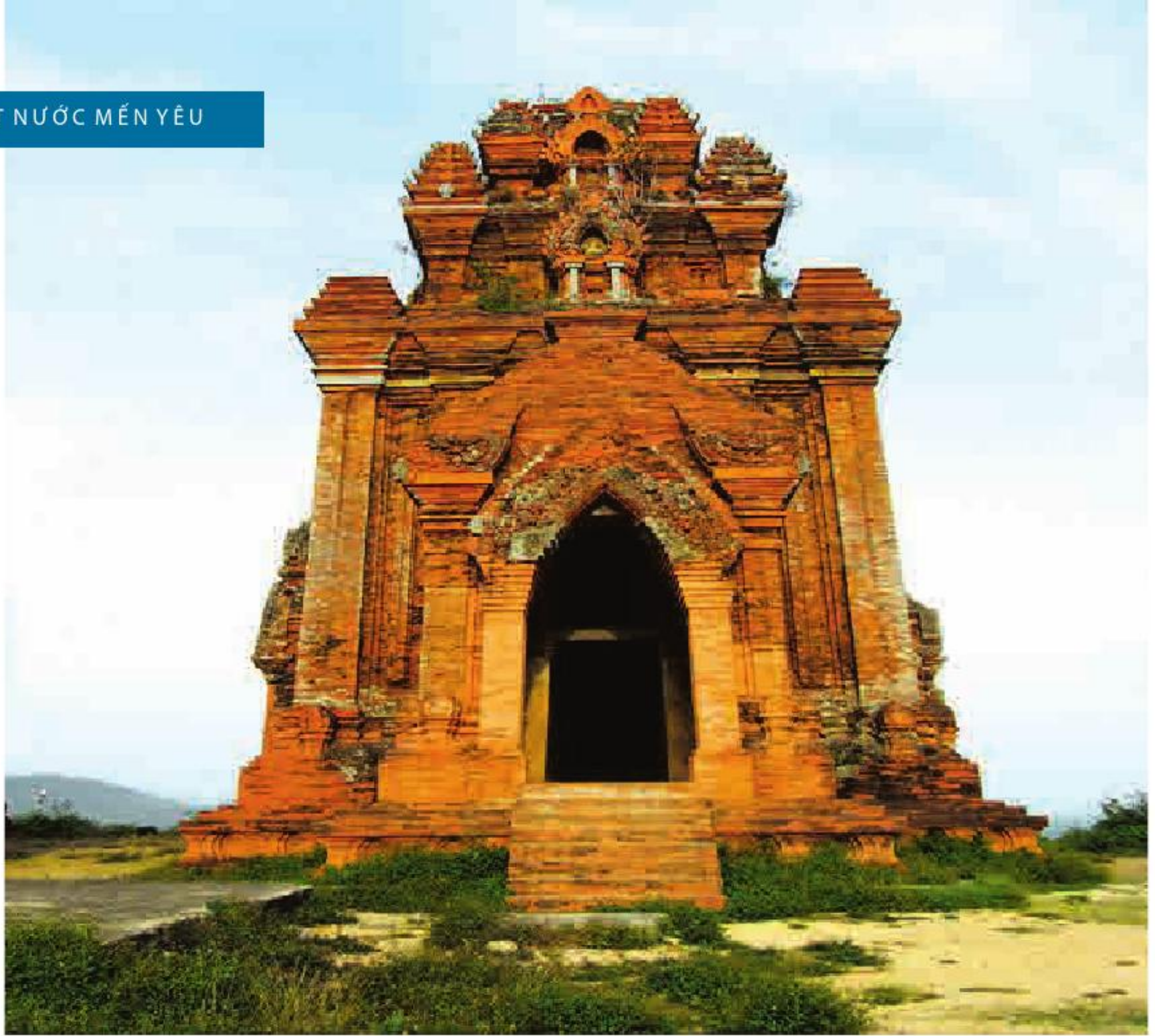
người đương thời là nơi quá mờ mịt, xa xôi, chẳng khác nơi biên thùy, cửa ải.

Trong bài thơ, Nguyễn Du đã dành cho anh trai của mình những tình cảm chân thành, cảm động nhất. Vượt qua những chính kiến trái ngược nhau, người em trai đã thật sự lo lắng cho anh nơi hẻo lánh sợ không có nơi ở chu đáo (*Nhất biệt bất tri hà xứ trú* – Một đi không biết ở nơi nào), phải chịu cảnh sống cơ cực, khó khăn mà ngày gặp lại thì quá xa vời có khi phải đợi kiếp sau mới thấy (*Trùng phùng đương tác tái sinh khan* – Gặp nhau có lẽ phải đến ngày tái sinh mới thấy được). Với Tố Như, vắng anh thì quê nhà dù đang giữa mùa xuân cũng đều hiu, lạnh lẽo (*Cố quốc yên hoa nhị nguyệt hàn* – Hoa khói quê nhà tháng hai lạnh lẽo). Ngóng về phương Nam xa mịt mù, nhà thơ lúc nào cũng đau đáu nhớ thương anh, dẫu biết rằng gặp nhau rất khó, dù chỉ trong mơ (*Thần phách tương cầu mộng diệc nan* – Thần phách tìm nhau, cả trong mơ cũng khó). Bài thơ thật cảm động, đó là tình cảm thiết tha, ngậm ngùi mà tác giả, một người dễ động lòng trắc ẩn, dành cho anh trai của mình, xứng đáng được xem là một trong những bài thơ viết về đề tài gia đình hay ở thời trung đại.

Có thể nói, là điểm đến trên đường vào nhậm chức của Nguyễn Nễ, thành Lục Tháp là địa danh duy nhất của phương Nam tính từ đèo Hải Vân trở vào được Nguyễn Du nhắc đến trong thơ mình. Dù rằng thành Lục Tháp được Nguyễn Du thể hiện mơ hồ và thậm chí chưa thật chính xác (thành Bình Định tọa lạc trên vùng gò đồi thấp được bao bọc xung quanh là đồng bằng, không phải là nơi rừng sâu nước độc - *lam chướng* - như trong thơ) vì điều kiện thiếu thốn thông tin bấy giờ, thế nhưng địa danh này gắn liền với bước đường làm quan của người anh trai mà Nguyễn Du vô cùng yêu mến, đồng thời gắn liền với những tình cảm tốt đẹp mà nhà thơ dành cho anh mình. Trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du, địa danh xuất hiện với tần số khá lớn nhưng chủ yếu là các địa danh từ kinh thành Huế trở ra Bắc và địa danh ở Trung Quốc. Thành Lục Tháp của tỉnh Bình Định là địa danh duy nhất ở phương Nam tính từ Hải Vân quan trở vào được nhắc đến trong thơ Tố Như. Đây cũng là một điều khá đặc biệt! ■

Chú thích:

1. Lê Thuốc, Trương Chính (sưu tầm, chú thích, phiên dịch, sắp xếp), *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Nxb Văn Học, H., 1973, tr.96.
2. Tạ Ngọc Liễn, *Danh nhân văn hóa trong lịch sử Việt Nam*, Nxb Thanh Niên, H., 2008, tr.290.
3. Nhiều tác giả, *Từ điển Văn học* (bộ mới), Nxb Thế Giới, H., 2003, tr. 128.
4. Nguyễn Thạch Giang-Trương Chính (biên khảo và chú giải), *Nguyễn Du, niên phổ và tác phẩm*, Nxb Văn Hóa Thông Tin, H., 2001, tr.633.
5. Nguyễn Thạch Giang-Trương Chính, sđd, tr.633-634.
6. Thảo Nguyên, *Đọc và dịch thơ chữ Hán của Nguyễn Du*, Nxb Hội Nhà Văn, H., 1007, tr.66.



Dấu tích Chăm bên dòng sông Côn

Bài & ảnh: VÂN PHI

Sông Côn là dòng sông lớn nhất của tỉnh Bình Định với chiều dài 171km, khởi nguồn từ miền núi phía Tây huyện An Lão và xuôi về đầm Thị Nại. Trải qua những thăng trầm biến đổi nhưng dòng sông Côn vẫn rì rầm sóng biếc, đôi bờ trù phú đã từng một thời chứng kiến những đổi thay thế cuộc. Từ thượng nguồn về biển lớn, dấu tích ngàn xưa vẫn còn lưu lại, ta đi nhặt những mảnh vỡ của thời gian từ tiền kiếp Champa (Chăm).

Từ phía thượng nguồn Tây Sơn, sông Côn chảy qua thị xã An Nhơn giao thủy với một nhánh nhỏ từ Hồ Núi Một chảy xuống và chia thành hai nhánh Bắc phái và Nam phái ở hạ nguồn. Dòng Côn giang đã tạo nguồn cảm hứng để những nhà văn, nhà thơ viết nên những tác phẩm trác tuyệt, sống mãi với đời. Ta đã thấy một "Sông Côn mùa lũ" tỉ mỉ tâm huyết của Nguyễn Mộng Giác, một Chế Lan Viên gào khản những ước vọng về thời vàng son Champa đã quá vãng. Cho dù nền văn hóa Chăm chỉ tồn

tại năm thế kỷ cùng với sự tồn tại của thành cổ Đồ Bàn, nhưng nền văn hóa ấy đã để lại những dấu ấn rất riêng làm nên nét đặc sắc của Bình Định được cả thế giới biết đến. Sau những biến cố lịch sử, có nhiều di tích đã bị phá hủy. Tuy những gì còn sót lại không nhiều nhưng cũng đủ để nhìn nhận lại một nền văn hóa Chăm đặc sắc, gói gọn trong ba chữ "thành, tháp, gốm".

Thành cổ chỉ còn những nét hoang sơ

Các thư tịch cổ và những tác phẩm "Thiên Nam chí lộ

đồ thư”, “Lịch triều hiến chương loại chí”, “Đại Nam nhất thống chí”, “Đồ Bàn thành ký”... cho biết vùng đất Bình Định xưa có tổng cộng bốn tòa thành cổ, nhưng thực tế hiện tại chỉ còn ba tòa thành lưu lại dấu tích. Cả ba tòa thành này đều phân bố dọc theo lưu vực sông Côn và nằm cách nhau từ 10 đến 12km. Đó là thành Chas (còn gọi là thành cổ An Thành ở Nhơn Lộc-An Nhơn), thành Đồ Bàn (Nhơn Hậu-An Nhơn) và thành Thị Nại (Phước Hòa-Tuy Phước). Sự có mặt của ba tòa thành cổ đã phần nào nói lên tầm quan trọng của vùng đất Bình Định dưới thời vương quốc Chăm, đặc biệt là thành Đồ Bàn.

Năm 982 dưới triều đại vua Yangpuku Vijaya (âm Hán-Việt là Ngô Nhật Hoan?) thành Đồ Bàn được xây dựng. Thành này được các sử gia gọi đúng chức năng của nó là kinh đô Vijaya. Đây cũng là kinh đô cuối cùng của vương quốc Champa, các vua Chăm đã đóng đô ở đây đến thế kỷ XV. Từ khi xây dựng kinh đô bên dòng sông Côn đất đai trù phú, đất nước Champa phát triển; đời sống phồn thịnh, dệt vải, điêu khắc mang đậm dấu ấn Chăm, những điệu múa của các thiếu nữ Chăm dưới ngọn lửa đêm trong tiếng chiêng đồng làm say lòng người.

Từ năm 1471, sau khi quân đội Đại Việt do đích thân vua Lê Thánh Tông chỉ huy tiến vào đất Chăm rồi rút về thì thành Đồ Bàn bị bỏ hoang.

Mãi đến cuối thế kỷ XVIII, Nguyễn Nhạc nhà Tây Sơn tự xưng là Trung Ương Hoàng Đế đã ra lệnh xây dựng thành mới trên nền cũ thành Đồ Bàn để làm kinh đô, lấy tên là thành Hoàng Đế. Năm 1799, quân chúa Nguyễn Phúc Ánh chiếm thành Hoàng Đế và đổi tên là thành Bình Định. Sang triều Gia Long, năm 1816, nhà vua cho phá bỏ thành Bình Định và chuyển thủ phủ về Quy Nhơn.

Qua những thăng trầm, di tích Đồ Bàn hiện nay chỉ còn sót lại lớp tường lũy bằng đá ong không lành lặn, phía trong thành là lối đi lát đá hoa cương, một thửa giếng vuông, tượng voi đá, và bên cửa hậu là gò Thập Tháp. Một thời vàng son Champa ngủ vùi trong thớ đất, nhìn lại những đổ vỡ hoang tàn hẳn khiến nhiều người không khỏi xót xa...

Tháp cổ Champa – Hạt ngọc giữa trời

Tháp là một dạng kiến trúc tôn giáo mang bản sắc của dân tộc Chăm. Theo các sử liệu thì người Champa đã xây dựng khá nhiều đền đài; nhưng trải qua những cuộc chiến tranh liên miên, cộng với sự tàn phá của thiên nhiên và con người, cho đến nay trên vùng cư trú xưa của họ chỉ còn lại một số ít dạng kiến trúc đền đài ấy. So với một số địa phương khác trong dải đất miền Trung, Bình Định là một trong những nơi còn để lại khá nhiều dấu tích của nền văn hóa Chăm với 8 cụm di tích tháp trên tổng số 14 tháp phân bố bên đôi bờ sông Côn.

Kỹ thuật kiến trúc và điêu khắc Chăm cho đến nay vẫn còn là một điều bí ẩn đối với các nhà nghiên cứu. Làm thế nào để ghép tất cả những viên gạch nâu sẫm

một cách chính xác và tinh xảo thành những tháp, tượng hoành tráng đến vậy? Cái gì đã tạo thành sự kết dính của những viên gạch ấy khiến nó có thể đứng vững hơn một ngàn năm nay? Đã có nhiều cuộc khảo nghiệm và hội thảo diễn ra nhưng vẫn chưa có kết luận cuối cùng. Chính điều đó cũng đã gây không ít khó khăn trong quá trình trùng tu và giữ gìn di sản.

Tồn tại trong năm thế kỷ, trên vùng đất Bình Định xưa người Champa đã xây biết bao những kiến trúc tôn giáo. Những gì còn sót lại hôm nay chỉ là một phần nhỏ trong những di sản mà người Chăm làm ra. Những tháp Chăm còn lại hôm nay là những viên ngọc quý của nền kiến trúc cổ Việt Nam cũng như văn hóa Việt Nam và Đông Nam Á. Khi định niên đại cho các tháp Chăm thuộc phong cách Bình Định, các nhà sử học và khảo cổ học đã đưa ra một giả định như sau: Phong cách bắt đầu từ tháp Bánh Ít hay còn gọi là tháp Bạc (nửa đầu thế kỷ XII), tháp Dương Long (đầu thế kỷ XIII), tháp Hưng Thạnh (nửa đầu thế kỷ XII), nở rộ ở các tháp Thủ Thiện, Cánh Tiên (hay tháp Đồng), Phú Lốc (hay tháp Vàng) thuộc thế kỷ XIII. Trong đó, tháp Cánh Tiên ở thị xã An Nhơn được xây dựng vào thế kỷ thứ XII, dưới đời vua Chế Mân (Jaya Sinbavarman III). Tương truyền, đây là ngôi tháp Chế Mân dành tặng hoàng hậu Paramesvari tức Huyền Trân công chúa, người con gái Việt cao quý đã đặt quyền lợi dân tộc mình lên trên hết, cùng vua Chế Mân kết mối lương duyên lịch sử.

Đặc biệt, khi đi qua đoạn cầu Đẽ Gi, nơi giao nhau giữa Quốc lộ 1 và Quốc lộ 19, nhìn về phía Đông - Bắc trong khoảng 500m, ta sẽ thấy chon von những ngọn tháp cao trên đỉnh đồi in nền trên nhánh sông Côn, đó chính là cụm tháp Bánh Ít gồm 4 tháp: tháp Cổng, tháp Hòa, tháp Bia và tháp Chính. Di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia ngày 24-12-1982. Tháp này đã được đưa vào cuốn sách “1.001 công trình kiến trúc phải đến trong cuộc đời” của một nhóm tác giả người Anh. Đây cũng là công trình kiến trúc cổ duy nhất của Việt Nam lọt vào cuốn sách này.

Cuốn sách là một công trình của nhiều tác giả đến từ nhiều nơi trên thế giới, do cây bút chuyên viết về kiến trúc Mark Irving làm Tổng Chủ biên, Quintessence (Anh) xuất bản, được những giáo sư, kiến trúc sư, nghiên cứu sinh đầu ngành chuyên viết về kiến trúc biên soạn. Trong đó, phần viết về tháp Bánh Ít do Stephen Anthony Murphy chấp bút; ông là một nhà khảo cổ học từng làm việc tại nhiều quốc gia như Anh, Pháp, Thái Lan, Ireland, Singapore và Nhật Bản, đã nhận bằng tiến sĩ về khảo cổ học Đông Nam Á tại Trường Nghiên cứu Phương Đông và châu Phi, Đại học London, Anh. Đây không những là niềm tự hào của người dân Bình Định mà còn là niềm vui lớn của Việt Nam.

Tuy nhiên, nhìn lại cụm tháp Bánh Ít hiện nay, dù đã qua không ít lần trùng tu sửa chữa nhưng vẫn đang trong tình trạng “chắp vá” theo kiểu xây dựng thông thường



bằng... xi-măng và gạch nung nguyên khối, làm mất đi vẻ đẹp nguyên sơ của tháp. Mặt khác, nhiều chỗ gạch còn bị vỡ ra, khuyết một mảng lớn trong lòng tháp. Việc lát đá hộp dựng đường để chiếm lĩnh độ cao của tháp cho phép xe ô-tô cũng có thể lên được đỉnh đồi đã làm "nhòa" đi vẻ huyền bí linh thiêng của tháp cổ. Theo thông tin trên báo *Bình Định*, số ra ngày 9-3-2015, chiều ngày 7-3, ông Hồ Quốc Dũng, Chủ tịch UBND tỉnh đã trực tiếp khảo sát tháp. Ông nhấn mạnh "Tháp Bánh Ít là một công trình kiến trúc quý, hiếm, có giá trị nghệ thuật lớn cần được trân trọng, giữ gìn và phát huy xứng tầm. Đồng thời, phải có kế hoạch quảng bá vẻ đẹp của tháp Bánh Ít nói riêng cũng như không gian văn hóa Chăm Bình Định nói chung một cách thật bài bản, hiệu quả".

Gốm cổ, nét nghệ thuật tinh xảo của người Chăm

Các khu lò gốm Bình Định tính đến nay có 5 nhóm. Riêng ở thị xã An Nhơn có đã có 3 nhóm gốm: Gò Sành, Gò Cây Ké, Gò Hời. Tất cả các khu di tích này đều nằm dọc hai bờ sông Côn chảy vào vịnh Thị Nại (cảng Quy Nhơn ngày nay), một vị trí thuận lợi để vận chuyển bằng đường thủy. Trong đó, gốm cổ Gò Sành tại Phụ Quang được các nhà nghiên cứu quan tâm nhất.

Tháng 3-1974, một đoàn khảo cổ học từ Sài Gòn đã đến Phụ Quang (thuộc Nhơn Hòa, An Nhơn, Bình Định) để tìm hiểu nghiên cứu. Tuy chưa có cuộc khai quật nào nhưng họ đã đưa ra giả thuyết về chủ nhân những đồ gốm nơi đây là người Chăm. Hơn 10 năm sau, dựa vào những hiện vật gốm có nguồn gốc từ Gò Sành trong bộ sưu tập của Hà Thúc Cẩn, trong luận văn tiến sĩ của mình, Rosana Brown, một chuyên gia nghiên cứu gốm cổ Đông Nam Á, đã dành một chương viết về đồ gốm và khu lò gốm Gò Sành. Từ những thông tin trên, Viện Khảo cổ học Hà Nội cùng Bảo tàng Tổng hợp Bình Định đã hoạch định một chương trình nghiên cứu lâu dài tại Gò Sành và toàn bộ di tích gốm cổ trên đất Bình Định.

Năm 1987-1990, cùng với Viện Khảo cổ học, Sở Văn hóa - Thông tin Bình Định đã tiến hành điều tra tổng thể

các loại hình di tích văn hóa Chăm pa, lập hồ sơ khoa học và bản đồ khảo cổ học các di tích phế tích trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Đáng chú ý là từ những năm 1990-1994, Viện Khảo cổ phối hợp với Sở Văn hóa - Thông tin Bình Định điều tra, khảo sát, khai quật một số địa điểm thuộc trung tâm sản xuất gốm Gò Sành (Nhơn Hòa - An Nhơn - Bình Định) và xác định một số di tích lò gốm khác thuộc An Nhơn và Tây Sơn.

Đến năm 1994 bên cạnh các nhà khoa học Việt Nam, có thêm sự hợp tác của các học giả Nhật Bản. Trong số các di chỉ lò đã được xác định ở 5 vị trí thuộc phạm vi vùng Vijaya trước đây, lò Cây Mận, lò Cây Quảng và lò Hời nằm ở khu lò gốm Gò Sành.

Hiện nay, sản phẩm gốm Gò Sành được lưu giữ khá nhiều trong Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Bình Định. Xem xét và nghiên cứu bộ sưu tập này có thể giúp ta hình dung rõ nét hơn về vai trò của di tích khu lò gốm này trong lịch sử. Những sản phẩm được sản xuất ở Gò Sành phần lớn xương có màu xám mực, đỏ nhạt, kỹ thuật giai đoạn sớm dùng con kê, men trắng gần sát đáy, giai đoạn muộn dùng kỹ thuật ve lòng. Men gốm dày đều và màu men không ổn định đã tạo ra một sắc thái riêng cho gốm Gò Sành.

Những thông tin gần đây cho biết, gốm Gò Sành Bình Định sản xuất ra không chỉ để phục vụ đời sống người Chăm ở đôi bờ dòng sông Côn mà còn tham gia vào thị trường xuất khẩu sang các nước trong khu vực Đông Nam Á và xa hơn là Ai Cập. Trong số những hiện vật tìm thấy trên con tàu đắm ở quần đảo Calatagan ngoài khơi đảo Pantanan thuộc Philippines có tới hàng ngàn đồ gốm có xuất xứ Gò Sành.

Cho đến nay chưa có đủ tư liệu để khẳng định một cách chắc chắn niên đại khởi đầu cho việc sản xuất đồ sành xứ ở Gò Sành nói riêng và của người Chăm nói chung, nhưng qua những kết quả khai quật khảo cổ tại Gò Sành và ở nước ngoài có thể thấy rằng giai đoạn phát triển rực rỡ nhất của nghề sản xuất sành sứ ở đây nằm trong khoảng thế kỷ XV-XVI. Có một số chuyên gia Việt Nam cho rằng khởi điểm của việc sản xuất gốm Bình Định có thể bắt đầu từ cuối thế kỷ XIII đến thế kỷ XV, chậm lắm là đến thế kỷ XVI.

Căn cứ vào các tư liệu lịch sử liên quan đến quá trình hình thành và phát triển vùng đất Bình Định, phân tích loại hình các sản phẩm được sản xuất ra, so sánh những mô-típ trang trí trên các hiện vật với những tư liệu điều tra dân tộc học có thể đi tới kết luận: chủ nhân lò gốm Gò Sành và các khu lò gốm cổ khác ở Bình Định không ai khác ngoài người Champa cổ.

Như vậy, gốm cổ kết hợp với kiến trúc xây dựng độc đáo của những ngọn tháp đặc sắc, tinh tế và những vết tích lưu lại của thành cổ Champa đã tạo nên một văn hóa Chăm bên dòng thủy lưu Côn giang sẽ còn lưu truyền mãi. ■

Lang thang trong chữ

Văn không cần hình ảnh?

HỒ ANH THÁI

Cầu văn ngay trang đầu cuốn *Lolita* của Nabokov được Dương Tường dịch là “trên dòng kẻ có những dấu chấm” bị nhiều người cho rằng dịch không thoát, khó hiểu. Họ gợi ý đổi thành “trong những tờ khai”. Mẫu in sẵn của tờ khai ở Âu - Mỹ có những dòng kẻ do những dấu chấm hợp thành, để diễn thông tin cần thiết của cá nhân vào đấy.

Đối vội vàng như thế thì tiện quá. Nếu thế thì người viết văn không cần dùng hình ảnh nữa, có gì cứ nói toạc ra để cung cấp thông tin chính xác và trực tiếp cho xong.

Thay cho viết: “Thôi đừng có con tầm nhả tơ nữa” thì viết thẳng ra rằng: “Thôi đừng có dài dòng loanh quanh nữa”.

Thay cho viết: “Nó ngồi cho đến hết giờ thi rồi nộp giấy trắng” thì viết: “Nó ngồi đến hết giờ thi mà không viết được chữ nào”.

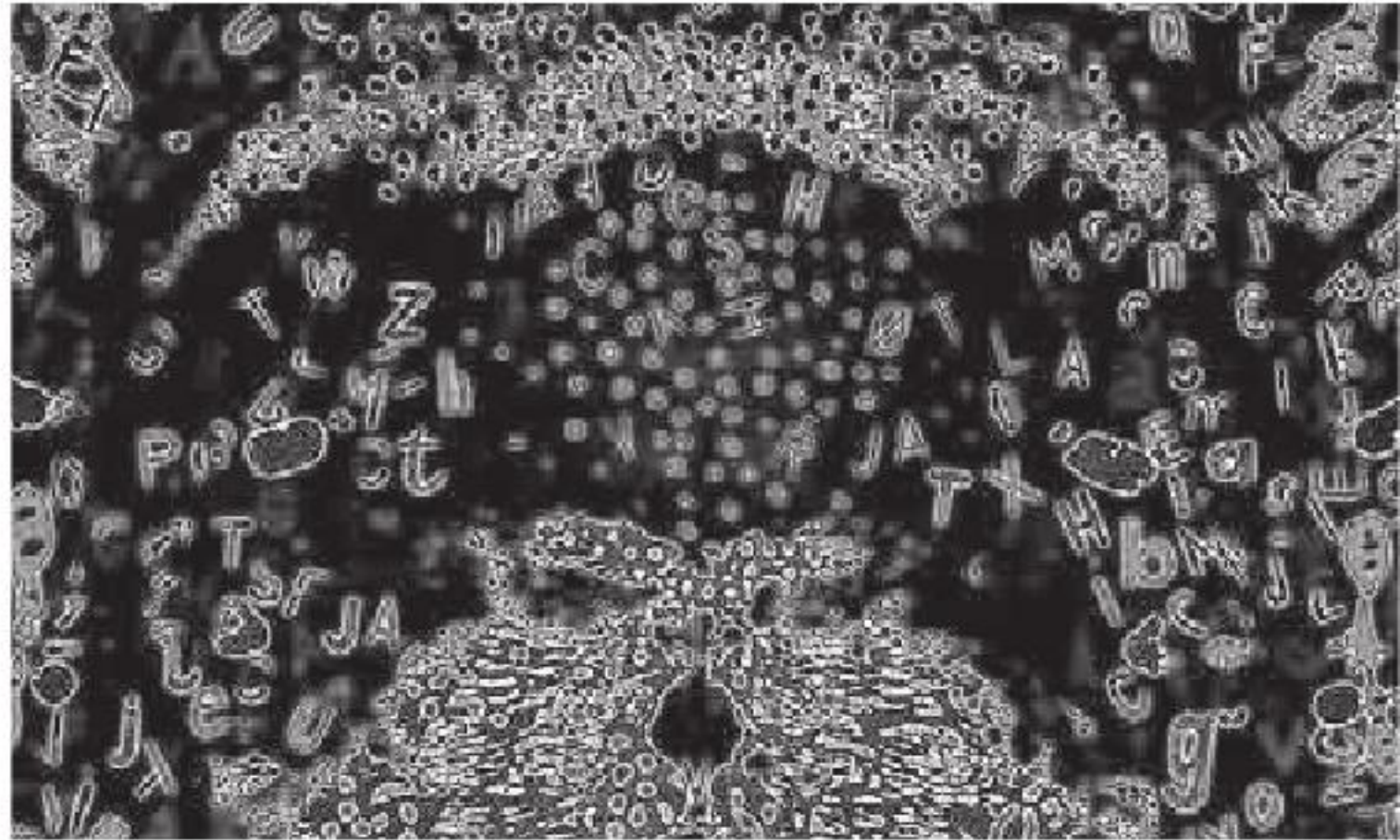
Thay cho viết: “Ông đã ở dưới ba thước đất” thì viết: “Ông đã chết”.

Dịch cũng thế. Có dịch giả người Mỹ khi chuyển tác phẩm của tôi sang tiếng Anh, cũng đã bỏ một số hình ảnh như vậy, rồi thay thế bằng cách diễn nôm trực tiếp. Tôi không đồng ý, tôi đề nghị họ giữ lại những hình ảnh và cách ví von của tiếng Việt, rồi chú thích ý nghĩa của chúng bằng tiếng Anh. Hoặc tìm được một hình ảnh tương đương trong tiếng Anh thì nhất, nhưng khó, không phải bao giờ cũng tìm được. Hữu xạ tự nhiên hương, phải dịch nghĩa nôm na là nếu anh thơm thì tự động người ta sẽ ngửi thấy, nhưng tốt hơn cả là tìm được một tục ngữ tương đương: Handsome is what handsome does (anh đẹp thì cái đẹp của anh sẽ bộc lộ qua việc anh làm).

Dịch diễn nôm, cốt để lấy ý cho người đọc hiểu, hay là giữ lại hình ảnh gốc rồi chú thích để người đọc thưởng thức một cái lạ. Đây vẫn còn là tranh cãi trong giới dịch thuật.

Chẳng hạn câu này: *Nhưng một khi màn bụi đã bắt đầu rơi xuống* (*Moon Palace*, tr.22). Người đọc không hiểu bụi với đất gì ở chỗ này. Thực ra câu này có nghĩa là: Nhưng một khi mọi việc đã lắng xuống. Muốn giữ nguyên hình ảnh gốc thì chuyển thể cũng được, nhưng cần chú thích, kéo người đọc thấy tối nghĩa, hoặc hiểu theo một nghĩa khác.

Ông Dương Tường khẳng khái không chịu từ bỏ cái hình ảnh “trên dòng kẻ có những dấu chấm” của



Nabokov để diễn nôm thành ý trực tiếp. Có thể có người đọc không hiểu cái ý này mà ở châu Âu ai cũng hiểu, như con tầm nhả tơ thì người Việt hầu như ai cũng hiểu, nhớ cả sự tích, nhưng với người nước ngoài thì phải chú thích. Thế thì cái ý kia của Nabokov cũng nên được giữ nguyên, kèm theo chú thích là ổn.

Lục bát Việt - Anh

Nói chuyện con cún con cây, nhân đây có một chút thư giãn.

Có lần một nhóm mấy vị An Nam biết tiếng Anh ngồi với nhau, bày vẽ ra làm thơ lục bát bằng tiếng Anh:

Today dog meat eaten

Go home meet dog how can I do.

Phiên âm:

Tớ đây đoóc mít ít tần

Gâu hôm mít đoóc hao cần ai đu.

Ghi chú: chữ today, trong cả một câu đầy đủ, nếu không đặt dưới trọng âm hoặc điểm nhấn của câu, có thể phát âm thành tơ-day, gần như tớ đây. Chữ can cũng vậy, khi không cần nhấn giọng, thì không phát âm là ken nữa, mà đọc lướt thành kân, hơi giống cần. Vậy câu phiên âm cũng khá chuẩn về vần lục bát. Lại có thể vừa hiểu lẫn lộn Việt - Anh, như chữ hao (how trong tiếng Anh), phiên ra có thể hiểu là hao hụt, hao cái cần, thì ai mà biết làm sao.

Đồn rằng, nhà từ điển Bùi Phụng đã dịch thành lục bát:

Hôm nay thịt chó đánh tràn

Về nhà gặp chó biết làm sao đây. ■



Phật giáo và Thần thông

HOÀNG TÁ THÍCH

Trong tập sách tựa đề *Phật giáo và Thần thông* gồm nhiều bài dịch của các tác giả nước ngoài đã đăng trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* được Nhà xuất bản Phương Đông kết hợp với Nhà sách Văn Thành thực hiện có in lại bài giảng “Phật giáo và Thần thông” của Đại sư Tịnh Vân trích trong một bộ sách xuất bản ở Thượng Hải năm 2008 do dịch giả Nguyễn Phước Tâm chuyển ngữ, nói về thần thông trong Phật giáo.

Theo Đại sư Tịnh Vân, ai cũng có thể tu tập để đạt được những quả của lục thông như thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mệnh thông và lậu tận thông. “Muốn đạt được trọn vẹn các thần thông này thì hành giả phải tu trì theo con đường của Phật. Với ngũ thần thông thì chỉ cần nương vào tu tập Tứ thiền là có được. Ngoại đạo cũng có thể tập luyện để có ngũ thông, riêng lậu tận thông thì chỉ có thánh giả Phật giáo mới có thể đến được...”

Tôi thì không nghĩ như thế, vì đó là những quả mà qua một quá trình gian khổ tìm kiếm, cuối cùng sau 49 ngày thiền định dưới gốc bồ-đề, Đức Phật đã dùng đến trí tuệ siêu việt của mình mới chứng ngộ được, thấy được quá khứ, những kiếp trước, của mình (Túc mệnh minh), thấy được bản thể của vũ trụ, luật duyên khởi

sinh và diệt (Thiên nhãn minh), cuối cùng là Ngài đã chứng được quả Lậu tận minh, thấy được nguồn gốc của sự khổ đau, nghiệp chướng của chúng sanh, và tìm ra con đường giải thoát. Theo tôi thì đó không phải là thần thông, hoặc không thể gọi là thần thông, vì dù sao hai chữ thần thông thường vẫn được hiểu như là phép lạ, biến hóa khác hẳn với những quả mà Đức Phật đã dùng trí tuệ đạt được. Mà đã là thần thông thì không phải ai ai cũng có thể đạt được dễ dàng.

Không biết sau Đức Phật, có ai đã nhờ tu tập mà đạt được những quả đó chưa, hoặc chính Đại sư Tịnh Vân đã đạt được những quả này chưa, vì nếu đạt được thì những người đó cũng đã thành Phật như Đức Phật đã nói: “Ta là Phật đã thành, và các người là Phật sẽ thành”. Và cũng theo như Đại sư Tịnh Vân thì thấy việc tu tập để đạt đến những quả đó không có vẻ gì là khó khăn cho lắm, kể cả với những người ngoại đạo.

Cũng không biết thần thông trong Phật giáo còn những gì khác không, vì trong các Đại đệ tử của Đức Phật, cũng có những vị có thần thông như Đại đức Mục-kiền-liên chẳng hạn, nhưng Đức Phật thường khuyên đệ tử không nên dùng thần thông, vì vậy mà khi thân mẫu làm ác bị đày xuống địa ngục, thay vì có thể dùng thần

thông để cứu mẹ thì ngài Mục-kiền-liên đã nhờ chư Tăng hộ niệm để khai ngộ cho mẹ mình tự sám hối tội lỗi để được giải thoát. Có điều chắc chắn thần thông của ngài Mục-kiền-liên cũng không phải là lục thông của Đức Phật chúng được dưới gốc bồ-đề.

Nói như vậy vì tôi thực tình không hiểu những quả Đức Phật đã chứng được để trở thành bậc giác ngộ nói trên có phải gọi là thần thông hay không vì những quả đó, sau Đức Phật chưa nghe nói có ai đã đạt được, nhưng theo Đại sư Tịnh Vân thì ai cũng có thể tu tập để đạt được cả, ngay cả những người ngoại đạo. Nếu hai chữ thần thông được hiểu theo nghĩa thông thường, như một phép thuật thì đúng là ai cũng có thể tu tập được, nhưng không phải là lục thông nói trên.

Mới đây, nhân đề cập đến một giáo phái mới mọc lên không lâu trong Phật giáo, có người nói với tôi chắc chắn vị giáo chủ đó phải có thần thông mới có thể làm cho những người học thức rất cao phục tùng “dưới trướng”. Vì không ở trong giáo phái đó, nên bản thân tôi cũng không biết vị giáo chủ nói trên có những thần thông gì, và thế nào gọi là thần thông.

Ở thế kỷ XXI này, khoa học đã tiến triển đến mức thượng thừa và công nghệ cao có thể giúp con người làm bất cứ điều gì. Chỉ một cái điện thoại di động bé tí chẳng hạn, cách đây chừng năm ba chục năm, người ta còn chưa hình dung ra, thì bây giờ không thể nào tưởng tượng được cái công dụng vạn năng chẳng khác gì thần thông của nó. Chỉ riêng cái điện thoại đã có khả năng phục vụ con người một cách hữu dụng bất cứ lãnh vực nào, chứ chưa nói đến sự tiến bộ vô cùng của ngành vi tính hiện đại. Vì vậy mà khoa học quan niệm có thể giải thích tất cả mọi hiện tượng. Tuy nhiên bên cạnh đó, vẫn có những điều mà tôi vẫn cảm thấy không thể nào giải thích được, nghe ra như mê tín dị đoan vậy.

Tôi đã từng gặp một người có khả năng rất lạ lùng. Anh ta bảo tôi nghĩ ra một nhóm ba con số, và anh ta nói ra đúng như ý. Nhiều người khác cũng cho biết đã từng gặp những người có khả năng như thế, mới gặp nhau đã có thể nói được trong túi người đối diện mình có bao nhiêu tiền một cách chính xác. Ngoài ra, còn có nhiều vị được gọi là Thầy, như một loại thầy bói, có thể nói ngay những điều người khác sắp hỏi ông, hay ông có thể biết tên một người lần đầu tiên gặp nhau. Người ta thường cho rằng ông ta được “ma xó” mách bảo và tôi chẳng biết ma xó là gì. Đó không phải là ảo thuật, vì không phải là những khả năng lanh tay lẹ mắt do tập luyện mà có. Nghe nói nhiều vị hòa thượng theo phái Mật tông cũng có những khả năng đặc biệt nhờ tu tập. Có vị ở một chỗ, nhưng có thể mô tả khung cảnh một nơi khác một cách chính xác mặc dù họ chưa bao giờ thấy chỗ đó. Tôi không nói đến khả năng nói chuyện tương lai của các vị này, vì dù sao cũng không thể nào kiểm chứng được.

Tôi không bao giờ tin vào những cái gọi là cảm xạ để biết được và tìm ra những xác chết ở một nơi nào đó,

nhưng có đôi khi có những chuyện xảy ra không tin cũng không được. Tôi có người em bà con, sau năm 1975 dọn đến ở một ngôi nhà mới ở Huế. Đêm đầu tiên nó nằm mộng, thấy có người báo ở ngay trước cổng nhà có hai người đã được chôn ở đó. Nó chỉ biết đi báo chính quyền địa phương và quả thực người ta đào lên được hai xác chết.

Những chuyện linh tinh như thế, rất thường xảy ra, và rất nhiều người đã trải nghiệm, nhưng nếu nói là những người có thể có khả năng khác thường mà gọi đó là thần thông thì thật không đúng, mặc dù cũng phải công nhận có những người có những khả năng rất đặc biệt, như một loại pháp thuật, nhưng chắc chắn cũng không đến mức để được gọi là thần thông.

Người Phật tử gặp nguy hiểm thường niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ-tát. Đúng nghĩa việc niệm danh hiệu của Ngài thì không phải là cầu đến thần thông của Ngài cứu nạn, mà lúc niệm lên cái hạnh vô úy của Ngài thì sẽ cho mình thêm can đảm, sáng suốt để có thể vượt qua nguy nan gian khổ. Ít nghe ai nói đến Ngài Quán Thế Âm thể hiện thần thông để cứu người bị nạn, nhưng mỗi khi niệm danh hiệu của Ngài thì tinh thần phấn chấn, có thể từ đó tưởng tượng ra những hình tượng của Ngài thêm cho mình sự tin tưởng vào bốn chữ “Cứu khổ cứu nạn” của Ngài mà thôi. Còn nói đau mà lấy nước lạnh trì chú Dược Sư uống vào khỏi bệnh không cần uống thuốc, mù mà niệm danh hiệu Quán Thế Âm để được mắt sáng ra thì thật là huyền hoặc. Phật tử, nhất là những người chưa hiểu giáo lý, vẫn còn mê tín, rất dễ tin theo những điều như thế, và đâm ra việc hoằng pháp lại có tính cách “phản tuyên truyền” tai hại. Trong những chuyện kể về Đức Phật, cũng có nói đến thần thông, và Đức Phật cũng đã từng dùng thần thông để thu phục nhân tâm, khai ngộ cho kẻ ác, chứ chưa bao giờ hiển thị thần thông để làm gì khác. Đức Phật cũng dạy các đệ tử dù có thần thông cũng không nên dùng đến nếu không phải là mục đích như Đức Phật, vì nếu dùng thần thông để áp đảo người khác, hoặc để tránh kiếp nạn mình phải chịu thì cũng đều sẽ nhận những hậu quả nghiệp báo, vì dù sao, thần thông cũng không phải là Chánh pháp. Những người không theo đạo Phật, nếu có những khả năng đặc biệt trời cho mà người ta gọi là thần thông đó, có thể lợi dụng để đạt đến một mục đích nào đó của họ, nhưng nếu là một Phật tử chân chính, thì thần thông không dùng để làm gì. Theo tôi nghĩ, tu tập đối với những bậc đại sư để đạt thành chánh quả và đối với một Phật tử rất bình thường để đạt đến bốn chữ Thân tâm an lạc, chẳng có gì khác nhau cả. Bậc đại sư tu tập, tìm hiểu giáo lý của Đức Phật không những để tự giải thoát mình mà còn để dùng giáo lý khai ngộ cho những kẻ khác. Người Phật tử bình thường chỉ cần có cái tâm hướng Phật để tránh ác, làm thiện, thế nào để đạt đến được bốn chữ “Thân Tâm An Lạc” là đủ.

Đối với một Phật tử thuần thành, thần thông chẳng giúp ích gì cho việc tu tập cả. ■

Chỗ đứng

TRÀ KIM LONG

Đọc tiểu thuyết kiếm hiệp “*Thiên long bát bộ*” của Kim Dung, đến chỗ Tiêu Phong ngấm trợ lực cho A Tử hạ gục Trích Tinh Tử để giành ngôi đại sư tỳ thống lãnh đám môn đồ của Tinh Tú lão quái, bỗng nhiên liên tưởng đến cuộc sống đời thường.

A Tử là con riêng của Đoàn Chính Thuần, bị bỏ rơi từ lúc mới chào đời. Do duyên nghiệp, cô trở thành môn đồ của Đinh Xuân Thu, chương môn phái Tinh Tú, và đã lây nhiễm nặng nề tính độc ác của môn phái này. Cô ăn cắp Thần Mộc Vương Đình của Đinh Xuân Thu, một trong ba báu vật dùng để luyện môn võ công tàn độc nhất của phái Tinh Tú, bị bọn sư huynh theo lệnh thầy truy đuổi và bắt được. Trong lúc thập tử nhất sinh, cô được Tiêu Phong núp trong bóng tối ngấm vận công trợ lực nên đã diệt được tên đại sư ca Trích Tinh Tử; nhờ đó cô trở thành đại sư tỳ mặc dù chỉ là một cô bé con, vì tà phái Tinh Tú có môn quy nghiêm ngặt là thứ bậc huynh đệ chỉ luận theo tài nghệ võ công chứ không dựa vào tuổi tác hay thời gian nhập môn.

Được làm đại sư tỳ đầy quyền lực, được bọn đệ tử phái Tinh Tú trước đây là sư huynh nay trở mặt xưng tụng hết lời, cô bé A Tử ngang ngạnh vẫn không thêm nghĩ đến chức vụ, một mực quyết đòi đi theo Tiêu Phong, người mà cô gọi là tỳ phu (anh rể).

Tiêu Phong hỏi: “Cô theo ta làm chi nữa? Cô đã là người thừa kế phái Tinh Tú, làm đại sư tỳ của đám môn đồ ấy mà vẫn chưa thỏa mãn hay sao?”. A Tử cười: “Không được! Cái chức đại sư tỳ của tiểu muội là giả mạo”. Rồi lại nói: “Lạ thật! Tỳ phu không hiểu thật ư? Cái chức đại sư tỳ của tiểu muội là giả mạo, do tỳ phu tranh đoạt giúp cho nhưng lúc này bọn chúng không nhìn ra đấy thôi!” (*Thiên long bát bộ*).

Một cô bé bướng bỉnh, lây nhiễm toàn bộ tánh tàn độc của sư môn, vẫn còn có chút lương tri để thấy được vị trí nào không phải do khả năng của mình có được thì nhất định không chịu nhận vị trí ấy là của mình. Khi Tiêu Phong trợ lực giúp A Tử triệt hạ Trích Tinh Tử thì cả đám môn đồ của Tinh Tú lão quái vẫn đinh ninh là do thực chất tài nghệ của cô ấy, tuyệt nhiên không phát hiện ra được có nguồn ngoại lực ngấm giúp đỡ. Cái chức đại sư tỳ đầy quyền uy của A Tử không kẻ nào trong đám môn đồ ấy dám dị nghị. Không ai biết nhưng chính A Tử biết, Tiêu Phong biết, trời biết, đất biết. Cô lại càng



hiểu rõ hơn ai hết về thực chất của mình, lẽ sau này trong đám sư môn có người nào phát hiện ra thì quả là nguy khốn nên cô không ham hố địa vị nhất thời để nhận cái danh không phải do tài sức của mình tạo ra.

Đó là lương tri. Đó là bản lĩnh. Nhưng điều đó gần như chỉ có trong tiểu thuyết. Bút pháp của Kim Dung tiên sinh tuyệt vời như thế nào không còn phải bàn cãi. Tôi chỉ muốn nói cái lương tri ấy, cái bản lĩnh ấy thật tình khó gặp ở ngoài đời. Tôi nói khó gặp chứ không phải là không có. Những người sống bằng lương tri, bằng bản lĩnh vẫn là những tấm gương sáng xin trân trọng để họ đứng một bên không dám đưa vào phiếm luận này.

Cuộc sống luôn luôn đưa đẩy con người vào những chỗ cạnh tranh ráo riết, dùng đủ mưu mô xảo quyết để giành cho được mục đích của mình. Người ta lừa lọc nhau, tráo trở nhau để tranh ngôi cao, vị lớn, danh to cho dù thực chất của họ không thể nào tương xứng được với cái ngôi, cái vị, cái danh ấy. Bởi thế mới có chuyện bằng thật học giả, học giả bằng giả. Bởi thế mới có chuyện nhất thân nhì thế, con ông cháu cha. Bởi thế mới có chuyện phát hiện ra bao nhiêu là thứ tham ô, móc ngoặc làm hại cho đất nước, dân tộc... Họ cố tình len lỏi vào những chỗ có ngôi, có vị, có danh bằng chính cái không thực của mình.

Nếu mọi người đều biết nhận diện được chỗ đứng của mình như cô bé A Tử thì may mắn biết bao nhiêu! ■



Đồ đen

trên điện thoại di động

ĐẶNG TRUNG THÀNH

Hiện nay, dòng điện thoại thông minh không còn là người bạn dành riêng của giới trung lưu và thượng lưu. Tất cả các hãng điện thoại đều tung ra thị trường phân khúc điện thoại thông minh giá rẻ dành cho giới bình dân. Ai cũng có thể sở hữu một chiếc điện thoại thông minh với giá khoảng 1,5 triệu đồng. Vì vậy mà việc kết nối mạng càng dễ dàng cho mọi người. Ở mục store (cửa hàng) trong hệ điều hành, mọi người có thể tải về cho mình những ứng dụng cần thiết cũng như những trò chơi hấp dẫn. Nhưng cũng từ đây người ta có thể bị “sập bẫy” bởi những trò chơi mang tính cờ bạc mà các công ty công nghệ thông tin tung ra thị trường.

Một số trò chơi giải trí mang tính trí tuệ làm người ta thích thú nhưng cũng không ít trò có tính chất đồ đen khiến con bạc phải lên cơn đau tim. Chẳng hạn như trò chơi bài tiến lên, bài phỏm, bầu cua... Trò chơi được tải về miễn phí, người chơi được tặng một số tiền ảo tương ứng để chơi. Nếu thua, hết tiền ảo, người chơi buộc phải dừng lại; còn nếu muốn chơi tiếp, người chơi chỉ có cách nạp tiền thật qua thẻ cào điện thoại. Đây là chiêu trò của các công ty *game* nhằm thu hút người chơi lúc ban đầu. Có người vì thường ngày đã nghiện các trò chơi kiểu này nên vội vàng nạp thẻ cào để chơi tiếp. Nếu thắng thì được tiền ảo nhưng thua thì phải trả giá bằng tiền thật. Tuy các trò chơi này đều có thể được tải về một cách dễ dàng trên điện thoại di động, nhưng phần đông người lớn tuổi ít am tường; mà phần lớn chỉ những người trẻ, trong đó có học sinh, mới thành thạo. Đã có những bạn nghiện đến mức vút hết tiền bạc vào trò đồ đen trên điện thoại di động; không chỉ bỏ bữa ăn sáng và hạn chế tiêu vật để có điều kiện thỏa mãn máu mê, mà ngay cả tiền cha mẹ đưa cho để đóng học phí cũng được nung sạch. Cũng từ đây các bạn trẻ ấy càng nghiện nặng cờ bạc, càng bị ám ảnh vì cờ bạc. Chẳng ai dám nói trước

rằng những bạn trẻ như thế sẽ là người nghiêm túc đăng hoàng trong tương lai khi ngày nào họ cũng vào điện thoại chơi đánh bài, lắc bầu cua.

Người trẻ chưa làm ra tiền và thiếu kinh nghiệm. Họ cứ nghĩ đây chỉ là trò chơi thuần túy và lao vào một cách mê muội. Càng lao càng chết, bởi chẳng bao giờ con người đánh thắng máy móc. Có chăng, phần mềm được lập trình ban đầu đơn giản, dễ chơi, dễ thắng nhằm dụ người chơi. Sau giai đoạn nạp thẻ cào thì càng chơi càng “chết”. Mà cho dù có thắng thì người chơi chẳng bao giờ nhận được số tiền đó. Vì nó chỉ là những con số ảo. Đó là chưa nói một khi đã “máu lửa” người chơi có thể bộc phát những hành vi xấu như ăn cắp tiền gia đình, nói dối gia đình để có tiền mua thẻ cào, mê *game* đồ đen mà xao lãng việc học tập...

Vì vậy cha mẹ cần quan tâm đến con cái nhiều hơn, nhất là phải cân nhắc khi cho con sử dụng điện thoại di động, máy tính bảng... Một cách khéo léo, lịch sự và tế nhị, các bậc phụ huynh cần thường xuyên kiểm tra máy của con mình để biết những người trẻ đang làm gì trên mạng. Đây cũng là cách tốt nhất để ngăn chặn con trẻ truy cập những trang web xấu...

Những người trẻ cần được giải thích rằng những trò chơi như nói trên đều mang tính chất cờ bạc, có thể ảnh hưởng xấu đến hành vi, tính cách của họ sau này. Trẻ chỉ nên chơi những trò trí tuệ, vui nhộn, miễn phí (hoặc nếu phải trả phí thì chỉ là những khoản tiền có tính cách tượng trưng) chứ không nên tham gia những trò bắt buộc nạp tiền như vừa nêu trên. Nếu đã lỡ tải về, nên hủy ngay để tránh những hậu quả đáng tiếc.

Qua đây cũng mong Bộ Thông tin và Truyền thông nên giám sát chặt chẽ đến những công ty *game* trên điện thoại di động, và ngăn chặn kịp thời đối với những trò chơi mang tính chất cờ bạc nhưng núp bóng *game*, để mọi người không bị sập bẫy, nhất là trẻ em. ■



Tỏa rạng kỷ ức tuổi thơ

Nguồn: internet

NHỤY NGUYỄN

Tôi vẫn nhớ về tuổi thơ như một khu vườn cũ, có cây ăn quả, những luống rau xanh ba gieo trồng, có khóm cúc vàng, gốc đào nghinh xuân, có đàn gà tơ mẹ dẫn đi kiếm mồi dưới nắng mai. Tất thảy đều sẽ khô héo nếu không được chăm bẵm. Tâm hồn thơ trẻ như một mảnh đất màu mỡ, và ba tôi đã gieo lên đó những mầm chữ; để mãi đến giờ, bao nhân vật từ trang sách đã bước ra xanh tươi đầy sức sống.

Cuộc sống gia đình quá ư túng khó, ba vẫn thường mua rất nhiều sách làm quà mỗi lần ông từ thị trấn về. Cuốn sách có hình màu tôi thích nhất là *Kiến và chim bồ câu* (Lép Tônxtôi). Sách in bìa cứng, dày, anh em tôi đọc đến mòn vẹt góc mỗi trang. Nhớ những con vật dễ thương, cũng ghét những loài nham hiểm; nhớ chùm nho còn xanh quá, lớn lên mới hiểu nó mang nhiều ẩn nghĩa. Kể đến là *Truyện cổ Andersen* của nhà văn người Đan Mạch để lại rất nhiều tác phẩm xuất sắc dành cho thiếu nhi. Mỗi lần giờ sách, là cuộc phiêu du vào các cung điện, nơi có hoàng tử Hamlet, có công chúa và

những bạn nhỏ tinh nghịch. Tôi đã thực sự sống trong những câu chuyện cổ tích được kể từ một nơi xa lạ, vẫn rất gần. Thế giới hư thực quyến luyến khiến không gian xóa nhòa, mọi trẻ em trên thế giới đều có thể bước vào không gian truyện cổ đầy hấp lực và đôi khi không gian ấy còn xuất hiện trở lại trong giấc mơ.

Thật khó tin, có lần một số nhân vật trong nhiều cuốn sách khác nhau đã hẹn hò trong giấc mơ tôi. Tỉnh dậy không để ý nhiều, sau chợt ngẫm: sao lại có cuộc hội ngộ đầy ngẫu hứng như vậy? Ai mời gọi họ đến với nhau, cùng vui chơi, ăn uống, rồi... ngủ quên, rồi biến mất như phép màu? Tôi cứ ngồi trên giường ngơ ngẩn nhìn ra khoảng sân trời chưa hừng sáng. Có lẽ vì thế những nhân vật càng in đậm hơn trong tâm thức. Cũng một thời gian dài tôi không hề nhớ đến họ nữa, nhưng rồi một cái tên chợt vang lên vô thức, khiến tôi phải loay hoay một hồi tự hỏi "bạn từ đâu đến", mãi mới à lên, nhân vật ấy đến từ cuốn truyện ấy.

Những cuốn sách giấy đen và cũ hơn, ba phải dùng bìa vỏ xi-măng khâu lại, đó là *Để mèn phiêu lưu ký* (Tô

Hoài), truyện ngắn *Chiếc lược ngà* (Nguyễn Quang Sáng), trích đoạn *Khi mẹ vắng nhà* v.v. Tôi thương đến phát khóc những đứa trẻ mãi trèo lên cây dừa ngóng mẹ; đợi cha mang kỷ niệm ám mùi thuốc súng từ chiến trường; thổn thức cùng chú để mèn oan ức, đến độ lúc tôi đứng giữa cánh đồng mà còn lạc trong những trang sách mê hoặc. Lũ con còn nhỏ, ba vẫn cho đọc *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố), để hiểu còn có gia đình khổ hơn ta rất nhiều, biết thương yêu những đứa trẻ đến khoai sắn cũng không có ăn, cuộc sống cứ âm ảm quanh ngọn đèn dầu không soi nổi vài bước chân phía trước.

Ở một góc nhìn khác, tiểu thuyết *Tuổi thơ dữ dội* (Phùng Quán) lại khiến tôi nôn nóng nhớ về những cuộc đánh trận giả trên ngọn đồi trong những buổi chăn trâu. Thông qua những đứa trẻ trong Vệ quốc đoàn đang tuổi rong chơi với những giấc mơ đẹp, góc nhìn chiến tranh trở nên dữ dội, nghiệt ngã, bi thương. Nhưng bi tráng. Trong cuộc chiến vệ quốc, ai cũng có thể trở thành chiến sĩ. Lũ trẻ trong đội trinh sát Trần Cao Vân là những con sóng nhỏ hòa vào sóng lớn cách mạng, góp phần đi đến ngày tự do. Thủy Dương, quê nội của nhà thơ, nơi ông từng sống trong thời gian khá dài: đình làng quay mặt ra cánh đồng mênh mông, cách một con hói, trước đình có ao rộng; còn có Bàu Choàng (từng đi vào ca dao với "cá rô Bàu Choàng" tiến vua một thời). Nhiều cây sung già mọc bên bờ hói, cá tôm thân nhiên tung tăng bơi lội... Không gian này đã được tác giả làm nền cho *Dũng sĩ Chép* Còm đầy hấp dẫn.

Tôi cũng từng đắm mình trong thế giới tuổi thơ Lâm Thị Mỹ Dạ, ở đây nhen lên tình mẫu tử, giữa những con vật đáng yêu từ trong nhà sải cánh đến bầu trời cao rộng. Rồi đọc những câu thơ của một người bạn:

*Như hạt đỗ mới nhú mầm
Ngọn đèn tỏa sáng lặng thầm với đêm
Có cơn gió rét bên thềm
Vô tư quá đã xô nghiêng ngọn đèn.*

Chợt nhớ quãng thời gian ngồi học bên ngọn đèn dầu thưở nao nay bỗng tỏa rạng ký ức. Nhớ tiếng gà hồi xưa đánh thức mẹ dậy nhen bếp lửa hồng; tiếng gà giờ đây được tác giả liên tưởng với tiếng sổng Trường Sa khiến không gian gần lại, biến cả mênh mông và đất liền như trong tầm tay với:

*Sóng dậy sớm hơn tiếng gà
Tiếng chim ngọt hơn sương sớm
Biết là mấy chú nhớ nhà
Nên chiều khó bay rất mỏng.*

(Lâm Thắng)

Nhớ cô bé tóc nâu trở về với những ngày xưa cũ, lần tìm bóng dáng người thân để rồi thốt lên: *Ôi những ngọn gió đã giúp nhen tình ngộ...*

Thêm nhiều cuốn sách nước ngoài thú vị, đến giờ đọc lại vẫn như bước vào một khung trời vừa lạ vừa quen,

chập chờn ẩn hiện. Tập *Chuyện núi đồi và thảo nguyên* của Tchinguiz Aitmatov gợi nhớ về người học trò bước xuống dòng suối mát lạnh, và lúc đó hình ảnh người thầy hiện lên như tấm gương trong vắt, ấm áp tình người. Đó là nỗi nhớ khôn nguôi về một hoang đảo, nơi chàng *Robinson* sống một mình, chống chọi với khắc nghiệt để tồn tại, rồi dũng mãnh vượt lên quy luật sinh tồn làm tiêu biểu cho ý chí về sự sống của con người giữa thiên nhiên vô tận. Hay đó là hình ảnh đứa trẻ mù được cô bạn gái dẫn lên những ngọn đồi mênh mông trải rộng tâm hồn giữa tiếng chuông nhà thờ vẳng lại. Bóng tối bủa vây, nhưng mọi vang động của đất trời lại được thanh lọc, và sau này đứa trẻ trở thành *Người nhạc sĩ mù* (V. Korolenko) với những bản nhạc du dương xuyên thấu tận đáy kiếp người. Thật nghẹn ngào khi đọc cuốn truyện nổi tiếng của văn hào Pháp Hector Malot *"Không gia đình"*. Lăn theo từng ngày kham khổ của bé Rêmi cùng đoàn xiếc lưu lạc khắp nước Pháp; từng lát bánh mì dè sẻn chia cho những người bạn quá đói thân thiết Rêmi gồm chú bé Matchia, chó Capi, khỉ Giôlicô. Bơ vơ, lạc loài, đói khổ, cuối cùng Rêmi cũng tìm thấy mẹ và em. Những đoản khúc đầm ướt tình đời chân thật sống động như cuộc sống ấy đang diễn ngay trước mắt làm lay động độc giả nhiều lứa tuổi.

Những tác giả danh tiếng ở Việt Nam và trên thế giới đã tạo dựng một thế giới nhiều màu sắc, huyền ảo. Nhớ đến nhân vật trong sách như nhớ về một người bạn từng hiện hữu trong đời. Tôi nhớ nhân vật trong những cuốn sách ba mua, họ đã trở thành bạn thân thiết của mình. Đôi lúc tôi còn liên tưởng giữa con vật trong sách và con chó con mèo nhà mình có gì tương đồng. Thế rồi chúng hiển nhiên được ưu ái, được tôi vuốt ve tắm rửa. Bây giờ đã lớn, sống nơi phố xá ồn ào nhà tôi vẫn nuôi thú cưng, vẫn có một khoảnh đất dẫu rất nhỏ cho chúng chơi đùa. Rồi ngẫu nhiên chúng đi vào trong tác phẩm.

Tôi bắt đầu tập viết về những điều gần gũi, bình dị. Những nhân vật của tôi bước ra từ khu vườn ngày nào. Có bóng dáng của ba. Có bóng dáng cỏ cây, loài vật dễ thương vẫn đùa nghịch trong vườn. Nhiều cây không còn ra quả. Con gà mái cũng không còn đẻ trứng, vẫn có thói quen cù cục gọi con mỗi lần kiếm được miếng ngon. Ngồi ở cửa, nắng sớm rọi thẳng vào, cái nắng trong và ấm.

Thời gian vùn vụt, bao kỷ vật trong đời cũng trôi theo dòng thác cuộc đời. Khu vườn tuổi thơ vẫn đó, ký ức còn tươi nguyên cách mười năm trước tôi về quê. Chừng như nó được ai hàng ngày vẫn âm thầm chăm bón. Muốn thốt lên rằng khu vườn ngày trước ba tạo dựng nắng đã lên, kể cả nơi góc vườn có bụi lá lốt, có con gà mẹ vẫn vui mình dưới đất vào những trưa nóng nực. Mà ba đã đi xa, mãi mãi. Tôi nhìn lên giá, sách ba mua một thời kham khó đều còn; nhiều nhân vật trên bìa lặng lẽ nhìn ra... ■



Nguồn: internet

“**A**nh ơi, em nóng quá!”
- “Đi, ra giếng anh tắm cho”.
Có lẽ cả đời này tôi không bao giờ quên được đoạn hội thoại ngắn ngủi đó, không thể quên được khuôn mặt ướt đầm mồ hôi của đứa em trai và cái giếng tuổi thơ. Chuyện xảy ra bao lâu rồi nhỉ? Tôi không còn nhớ rõ. Chỉ nhớ rằng, ngày ấy tôi còn rất nhỏ và em vẫn hay còn nói ngọng líu ngọng lớ. Khi tôi còn chưa cai sữa hẳn thì mẹ đã sinh em. Ông bà nội đón tôi về ở, vừa để đỡ phần vất vả cho bố mẹ tôi, vừa để vui cảnh về già vì các cô chú tôi đều đã có gia đình và ra ở riêng hết cả. Thế là nghiêm nhiên tôi phải nhường lại bầu vú mẹ, nhường lại những lời ru ối à bên cánh võng cho em. Những ngày đầu tôi nhớ hơi mẹ và thèm bú đêm nên tôi khóc dữ lắm, tôi làm khổ bà nội tôi dữ lắm. Đây là sau này thỉnh thoảng bà nội nhắc lại để ghẹo tôi, chứ ngày ấy tôi có nhớ gì đâu.

Quê tôi là một ngôi làng nhỏ ven thị xã của một tỉnh miền Trung. Vì là vùng ven nên quê tôi còn rất nghèo, phần lớn người dân làm nông nghiệp, cấy lúa, trồng rau và nhà tôi cũng không ngoại lệ. Vẫn nhớ mỗi khi

vào mùa, bố mẹ tôi thường phải ra đồng làm lụng từ sáng tinh mơ cho đến sẩm tối mới trở về nhà. Em còn nhỏ nên những ngày như vậy tôi được ‘điều động’ trở về nhà để trông giữ và lo cơm nước cho em. Tôi biết nấu những món cơm canh đơn giản từ đó và đến giờ vẫn giữ thói quen nấu nướng trong gia đình.

Đó là một ngày hè, bố mẹ đi gặt lúa đồng xa. Trước khi đi bố căn dặn tôi rất kỹ: ‘Con ở nhà trông em cẩn thận và không được ra giếng chơi con nhé, vì sân giếng rất trơn. Và nhất là con không được trèo lên thành giếng nghịch ngợm. Nhớ chưa!’. Bố phải căn dặn vậy vì tôi vốn nổi tiếng là một đứa trẻ nghịch ngợm. Thực tình, tôi chưa bao giờ quên lời dặn của bố vì tôi đâu có lạ gì cái giếng nhà mình. Có lần tôi đã lên ra giếng, hai tay vịn lên thành, kiễng chân nhìn xuống. Chao ôi! Nó sâu hun hút. Sâu đến nỗi tôi nhìn thấy bóng của cái đầu mình dưới giếng to chỉ bằng quả cam. Nhìn một chút thôi đã thấy chóng mặt, nên tôi đi vô nhà và từ đó rất ít khi ra giếng chơi. Nhưng khổ nỗi, trưa hôm ấy trời rất nắng và không có gió. Cái nóng xuyên qua mái, qua tường nhà hầm hập. Có ai ở miền Trung mà không biết tới cái “nắng



NGUYỄN ĐƠN VÂN

nóng gió Lào" đầu. Tôi và em ướt đầm mồ hôi. Tôi lớn hơn em nên còn chịu đựng được, còn em cứ khóc nằng nặc, mũi dài tèm lem và miệng không ngừng kêu 'anh ơi em nóng quá!'. Thương em, tôi quyết định không làm theo lời bố.

Sân giếng lâu ngày rêu bám rất trơn, tôi dắt em đi rón rén từng bước, từng bước một cách đầy cẩn trọng. Tôi không hiểu sao cái thành giếng nhà mình lại thấp vậy? Vì thấp nên tôi có thể thả gầu xuống lòng giếng một cách dễ dàng. Thế nhưng, loay hoay mãi mà tôi không thể nào vực được nước vào gầu vì cái gầu nhà tôi khi ấy được bố chế lại từ một cái thùng đựng nước nhỏ. Những cái gầu thông thường được làm bằng cao su, đáy gầu dẹp, miệng loe ra nên dễ vực, còn cái gầu này bằng sắt, rất nặng và đáy của nó là đáy bằng. Tôi rướn người trên thành giếng, nhào thêm chút nữa, thêm chút nữa... Cái gầu nghiêng qua, chao lại rồi cuối cùng cũng đẩy nước. Tuy nhiên, để kéo được cái gầu lên lại là vấn đề lớn, nó quá nặng đối với tôi. Tôi thẳm nhủ 'ráng vậy', rồi bặm môi kéo. Nhưng bất ngờ tôi bị trượt chân, cái gầu nước đẩy kéo tôi cắm đầu xuống giếng. Nếu như không may mắn, một bàn chân tôi

không hiểu sao vẫn ngoắc được vào thành giếng, thì sự thể đã khác. Mọi sự cũng đã khác nếu em không nhanh tay nắm lấy cái chân đó của tôi. Không hiểu sao lúc đó, một đứa trẻ gầy gò, ốm yếu như em lấy đầu ra sức mạnh để giữ được tôi lại trước cái sức hút của lòng giếng sâu hun hút? Và tôi cũng không hiểu, một đứa trẻ vẫn còn nói ngọng nghịu như em lại có thể la lớn đến thế?

Lúc bị cái gầu kéo xuống, do tôi bị đập trán vào thành giếng nên chỉ còn cảm giác được mọi chuyện một cách mơ hồ. Không biết thời gian trôi qua bao lâu? Tôi bỗng thấy người mình nhẹ bẫng đi, cảm giác như tay em đã buông chân tôi. Không! Tôi không rơi mà đang bay lên, bay lên khỏi miệng giếng rồi đáp "phịch" xuống nền rêu. Tôi lả đi, không còn biết gì nữa và hình như em cũng đang gọi tôi nhưng không thành tiếng.

Tỉnh lại, tôi thấy mình đang nằm trên giường. Mẹ một tay đang ôm em vào lòng, một tay xoa trán tôi rưng rức khóc. Bố thì cứ nhìn cái giếng chăm chăm không nói năng gì. Thì ra nghe tiếng em tôi la, một người hàng xóm đi làm đồng ngang qua liền chạy lại, túm chân tôi kéo lên. Sau phen hú hồn đó, cái thành giếng được bố nâng cao ngay lập tức.

Thời gian cứ thế trôi đi, tôi lớn lên như đứa con mọn của ông bà nội, còn em bên bố mẹ. Ai cũng bảo anh em tôi giống nhau, không phải về ngoại hình mà về tính cách. Cả hai đều ít nói, sống nội tâm, chẳng mấy khi chịu chia sẻ với ai những tâm tư của mình. Có lẽ vì vậy nên tôi và em cứ như hai thỏi nam châm cùng dấu, cứ đẩy nhau ra xa dần, xa dần... xa như hai tiểu hành tinh có quỹ đạo quay của riêng mình.

Hiện tại tôi đã có vợ con và sinh sống ở một tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ. Còn em vẫn ở quê làm lụng và phụng dưỡng cha mẹ.

* * *

- "Anh ơi, nhà nào đây để em dừng xe?"

Câu hỏi của cậu lái xe taxi cắt ngang những dòng ký ức miên man của tôi

- "Nhà có cái cổng vòm kiểu xưa, xanh rêu kia kìa em".

Hôm nay tôi đưa vợ con về quê để phụ bố mẹ lo đám cưới cho em và cũng là để vợ con tôi biết cội, biết nguồn. Từ ngày cưới vợ rồi có con, tôi vẫn chưa có điều kiện làm được việc đó. Khỏi nói, bố mẹ và em vui mừng biết nhường nào.

Tôi bước ngay ra giếng tính mức nước rửa mặt nhưng cái giếng đã không còn.

- "Bố lấp nó rồi vì nhà đã có nước máy".

Tôi nghe có tiếng em nói sau lưng mình. Tôi bần thần, hụt hẫng như vừa đánh mất một cái gì đó quý giá.

- "Thôi anh à, cái giếng vẫn còn mãi trong lòng em, lòng anh mà. Phải không anh?"

Tôi nhìn em rồi như thẳm nói với chính mình:

- "Tất nhiên! Nó sẽ còn mãi, em trai à". ■



Bài & ảnh: **THANH DUY**

Trong thế giới số, có những phương pháp từng được xem là lỗi thời trở thành “cứu cánh” giải quyết vấn đề nan giải. Chẳng hạn gần đây ngành y học hiện đại chứng minh phương pháp Thực Dưỡng/Tiết Thực (chủ yếu ăn gạo lứt với muối mè) trong một thời gian nhất định hoàn toàn có thể chữa lành các bệnh nan y. Theo đó loài rau hoang được ưu tiên lựa chọn cho khẩu phần của người bệnh trong quy trình tăng miễn dịch cơ thể và “bỏ đói tế bào ung thư”.

Gần nhà tôi có một anh cán bộ ngành điện, nhà lầu xe hơi, giàu thuộc hạng nhất xóm nên người ta vẫn gọi là đại gia. Sống thoáng. Thấy anh vẫn thường chi tiền thoải mái tổ chức nhậu nhẹt tung bừng, khiến có lần chợt nghĩ, sao anh không dành tiền làm từ thiện. Nghĩ vậy thôi chứ mỗi người có duyên nghiệp riêng. Một hôm thấy anh mua hẳn miếng đất rộng, xây thành kín, còn bao cả lưới thép phía trên, tôi nghĩ cha này làm cả sân quần vợt oai thiệt. Mười ngày sau mới rõ, cha mua lô đất chỉ mục đích là trồng rau sạch chu cấp bữa ăn hàng ngày và... mỗi nhậu. Rau từng luống xanh ngắt, không phân bón hóa học, không thuốc trừ sâu mà thuê người chăm bón bằng phân chuồng. Phía hai góc vườn còn làm giàn trồng thêm bí và su su lấy đợt. Mỗi lần chạy xe ngang qua, tôi đều ngó vào; rồi những chiều ăn xong rảo bộ một vòng quanh xóm, tôi thường dừng lại trước vườn rau được khóa cổng cẩn thận; hoa bí vàng rộm, hoa khoai

lang bung màu tía nền nã, tôi ngắm như chính đó là vườn cây cảnh, vẫn ước được vào lội xem một số loại rau khác có vẻ lạ lùng.

Đời sống vật chất ngày càng nâng cao, bữa ăn của người giàu hàm lượng dinh dưỡng đã dẫn lùi xuống thay cho thực phẩm sạch. Nhất là rau. Mua ở chợ trời khó kiểm soát, vào siêu thị nhiều lúc cũng xấu tốt lẫn lộn, không lấy gì đảm bảo. Tốt nhất là tự lo, như cha đại gia kể trên, cũng là một cách nghĩ hay. Phần lớn bệnh tật do thực phẩm, người ta phải tiêu tốn gia sản vào bệnh viện, lại còn bao nhiêu người bỏ bê công việc lo theo đau theo. Việc bớt lượng thịt cá và tăng rau xanh trong thực đơn hàng bữa được kiểm chứng cần thiết. Nhưng bất cứ là loại rau nào, hễ có bón phân hóa học, nhất là phun thuốc trừ sâu loại nặng, đó không còn là rau sạch, sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe. Tôi thảng vài lần ra ngoại, ở đó thỏa thích chọn lựa các loại rau sạch tuyệt đối. Đất tốt, rau chỉ vại lên thậm chí không cần phân chuồng, mọc một cách mãnh liệt, có

thể gọi là một dạng rau hoang, loại thực phẩm số một. Nào rau dền, rau mã đề, rau má, mùng tơi, rau cải các loại, rau khoai, rau bồ ngót. Vậy mà chẳng mấy ai ăn, cứ để nó già cỗi, rau cải lên ngồng rụng hoa đầy gốc. Người ta ra chợ mua loại rau non tơi, thực chất nhờ phun thuốc. Nghĩ mà vui, mà thấy ngược đời. Ở phố, tôi thường mua rau của mấy mẹ quẩy gánh ngang qua nhà ngày một lần mỗi sớm. Những phận già cứ chiều là nách rổ khắp làng hái các loại rau hoang mỗi nơi một ít, rau gì cũng có, kể cả loài bát bát (trái chín màu đỏ chim hay ăn). Loài có giá nhất trong rổ tập tàng ấy là rau rớn, hái đọt trên dài khoảng gang, như loài dương xỉ, đặc biệt chỉ mọc ở ven mương nước. Về luộc qua, rồi xào với gì tùy thích, không thì trộn tương thôi ăn với bún khô cũng đã tuyệt lắm. Vừa sạch vừa ngon, rau rớn đã được các nhà hàng, khách sạn nhập vào; từ một loài rau tầm thường, nó đổi thân phận, người nghèo do vậy muốn ăn chỉ còn cách tự đi hái lấy.

Nhớ thuở đói kém người dân phải ăn một số loài rau “hạ đẳng” cầm hơi qua ngày. Cách mấy năm trước, sau nhiều đợt lũ ào ạt và rét đậm, rau cỏ khan hiếm đắt đỏ, những loài rau vốn quen thuộc như khoai lang, đọt bí lúc bán đều được tính từng ngọn, và ở chợ quê xuất hiện các loài rau “lạ”; thậm chí ở vài góc chợ thành phố, người có đời sống phong lưu vẫn mua về ăn phần sợ rau sạch bị phun thuốc hóa chất, hay ăn như sự nhớ về một thời kham khổ...

Hồi nhỏ tôi có dịp về Quảng Trị ở lại trong một gia đình bà con. Cuộc sống Hà Tĩnh hồi những năm 90 đã khổ lắm; vào vùng đất khô hanh gió Lào càng cơ cực bội phần. Nhà họ có hai chị em ngày nào cũng lên đồng mót khoai, bới khoai mọt bằng ngón tay về xa sạch vỏ nấu lên ăn với rau trừ bữa. Tôi được nếm mùi vị của vô số loại, như rau tàu bay, rau chiếu, rau trai, rau cỏ hôi, rau riu, rau éo, rau mương, rau lù lù,... (những loại rau này ở vùng đất khác có thể gọi bằng tên khác, và ở đây chỉ xin phép gọi theo tên dân gian). Rau tàu bay nhiều và non nhất ở những chỗ vừa bị đốt xong. Loại rau khác mọc ở ruộng, rau lù lù mọc ở các bờ mương; lúc ăn đều phải luộc lên, vắt khô nước. Dạo đó ruộng rất đất, nên phải kho ruộng thật lỏng để chấm rau ăn với khoai thay cơm.

Vào đại học cách hơn mười năm trước, đời sống của tôi còn khổ; để tiết kiệm tiền phải thuê nhà ở vùng nông thôn xa trường. Trong mảnh vườn ngôi nhà trọ có hai luống cây nghệ (lá nghệ non đem kho với cá cũng là một món đặc biệt) và khoai môn do ông chủ trồng. Bữa kia làm cỏ gần luống khoai môn, tôi cắt mười bẹ lá xòe ra cho dễ cuốc xới. Chẳng ngờ lần chủ nhà xuống chuối vào tờ giấy có dòng chữ “không được cắt lá môn để lấy củ”. Tôi về đọc được mặt hầm hầm. Mình thêm ăn vào củ môn của ông à”. Hồi lâu tôi mới thông minh lên tí chút, đã nghĩ oan cho người ta. Ý ông: môn trồng để lấy củ; nếu cắt lá, cây sẽ yếu sức

không đâm củ được. Chà, giá ông thêm một dấu phẩy ngay sau chữ “môn”... Tôi phần chần chẫn cuốc, làm cỏ trước hết ở luống khoai môn.

Về chiều, tôi cầm đũa hái rau tập tàng trong vườn. Có rất nhiều loại chủ yếu mọc hoang và có thể được chủ nhà trồng bao nhiêu năm trước đó hoặc do chim chóc mang hạt giống từ nơi khác đến; gồm rau bát bát (quả bằng ngón chân cái, chín màu đỏ, ăn giòn ngọt chua chua), rau càng cua (loại tự mọc nơi râm mát), rau dền hoang, rau mùng tơi, lá lốt,... Nhen bếp, tôi cho dầu vào xoong tạo hành vàng thơm phức. Để rau giữ được màu xanh và không bị nhừ, nước vừa sôi tôi thả mì cua trước mới cho rau vào, liền nhắc xuống nêm đồ màu; múc ra ăn với quả ớt xanh, thật hả dạ thỏa lòng. Trên đài báo các nhà khoa học vẫn thường nhắc người dân nên ăn rau nhiều song không nhiều người để ý, lại chỉ chú trọng phần thịt. Khuyến cáo của các chuyên gia dinh dưỡng, mỗi người mỗi ngày phải ăn khoảng ba lượng rau, chỉ ít cũng hai lượng, tiêu chuẩn này không nhiều người đạt đến. Chợt nghĩ vui vui, ngày xưa gia cảnh túng khó, bữa nào cũng chỉ rau củ đầy mâm...

Lùi thêm năm tháng, hồi tôi còn học cấp hai, rau khoai tiếng là đầy đồng song gặp thời đói kém, xóm làng quy định khoai ai nhà nấy hái; tôi đi học về trưa mấy cũng phải xách rổ lên đồng. Rau vơi dần, gia đình thường cải thiện bằng món côộc chuối và gốc cây đu đủ: nạo sợi nhỏ, bóp theo kiểu làm nộm với lá chanh, hầu như không có mỡ. Gốc đu đủ ngon hơn nhưng hại dạ dày vì mù chứa chất a-xít. Giờ hai món này trở thành một dạng đặc sản đắt đỏ trong nhà hàng khách sạn. Thời gian khoảng từ năm 1990 trở đi, cuộc sống đỡ hơn, nhà tôi nuôi ba con vịt trắng. Có trứng, mỗi bữa mẹ tôi *bác* một quả trong cái chảo lớn để cả nhà bảy người cùng ăn với cơm, thêm dưa cà mắm muối. Có lần do nhà dột, vại cà thấm nước mưa bị thối, màu không trắng mà đen. Lại có năm không hiểu sao vại cà của mẹ muối mùi vị là lạ. Cứ ăn mãi. Một bận thò tay vào vét và, tôi lòi lên xác một con rắn hổ bị ướp cứng đờ. Té ra thấy vại sạch, chú rắn chui vào ngủ nhờ; mẹ tôi đổ cà vào muối chừng chập tối nên không thấy, thật tội...

Có lẽ thời giờ, người giàu chú trọng tới món rau thơm, rau sống hơn là rau ăn canh. Tôi có thẳng hàng xóm thật vui, hơn tuổi tôi vẫn gọi tôi là anh, khi là ông; ví dụ: “ông có nhà không, ta làm vài quai hère”. Nó làm ở khách sạn ca đêm, sớm cà-phê xong tắm nửa buổi liền qua củ rử... Ngày nọ tôi được gọi qua nhà nó nhậu, mỗi mả trông qua chẳng gì đặc biệt. Quý là ở đĩa rau sống nó bỏ công sưu tầm khắp xóm. Gồm: lá sung non, đọt mưng (hái ở chậu cảnh), đọt ngải cứu, đọt cây thuốc hồng ngọc (loại tím tím chứ không phải loại lá xanh), đọt đinh lăng, lá non của cây hoa bông thọ...

Đĩa rau sống như thế thì quả thực tôi chưa thấy bao giờ. Buổi ấy là một sáng trời liu riu mưa và lạnh. Thật nhớ quá. ■

Hoa đăng Phật đàn

TRƯỜNG KHÁNH

Đền hoa đón bước Người về,
Niềm vui tràn thế đê mê cõi lòng,
Ánh quang mát cả vầng không,
Suối nguồn Hoa Tạng sáng trong tâm từ.

Bình minh xóa sạch huyễn hư,
Về cùng Pháp lạc nhất như trọn lành.
Hoa đăng mừng hội Đàn sanh,
Khói lam trầm quyện dệt thành tâm hương.

Tháng Tư đẹp ý chân thường,
Hồn thiêng quân hội thanh lương đạo trang,
Về vui dưới ánh từ quang,
Đón mừng Khánh đàn vô vãn yêu thương.

Nguyện cầu khắp cả mười phương,
Vui trong ánh đạo chân thường uyên nguyên.
Đền hoa quý cúng Phật tiền,
Dâng lên vạn biến kinh thiêng ngọt ngào.

Tâm từ đựng đỉnh trắng sao,
Gội nhuận mưa Pháp bước vào tánh Không.
Gió tháng Tư mát muôn lòng,
Lời Vàng ai tụng giữa dòng đời trôi.

Hoa đăng mở hội ngàn nơi,
Vui ngày Khánh đàn dâng lời cầu kinh.

Gần với đạo

THANH PHÁP

Con đường ta đang bước
Trước đã có người đi
Sau sẽ có người về
Dấu chân nào trùng khớp?

Muôn sự đời tương hợp
Đều do bởi nhân duyên
Từ tám vãi chiếc mền
Đến miếng cơm manh áo.

Đời chỉ là hư ảo
Điều có giữa điều không
Thiện ác vốn tương đồng
Ranh phân khó hiểu được.

Muôn biết về kiếp trước
Nhìn cuộc sống hôm nay
Đoán hướng đến sau này
Kinh qua đời hiện tại.

Điều không may gặp phải
Nghiệp chướng được vơi dần
Đừng trách phận thân thân
Đã về gần với đạo.

Nhớ trường xưa

PHẠM ÁNH

Trường xưa tôi về trong ký ức
Góc phượng già biết mấy mùa hoa
Chỗ tôi ngồi mấy lần lại mới
Thầy giáo tôi sao nhớ hết học trò.

Tôi như người không thuộc bài trước lớp
Cô bạn cười thầm nhắc mắt xanh mơ
Cứ âm vang tiếng trống trường thôi thúc
Kỷ niệm nào cũng dịu ngọt lòng tôi.

Nhớ tháng năm bao bọn bè lo lắng
Ngọn đèn dầu thao thức suốt mùa thi
Trang sách mỗi ngày cùng bè bạn tôi qua
Lòng ở lại thấm một thời áo trắng.



Phượng xưa

SÔNG HƯƠNG

Hạ về trong vòm phượng
Thấp lửa dầu tình xa
Kỉ niệm nào đi qua
Tiếng ve đường thao thức

Phượng xưa buồn rung rức
Chao nghiêng mỗi cánh điều
Thả một thời trót yêu
Vào trong chiều hoang gió

Người xa xăm mờ tỏ
Phượng trời nao có hay?
Nỗi nhớ cuối tà tay
Trong chiều loang xác phượng

Chùng như là hoang tưởng
Chập chờn li rượu cay
Mềm môi trong cơn say
Tình xưa nơi đáy mộ?

Sao không là giông tố
Cho cánh điều mãi xa
Để trong chiều mình ta
Dầu xưa mờ xác phượng

Thương lắm chùa quê

LÊ THỊ XUÂN HƯƠNG

Áo Mẹ màu nâu sông
Mùi bùn non ngai ngái
Đồng quê mùa gặt hái
Đậm đà màu nắng quê...

Áo Mẹ đi lễ chùa
Ấm nâu màu đồng nội
Hương trầm thơm vời vợi
Tiếng chuông chiều ngân vang...

Vẫn bờ tre đầu làng
Cánh cò nghiêng vạt nắng
Vẫn dòng sông xanh thắm
Chờ ráng chiều về xuôi...

Đâu vắng tiếng à ơi
Con đò chờ bến đợi
Bóng Mẹ nhòa sương khói
Tiếng đa đa gọi mùa...

Thương lắm một mái chùa
Chôn quê, lòng rộng mở
Ban mai bình trước cửa
Ngọc lan vườn đưa hương...

Chỉ là hạt bụi

TRÀ KIM HUY

Chỉ là hạt bụi gió lùa
Lang thang trần thế mấy mùa rong chơi
Sương chiều giọt đọng giọt rơi
Gom mưa góp nắng cho đời chuyển sinh.

Vòng xoay con tạo sẵn dành
Luân hồi nghiệp hoán có mình có ta
Giữa trời đất hương bao la
Núi rừng cây cỏ lá hoa thấm tình.

Đêm thanh trăng sáng lung linh
Sen ngời sắc trắng xinh miền đất quê
Hương hoa hương cỏ tứ bề
Xôn xao nẻo thế kẻ về người đi.

Sắc không - không sắc lạ gì
Thân hoàn cát bụi hồi quy trả miền.

Mưa chiều Chơi tối

KAI HOÀNG

Cứ nhìn thấy chị từ xa là anh lẩn tránh. Người đầu mà ngộ, thương nhau sao không nói. Đến lúc người ta sắp lấy chồng bỏ xứ thì lại tránh mặt làm ngơ.

Còn nhớ cái tối chị giả đồ nhức đầu qua mượn anh chai dầu gió, ngó vô thấy căn nhà trống hoác. Người ta nói nhà anh nghèo nhất thôn Rạch Chiếu quả chẳng sai. Nhưng chị nào có thèm quan tâm giàu nghèo chi, miễn có ai thương mình thiệt lòng thiệt dạ là chị ưng, vậy thôi.

Ngồi trên đi-văng, hương dầu gió Nhị Thiên Đường thơm nồng bay xộc thẳng vào mũi. Mỗi lần nhìn thấy ngón tay chị chấm dầu rồi xúc lên vai lên cổ mà người anh nóng hổi. Lạ, chẳng biết người xúc dầu có thấy nóng hay không, nhưng rõ ràng cơ thể anh cứ nóng ran khi nhìn thấy những vết da trắng ngấn của chị ẩn hiện trong đêm trăng sáng.

Đoạn chị hết ngó nghiêng trong nhà, rồi ngó ra bụi chuối trước cửa. Mùa này phía cánh đồng đang thì con gái, còn chị thì đã sắp bước sang ngưỡng ba mươi.

- Anh Tư có thương ai chưa?

- Nghèo quá ai dám thương, cô Dịu ơi.

Chị bật cười, anh này ngộ, cứ như nghèo thì không được thương. Nói vậy chắc nguyên thôn Rạch Chiếu này ai cũng ở giá hết.

Nhiều lần nghe chị nói xa nói gần, nói bóng nói gió, mà anh vẫn lặng thinh. Tuổi xuân của chị cũng trôi qua theo cái lặng thinh của anh hết năm này đến năm khác. Vậy mà anh cũng không dứt ra được cái mặc cảm kiếp nghèo. Nghĩ mà tội.

Cái đám cưới nghèo nhất thôn này tẻ lắm cũng ráng mổ gà mổ vịt. Thôi thì chuyện hệ trọng cả đời

người, sá chi mấy con gà con vịt, rồi sau này hai vợ chồng gầy dựng lại, có gì mà lo. Anh nhìn khắp nhà trên bếp dưới, ngay cả con gà con vịt cũng chẳng có lấy gì mà thết đãi. Ngó ra sân nhà chỉ thấy được hàng chuối đong đưa tàu lá đang mùa ra quả, anh lại thờ dài ngao ngán. Nhiều lần muốn buột miệng, tui thương cô Dịu lâu rồi, nhưng lại thôi. Hạnh phúc đời con gái người ta, lấy mình chi cho cơ cực, tội lắm.

Lúc chị đi ngang qua ruộng, anh giả đồ làm lụng cặm cuội. Mặc cho chị đứng trên bờ vẫy tay í ới, anh cũng làm bộ không thấy. Chị buồn, bước đến bên cạnh anh, buông lời oán trách:

- Bộ anh Tư không nghe tui gọi hả?

Anh ầm ừ, kêu quên. Người đầu mà quên nhanh dễ sợ, chị nghĩ bụng. Kể từ đó, anh tránh mặt chị. Con đường về nhà anh phải băng ngang qua nhà chị, anh cũng đi đường vòng, xa hơn chừng dăm mười phút. Chị buồn rười rượi, mỗi ngày quen thấy bóng anh về ngang nhà, được ngửi thấy mùi mồ hôi ướt đầm vai áo, có cả mùi mạ non, rơm rạ. Thân thương quá đổi. Vậy mà giờ chẳng thấy bóng dáng tăm hơi. Buồn hết sức buồn.

Bữa có người thành phố xuống coi mắt, chị ra hàng ba, ngó quanh quất, mắt cứ dôi về hướng nhà anh. Ánh nhìn của chị xót xa đến tận ruột. Chắc anh Tư bận ra đồng, chị cứ nghĩ thầm như vậy, trông đợi vào một hy vọng le lói như cái đèn dầu thấp nơi chái bếp.

Anh nấp sau gốc cây mù u bên kia đường, nhìn thấy chị mà lòng đau như cắt. Cái giờ phút đó, anh biết mình sắp mất đi người con gái cùng thôn thương thầm suốt thời trai trẻ. Muốn dứt từng đoạn ruột.

Cái tối nhậu với ông Bảy xóm trên, chỉ có vài xị rượu và hai con cá rô đồng nướng than, mà lòng anh đã

say chũnh say choáng. Buồn ủ buồn ê, còn nghe ông Bảy nhắc chuyện cưới hỏi.

- Con Dịu nó thương mày; không ngỏ lời, nó lấy thằng trên thành phố, ráng chịu.

- Lấy sao được mà lấy, chú Bảy ơi.

Nói thì nói vậy chứ lòng anh muốn lắm chớ. Mà nghĩ đi nghĩ lại, nghĩ tới nghĩ lui cũng quanh đi quẩn lại cái quyết định cũ. Giống như người ta rải lông gà lông vịt để dụ anh có nghĩ chệch đi một chút cũng biết đường mà quay về lối cũ. Giữa lúc lòng ngổn ngang trăm mối cảm xúc như vậy mà ông Bảy nở lòng buông câu vọng cổ *Tình anh bán chiếu* làm lòng anh càng thêm quặn thắt.

"Ghe chiếu Cà Mau đã cắm sào trên vàm kinh Ngã Bảy, mà cô gái năm xưa sao chẳng thấy ra chào..."
Nghe nhức nghe nhối.

Chẳng biết có phải do hơi men dẫn đường hay không mà chẳng thấy anh đi đường vòng quay về nhà, lại đi thẳng tuột đến nhà chị. Gặp anh, chị mừng hóm. Chẳng cần chào hỏi, anh đã vội buông lời của kẻ say, chúc chị hạnh phúc đủ kiểu hăm bà lằng. Nào là lên thành phố cho đỡ khổ, ở quê làm gì cho cực. Nào là người ta giàu có, chắc sau này con cái sẽ không phải làm đồng làm ruộng đâu. Câu nào câu nấy nghe mà ứa tim ứa gan, buồn thúi ruột chị. Nhìn ra phía xa, chỉ thấy bông mù u bị gió lay xào xạc, rụng trắng đầy đường. Lòng chị cũng có ai lay, xao xạc.

Người ta nói chị nhận lời cưới hỏi từ sau cái hôm mà anh bước thấp bước cao từ chỗ ông Bảy về nhà, giữa đường có ghé qua chị. Chiếu, chị ghé ngang ruộng đồng, tặng anh cái áo chị may ròng rã mấy ngày nay cho anh làm kỷ niệm, đoạn nói lời từ giã. Anh Tư à, giờ Dịu đi lấy chồng rồi, chắc lâu lâu mới về thăm quê. Khi nào về Dịu ghé nhà anh uống nước. Vậy là đi.

Anh bản thân nhìn dáng chị khuất sau rặng mù u đi về phía nhà, đau nhói. Nhìn tấm áo cắt may cẩn thận, anh biết chị đã kỳ công lắm. Màu áo đúng màu anh thích, như cái lúc chị hỏi anh thích màu gì, anh trả lời không do dự, màu xám tro. Chắc lúc đó anh nghĩ cuộc đời mình cũng xám xịt không kém.

Giờ này ruộng đồng trống huơ trống hoác, người ta đang hun khói đốt đồng. Mắt anh nhuộm khói, cay xè. Vậy mà vẫn nhìn rõ chiếc xe chở chị đang lướt ngang trước mặt. Chẳng biết ai xui khiến, anh cứ chạy mãi miết theo chiếc xe định mệnh trong mùa chiếu khói tỏa, miệng vẫn gọi to không ngớt:

- Dịu! Dịu! ■





Cái đẹp của mọi thời

Bài & ảnh: NGUYỄN NHÃ TIÊN

Trên đường hành hương qua non nước Lam Hồng mà không viếng nhà lưu niệm danh họa Nguyễn Phan Chánh thì quả là một thiếu sót. Đây là lời nhắc nhở của anh bạn văn nghệ Hà Tĩnh, sau gần suốt cả ngày đường chúng tôi được dịp thưởng ngoạn khắp các địa chỉ văn hóa và lịch sử trên xứ sở “Trước Lam thủy sau Hồng sơn” vang danh văn vật.

Danh họa Nguyễn Phan Chánh (1892-1984) là bậc thầy tranh lụa Việt Nam. Ông sinh ra tại thôn Tiến Bạt, xã Trung Tiết, huyện Thạch Hà, nay là phường Tân Giang, thành phố Hà Tĩnh. Nói đến tranh Nguyễn Phan Chánh là nói đến trường phái tranh lụa Việt Nam; suốt một cuộc đời hội họa, ông đã để lại một sự nghiệp to lớn với hơn cả trăm tác phẩm. Trưng bày tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, danh họa Nguyễn Phan Chánh là người giữ kỷ lục về số tác phẩm được lưu giữ tại đây.

Nhưng tôi lại muốn nói về cái thuở ban đầu, về một thời, như những đóa “hoa sớm” bừng nở mà nhà thơ Phạm Hầu từng viết: *Cành mai vừa hé vài hoa sớm* trong bài thơ “Mơ xuân” của ông. Phạm Hầu không chỉ là một thi sĩ lấp lánh trong “*Thi nhân Việt Nam*” (Hoài Thanh - Hoài Chân), mà ông còn là một họa sĩ, xuất thân từ Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương; nhưng Nguyễn Phan Chánh là lớp sinh viên khóa đầu tiên của trường từ những năm 1925; còn Phạm Hầu là khóa sau cùng 1940, và cho dù số phận mệnh yếu dở dang, Phạm Hầu cũng đã kịp ghi tên mình thành một nét son trong buổi đầu lịch sử mỹ thuật Việt Nam hội nhập cùng thế giới. Tuổi tên các họa sĩ đoạt giải cao nhất tại các triển lãm tranh quốc tế vào thời bấy giờ như Nguyễn Phan Chánh, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Gia Trí, Phạm Hầu... là những đóa “hoa sớm” tỏa ngát hương sắc, tạo dựng nên một bình minh huy hoàng cho nền mỹ thuật, thuở đất nước còn lắm lùi

trong bóng đêm *Cha trốn vô Hòn Gay cuộc mờ. Anh chạy vào đất đỏ làm phu*. Sự tỏa sáng của lớp họa sĩ thuộc Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương tại các giải quốc tế lúc bấy giờ đã chứng minh sự vươn tới một đỉnh cao nghệ thuật của những tài năng hội họa Việt Nam, không chỉ riêng trong nước mà còn là cho cả nhân loại, rằng đây là sức sống, một sức sống huy hoàng và bản lĩnh để trả lời cái vẩn nạn thân phận trong những đêm dài nhọc tiểu. Sức sống vinh hằng của cái đẹp đã vinh danh những Tô Ngọc Vân, Nguyễn Phan Chánh, Nam Sơn và kế tiếp là Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng, Dương Bích Liên, Nguyễn Tư Nghiêm, Diệp Minh Châu... Đến như một Phạm Hủ, chỉ là một "hoa sớm" yếu mệnh xuất hiện mong manh thoáng qua một quãng đời hoạt động nghệ thuật ngắn ngủi, vậy mà huyền thoại về lớp họa sĩ ban đầu ở Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam, vẫn còn lưu giữ trong ký ức về bức tranh siêu thực Phạm Hủ vẽ một hòn đá rêu xanh mang tên "*Cô đơn*" từng đoạt giải nhất tại triển lãm tranh Tokyo vào năm 1940.

Trời mỏng mảnh mưa rơi, nhẹ như khói. Mặc chiếc áo mưa "tiện lợi" lào xào những âm thanh, tôi theo anh bạn văn nghệ Hà Tĩnh chạy xe máy lòng vòng khắp phố phường ngoại ô, rồi ngoặt vào một con đường làng dọc theo một dòng sông đã khô cạn. Dòng Tân Giang từng tắm gội tuổi thơ Nguyễn Phan Chánh thuở trăm năm trước giờ nó bồi lấp như thế này đây! Cạn khô nứt nẻ tro bụi đất và cây cỏ dại. Vài chiếc thuyền gỗ mục lâu đời như tự thời cổ tích xa xăm nằm gối bãi giống như bức tranh thủy mặc màu lam khơi gợi lại quá vãng của một thời sông nước nào đó. Nhà lưu niệm danh họa Nguyễn Phan Chánh được dựng phía trước một khu vườn nhỏ nhìn ra hướng dòng sông lấp. Gọi là nhà lưu niệm nhưng thực ra tôi chẳng thấy bất cứ một hiện vật lưu niệm gì. Tôi bước lại đứng bên bệ thờ thấp nén hương tưởng nhớ người xưa rồi bước ra lang thang trên bờ cỏ dọc theo dòng sông cạn.

Có lẽ khác với những họa sĩ cùng thời, danh họa Nguyễn Phan Chánh ngay từ thời còn nhỏ ở làng quê này đã là một họa sĩ... tí hon sớm bộc lộ tài năng. Người ta kể lại, rằng do mồ côi cha từ sớm, cảnh nhà nghèo khó, Nguyễn Phan Chánh từ thuở lên mười đã tập tành vẽ tranh, và biết vẽ đẹp các loại tranh dân gian truyền thống để bán, phụ giúp mẹ nuôi các em thơ. Chuyện thời hoa niên ông đã sớm vẽ tranh bán ở các chợ, nhất là những phiên chợ Tết, có chút gì đó như là dự báo một định mệnh cho cả cuộc đời tài hoa của ông về sau này. Đây chính là những giọt máu tài năng phát tiết sớm góp phần làm nên huyền thoại một nghệ sĩ lớn. Từ bấy, dường như nguồn mỹ cảm miên man bất tận từ cái bể vô thức trong ông là

cái làng quê Việt xưa hiện hữu thường hằng. Thế nên, ở tranh họa của Nguyễn Phan Chánh, nhìn vào đâu ta cũng thấy phảng phất cái thần hồn quê Việt.

Nào: *Tắm cho trâu, Đi chợ, Đi lễ chùa, Đôi chim bồ câu*, cho đến: *Cầu ao, Xóm chài, Đền làng, Mùa đông đi cấy*... Hàng bao nhiêu đề tài là bấy nhiêu hồi quang rực rỡ về những làng quê đẹp như cổ tích, như muốn dẫn đường, muốn cho con người ta thỏa mãn cái nhân quan thường ngoạn về một quê quán xa xưa đã bị thời gian tước đoạt.

Người ta còn nhớ bức tranh mang lại thành công buổi đầu của Nguyễn Phan Chánh là bức "*Ruộng lúa*" mà ông vẽ để tham dự giải thi tem Bưu chính Đông Dương do Pháp tổ chức, và đã đoạt giải nhất vào năm 1928 lúc đang còn là sinh viên. Từ bức *Ruộng lúa* cho đến mãi về sau này những bức "*Lội suối*", "*Tiên Dung và Chử Đồng Tử*" và "*Kiểu tắm*" là cả một hành trình thăm thẳm trải qua hơn nửa thế kỷ lao động sáng tạo, đã mang lại vinh quang không chỉ riêng ông, mà còn cho cả nền mỹ thuật



của đất nước. Các nhà phê bình khi viết về hội họa Nguyễn Phan Chánh thường nhắc đến người thầy của ông, họa sĩ Victor Tardieu, với khuynh hướng đào tạo cho các sinh viên Việt Nam trở thành những họa sĩ thuần túy Việt Nam. Quan điểm đó không có gì bàn cãi, nhưng xét về phạm trù tương quan giữa thế giới và cái tôi nghệ sĩ của từng cá nhân (thiên tài), thì sự thành công của mỗi tác phẩm nghệ thuật còn là kết quả của từng cái tôi thiên tài độc đáo. Và chính Nguyễn Phan Chánh là mẫu nghệ sĩ

độc đáo ấy. Đồng lúa – nương dâu – sân đình – cánh cò bay tít tắp đồng xa..., tất cả hình ảnh, sắc màu đẹp đẽ đó đã là máu huyết tuần hoàn nuôi dưỡng ông ngay từ thuở ấu thơ ban đầu *Cành mai vừa hé vài hoa sớm*.

Đi loanh quanh trên những con đường làng Tân Giang, quả thật những hình ảnh xưa trong tranh lụa Nguyễn Phan Chánh chừng như tôi thấy mơ hồ đâu đây. Vẫn biết đây là từ vọng tưởng mà ra, nhưng nhìn đàn trẻ nhỏ tụ năm tụ ba vui chơi trên con đường làng, hình ảnh ấy khiến tôi liên tưởng đến tác phẩm tranh lụa "*Chơi ô ăn quan*" của Nguyễn Phan Chánh.

Thông thường, người ta có thể thuộc lòng những bài thơ, bản nhạc của ai đó mà họ yêu thích, thuộc đến nỗi ngấm vào máu huyết hòa tan trong vô thức. Nhưng để thuộc lòng một họa phẩm như là thuộc thơ, thuộc lòng nhạc thì quả là hiếm. Vậy mà thế giới tranh Nguyễn Phan Chánh, những "*Chơi ô ăn quan*" hay "*Em bé cho chim ăn*", hoặc còn nhiều hơn thế nữa, công chúng thường ngoạn khắp mọi miền đều thuộc nằm lòng, thuộc như thơ, như nhạc, cứ như sông suối chảy vào hòa tan trong mọi tâm hồn vĩnh cửu cái đẹp một quê xưa! ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Mỗi lần mùa Phật đản về, đương nhiên tất cả những người con Phật đều đem hết lòng thành kính của mình dâng lên cúng dường Đức Từ phụ Thích-ca Mâu-ni, người đã khai sáng con đường giác ngộ vô minh và giải thoát khổ đau cho tất cả chúng sinh.

Riêng đối với tôi, ngoài lòng biết ơn đối với Đức Phật như tất cả những người con Phật khác, tôi cũng rất cảm ơn má tôi, người đã đưa tôi vào con đường đạo.

Sau khi cuộc sống gia đình không hạnh phúc, má tôi đã đi xuất gia. Lúc ấy tôi hãy còn thơ ấu và ở với bà ngoại. Một thời gian sau, có lẽ đã cảm thấy ổn định ở chốn thiền môn, má tôi liền về rước tôi vào chùa và cho tôi xuất gia luôn.

“Con không muốn sau này con Thọ nó khổ như con”, má tôi nói với bà ngoại khi đem tôi vào chùa.

Vào ở chùa, tôi được đi học; hơn thế nữa, tôi lại còn được học Phật pháp. Bây giờ tôi lại được sư phụ cho qua Ấn Độ học lên cao hơn.

Tôi thấy mình thật may mắn. Nhìn lại những người bạn cùng trang lứa, dù mỗi người hoàn cảnh khác nhau, nhưng lòng như bạn nào cũng “khổ”. Không khổ vật chất thì khổ tinh thần. Không thiếu tiền bạc thì chồng vợ lằng nhằng. Đôi khi tôi còn phải an ủi và tư vấn cho các bạn của mình nữa. “Phải biết vậy hồi đó đi tu như Thọ cho rồi”, có nhiều bạn nói.

Chẳng phải cuộc sống người tu hoàn toàn không có trách nhiệm, không khổ đau và không phiền muộn. Nhưng nhờ học Phật pháp, tôi có thể vượt qua những vấn đề vốn thuộc bản chất của cuộc đời đó. Phật pháp thật cao siêu và nhiệm mầu, có thể hóa giải những khổ đau và mang lại hạnh phúc cho mọi người.

Mỗi lần vượt qua được một khổ đau, hoặc mỗi buổi sáng bên tách thiền trà với tâm an lạc, tôi lại thầm cảm ơn má tôi, người đã mở ra cánh cửa Phật pháp cho tôi bước vào. Má ơi, con cảm ơn má nhiều!

An Thọ, chùa Pháp Quang, Q.8, TP.HCM
(Gần cầu Nhị Thiên Đường)



Đang phát hành **VĂN HÓA**
P HẬT G I Á O

đóng bộ **Tập 2 năm 2014**, từ số 204 đến số 215
giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO** :
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Hướng dẫn ăn và nấu ăn chay theo phương pháp Thực dưỡng

Cháo yến mạch, hạnh nhân, hồ đào

THIÊN KHANH



Yến mạch sinh trưởng trên những vùng thảo nguyên rộng lớn, nó từ lâu đã được coi là một loại thực phẩm giàu năng lượng và sức mạnh. Những chú ngựa của các dân tộc du mục được nuôi dưỡng bằng yến mạch có một sức khỏe dẻo dai, bền bỉ và đủ sức tham gia các cuộc chinh phạt dậm trường đầy gian nan. Ở phương Tây, người ta sử dụng yến mạch như một loại sữa thảo mộc để kích hoạt tuyến sữa cho sản phụ cũng như là thức ăn bổ dưỡng cho trẻ em trong thời kì phát triển, thay thế cho sữa động vật.

Yến mạch còn là loại ngũ cốc giàu chất béo và những khoáng tố khác như sắt, can-xi, chất xơ, giúp thay thế hiệu quả các chất đạm động vật. Tác động của yến mạch lên cơ thể con người phải kể đến như: làm hạ huyết áp, đường huyết, cholesterol, ổn định hoạt động của dạ dày. Chính vì đặc tính này mà yến mạch được ví như một loại thuốc xoa dịu căng thẳng và giúp ngủ ngon. Chất xơ trong yến mạch còn góp phần cải thiện tiêu hóa, phòng tránh hiệu quả các bệnh về đường ruột và ruột kết.

Hạnh nhân rất tốt cho tim. Vitamin E trong hạnh nhân tác động như một chất chống oxi-hóa, giúp giảm

nguy cơ bị các bệnh tim. Chất xơ giúp bạn chống táo bón hiệu quả. Đồng thời, nó cũng giúp cân bằng và điều hòa huyết áp. Acid folic có trong hạnh nhân giúp bà mẹ bổ sung dinh dưỡng cho thai nhi và giảm các khuyết tật bẩm sinh của em bé. Tinh dầu hạnh nhân và các chất chứa trong hạt hạnh nhân làm cho bạn ăn có cảm giác chóng no nên giúp tránh ăn quá nhiều nên nó có tác dụng giảm béo. Không những thế, nghiên cứu cũng cho thấy nó có thể phòng ngừa sạn mật, giảm rủi ro mắc bệnh Alzheimer, làm đẹp da và tăng cường chức năng hệ miễn dịch. Ăn hạt hạnh nhân đều đặn hàng ngày có thể giúp bạn phòng chống một số loại ung thư mà điển hình là ung thư ruột kết.

Hồ đào, một loại hạt có nhiều công năng như giúp giảm mức độ cholesterol "xấu" trong máu. 7-8 quả hồ đào hàng ngày có thể làm giảm nguy cơ bệnh tim, ổn định huyết áp. Hồ đào cũng rất giàu axit oleic, loại axit béo này được tìm thấy trong dầu ô-liu, một loại hợp chất là khắc tinh của ung thư vú. Các loại vitamin E được tìm thấy trong quả hồ đào, đã được chứng minh có khả năng tiêu diệt tế bào ung thư tuyến tiền liệt.

Món ăn nấu kết hợp 3 loại hạt này là cháo yến mạch. Cháo yến mạch được nấu kết hợp với hạnh nhân và hồ đào là món cháo dễ nấu, nhanh tiện lợi mà lại thơm ngon. Người ta thường ăn món này vào buổi sáng vì chất lượng và nguồn dinh dưỡng của nó có thể đủ cho cả 1 ngày làm việc năng động.

Chuẩn bị: (cho 2 người ăn) 2 chén yến mạch cán (rolled oat), 5 chén nước, 1 mcđường thô, mạch nha hoặc chà là cắt nhỏ để tạo ngọt, 1/3 mcđường muối biển, 5-7 hạt hạnh nhân, 5-7 hạt hồ đào.

Nấu: Cho yến mạch, nước và muối biển nấu khoảng 5-10 phút. Trong khi đợi cháo chín, ta đun cho nát các loại hạt rồi để đó. Nấu đến khi cháo sánh dẻo. Cứ để lửa nhỏ đủ cho cháo sôi liu riu, cho đường thô, mạch nha hoặc chà là vào, trộn chung với hỗn hợp các loại hạt cho đến khi đều là dùng được.

Yến mạch già được nấu như sánh đặc cùng với hai loại hạt được mệnh danh là vua của các loại hạt, ăn lúc đang còn nóng có vị ngọt bùi kỳ lạ. Khi ăn xong, có thể thấy được mình như trẻ lại, như được sống trọn trong dòng sữa mẹ ngày nào. Thanh nhẹ vị ngọt tự nhiên, bùi bùi như chất bơ, nhưng đặc biệt không béo ngậy, khiến ta cứ muốn hít hà ăn mãi mà không chán.

Quả vậy, dư âm của màu sắc, mùi vị và sự uyên nguyên tinh khiết, trong sạch của nguồn thực phẩm tự nhiên đẩy sức sống này đã, đang và sẽ dễ dàng chinh phục trái tim thực khách.

Cửa hàng Thực phẩm dưỡng sinh Chân Nguyên

○ Bạn có thể mua hạt yến mạch lứt, hạnh nhân và hồ đào tại Cửa Hàng Thực Phẩm Dưỡng Sinh Chân Nguyên. Tại đây có bán:

- Yến mạch lứt
- Bột yến mạch
- Hạt hạnh nhân
- Hạt hồ đào
- Hạt óc chó
- Hạt Macca
- Hạt lanh
- Hạt phỉ
- Hạt thông
- Hạt bí
- Quả Mận khô
- Quả chà là khô
- Quả Nam Việt Quất
- Nho khô
- Mơ khô
- Và nhiều loại hạt dinh dưỡng khác...



THỰC PHẨM DƯỠNG SINH
CHÂN NGUYÊN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel.: 08 22422951

Facebook: chan nguyen

Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn

Nhân mùa Phật Đản PL.2559 – DL.2015

CHÙA HÒA QUANG



Trân trọng kính chúc

- Chư tôn Giáo phẩm T.Ư GHPGVN, chư tôn Giáo phẩm Ban Trị sự GHPGVN TP.HCM và Quận Thủ Đức.
- Quý vị lãnh đạo Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN, Ban Tôn giáo TP.HCM và Q.Thủ Đức cùng các ban, ngành, đoàn thể các cấp địa phương.
- Chư tôn thiện đức trụ trì các tự viện, tu viện, ni viện, chùa, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường cùng quý nam nữ Phật tử các đạo tràng gần xa.

Đồng kính chúc chư liệt vị

Vô lượng quang

Vô lượng thọ

Vô lượng cát tường.

NHỮNG HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ VÀ TỪ THIỆN CỦA CHÙA HÒA QUANG TRONG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2015



Ban Từ thiện chùa Hòa Quang, Ban Từ thiện Bình Dương và y bác sĩ Bệnh viện Trưng Vương phục vụ, tặng quà cho 250 bệnh nhân khám trị mắt



Cô Như Ảnh thuộc Ban từ thiện chùa Hòa Quang và Sư cô Phụng Liên tịnh xá Ngọc Truyền cùng Phật tử tặng quà cho bệnh nhân ung bướu



Sư cô trụ trì tịnh xá Ngọc Truyền và Ban từ thiện XH thăm và tặng quà cho bệnh nhân ung bướu



Ni sư TN Như Trí và đoàn y bác sĩ trẻ trong chuyến công tác giúp bà con nghèo khám chữa trị khoa mắt tại Bệnh viện Trưng Vương, TP.HCM



HT thượng Trí hạ Quảng, Phó Chủ tịch HĐTS, Tổng Biên tập Báo Giác Ngộ và các thành viên Ban Từ thiện của Báo, viếng thăm Học viện PGVN cơ sở 2 tại Bình Chánh, TP.HCM



Ni sư TN Như Trí và chú Tịnh Long, cô Phương Loan cùng toàn Ban Từ thiện Bình Dương giúp bà con nghèo phẫu thuật mắt Bệnh viện Trưng Vương



Ni sư TN Như Trí trụ trì chùa Hòa Quang thành viên từ thiện Báo Giác Ngộ và Sư cô Phụng Liên tình xá Ngọc Truyền cùng toàn Ban Từ thiện phát quà cho người mù TX.Long Khánh, tỉnh Đồng Nai



Nhà tài trợ Thanh Danh và Thanh Đào ủng hộ cho Ban từ thiện chùa Hòa Quang phục vụ chương trình mổ mắt khám chữa trị cho người nghèo.



Ni sư TN Như Trí chung tay góp sức bệnh nhân nghèo phẫu thuật mắt tại bệnh viện Trưng Vương



... tặng xe lăn



... thăm và tặng quà cho người nghèo



Ni sư TN Như Trí, trưởng đoàn từ thiện chùa Hòa Quang, Sư cô TN Phụng Liên và thiếu nhi cùng chuyến tham quan thắng cảnh, thắng tích TP. Đà Nẵng



... viếng thăm tặng bảo hiểm cho người nghèo khám trị bệnh và quà cho người khuyết tật





BAN TỪ THIỆN XÃ HỘI BÁO GIÁC NGỘ
PHÂN CHI HỘI PHẬT GIÁO

CHÙA HÒA QUANG

113 - Lê Văn Chí - KP.3 - P.Linh Trung - Q.Thủ Đức - TP.HCM

ĐT: 0838964452 – DĐ: 0913621401

Tổng trị giá thành tiền: 1.981.300.000đ

(Một tỷ chín trăm tám mươi một triệu ba trăm ngàn đồng)



Trong niềm vui đất nước ngày càng phát triển, chúng ta cũng không thể nào quên còn có những mảnh đời bất hạnh, những người kém may mắn do bệnh tật, cơ nhỡ... đang rất cần sự giúp đỡ, san sẻ yêu thương của những tấm lòng nhân ái trong cộng đồng. Do đó, GHPGVN nói chung và Ban Từ thiện XH Báo Giác Ngộ - Phân chi hội PG chùa Hòa Quang nói riêng luôn phục vụ công tác Phật sự theo giáo lý Chánh pháp sâu xa ngàn đời từ kim khẩu của Đức Phật:

“Phụng sự chúng sanh là cúng dường Chư Phật”

Trong nhiều năm qua, công tác Phật sự của chùa Hòa Quang do Ni sư TN Như Trí, trụ trì ngoài việc hướng dẫn cho các Phật tử đạo tràng tu tập, Ni sư trụ trì còn tạo duyên lành cho Phật tử gần xa - trong công tác từ thiện xã hội với những món quà ấm áp tình yêu thương đến tận tay người nghèo, chia sẻ cùng người bất hạnh và người khuyết tật cùng các cụ già neo đơn, trẻ em nghèo hiếu học; đồng thời, thiết thực giúp đỡ cho bà con lao động nghèo không may gặp cảnh cơ nhỡ, khó khăn; ấn tống kinh sách; phát hành báo Giác Ngộ và tổ chức đại lễ trai tăng - cúng dường các tự viện... Ngoài ra, Ni sư trụ trì còn đảm trách vai trò Giảng sư Thành hội và thành viên Ban Từ thiện XH Báo Giác Ngộ đã thường xuyên tổ chức ủy lạo các vùng sâu, vùng xa.

Đoàn Từ thiện chùa Hòa Quang là thành viên tích cực của Ban Từ thiện xã hội Báo Giác Ngộ với nhiều hoạt động trực tiếp

hoặc liên kết trong công tác từ thiện nhằm mang niềm vui đến cho người nghèo qua việc trao tặng những món quà yêu thương đến với bệnh nhân ở Bệnh viện Trung Vương như chú Tịnh Long, cô Phương Loan - Ban Từ thiện Bình Dương cùng Sư cô Phụng Liên - tịnh xá Ngọc Truyền (Tây Ninh) và Sư cô Tuệ Minh chùa Minh Trí (Đồng Nai) và các nhà hảo tâm hỗ trợ khám và điều trị (mổ mắt đục thủy tinh thể) hơn 250 người nghèo và tặng quà cho người khiếm thị, khuyết tật ở các vùng sâu, vùng xa.

Ban phụ trách thường trực Từ thiện XH chùa Hòa Quang, các ân nhân mạnh thường quân và nhà hảo tâm gồm có chư vị:

Ni sư Thích Nữ Như Trí, Ni chúng và Phật tử đạo tràng cùng với các nhà thiện tâm: Thạc sĩ Đặng Hồng Hạnh, Chủ tịch hội đồng Trường THCS Bách Việt. Nhà giáo Ưu tú Nguyễn Minh Hồng, Hiệu trưởng và tập thể thầy cô giáo. Ông Đỗ Thanh Danh, chủ doanh nghiệp kinh doanh gia công vàng bạc đá quý. Bà Lê Thị Thanh Đào, chủ tiệm vàng và tập thể công nhân. Bà Nguyễn Ngọc Yến, đại diện chủ nhà hàng; Ông Nguyễn Thế Vinh Hiền, chủ nhà hàng; Cô Nguyễn Thế Ngọc Vy, chủ nhà hàng, 3 vị đều là Việt kiều Mỹ (mạnh thường quân).

Các nhà hảo tâm và các Phật tử thường xuyên hỗ trợ như: Nguyễn Thị Tuyên, Phan Thị Quế Hòai, Nguyễn Văn Xương, Vũ Thị Hương, Lê Thị Thúy, Trịnh Thị Sầu, Lê Thị Xuyên, Nguyễn Thị Thơm, Nguyễn Thị Nay, Dương Thị Nhiều, Phạm Thị Đồi, Nguyễn Thị Thiệu, Nguyễn Thị Thủy, v.v...

Cùng toàn thể quý Phật tử các đạo tràng, tất cả đều chung một tấm lòng, chung tay góp sức vì nhu cầu cộng đồng để chia sẻ. Mặc dầu phương tiện sự vận động tài chính rất khó khăn nhưng trong 4 tháng đầu năm 2015, dấu hiệu đáng mừng:

Tháng 1: 554.400.000đ - Tháng 2: 263.600.000đ

Tháng 3: 515.400.000đ - Tháng 4: 647.930.000đ

Tổng cộng : 1.981.300.000đ

(Một tỷ chín trăm tám mươi một triệu ba trăm ngàn đồng)

KIM TRẦN



Ni sư TN Như Trí, thành viên Ban Từ thiện Báo Giác Ngộ, cùng Sư cô TN Như Hội, Sư cô TN Phụng Liên tịnh xá Ngọc Truyền (Tây Ninh) và toàn thể Phật tử thăm và cúng dường Trường Trung cấp Phật học Đồng Nai - Hòa thượng Thích Phước Tú tiếp đoàn và hướng dẫn tham quan – Đoàn viếng Lễ trại Phật Đản

CHUNG TAY HÙN PHƯỚC TẠO TƯỢNG Bồ-tát Quan Âm lộ thiên

Thời gian qua nhờ được sự chú nguyện trợ duyên của chư tôn thiện đức Tăng Ni và sự phát tâm cúng dường tịnh tài, tịnh vật của Phật tử gần xa đã thiết thực giúp cho chùa Long Định xây dựng ngôi chánh điện được viên thành. Tỳ-kheo Thích Thiện Thọ, trụ trì và Phật tử bốn tự vô cùng cảm tạ ơn đức này và xin *Cung kính cung chúc chư tôn thiện đức Tăng Ni, chúng sanh dị độ, thân tâm an lạc - Kính chúc quý vị thiện tâm được nhiều phước báu và sức khỏe dồi dào.*

Hiện nay, Chùa Long Định đang còn một Phật sự chưa hoàn tất là **tạo tượng Bồ-tát Quan Âm lộ thiên** (cao 3 mét tính từ tòa sen lên đỉnh tượng), với sự nhiệt thành của Công ty Hoa Tiên, tôn tượng đã tạo xong, nay còn chờ đủ phước duyên là thỉnh về chùa an vị. Thấy trụ trì và Phật tử tha thiết mong chư tôn thiện đức Tăng Ni chú nguyện trợ duyên và Phật tử gần xa chung tay hùn phước góp phần công đức tạo tượng Bồ-tát.

Tỳ-kheo THÍCH THIÊN THỌ
Trụ trì chùa Long Định

Địa chỉ liên lạc: Chùa Long Định, 235A/17 ấp Bà Cò, Phú Thuận 2, xã Đồng Phú, H.Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Tỳ-kheo Thích Thiện Thọ, ĐT: 0933 491 797 - Tài khoản: 31227648, tên tài khoản: Huỳnh Văn Phước (thế danh) tại Ngân hàng Phương Nam, Chi nhánh Vĩnh Long



Hoatien

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

D13/2 Trần Nã, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

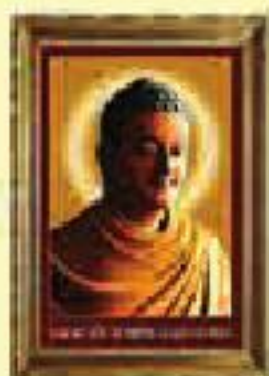
Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

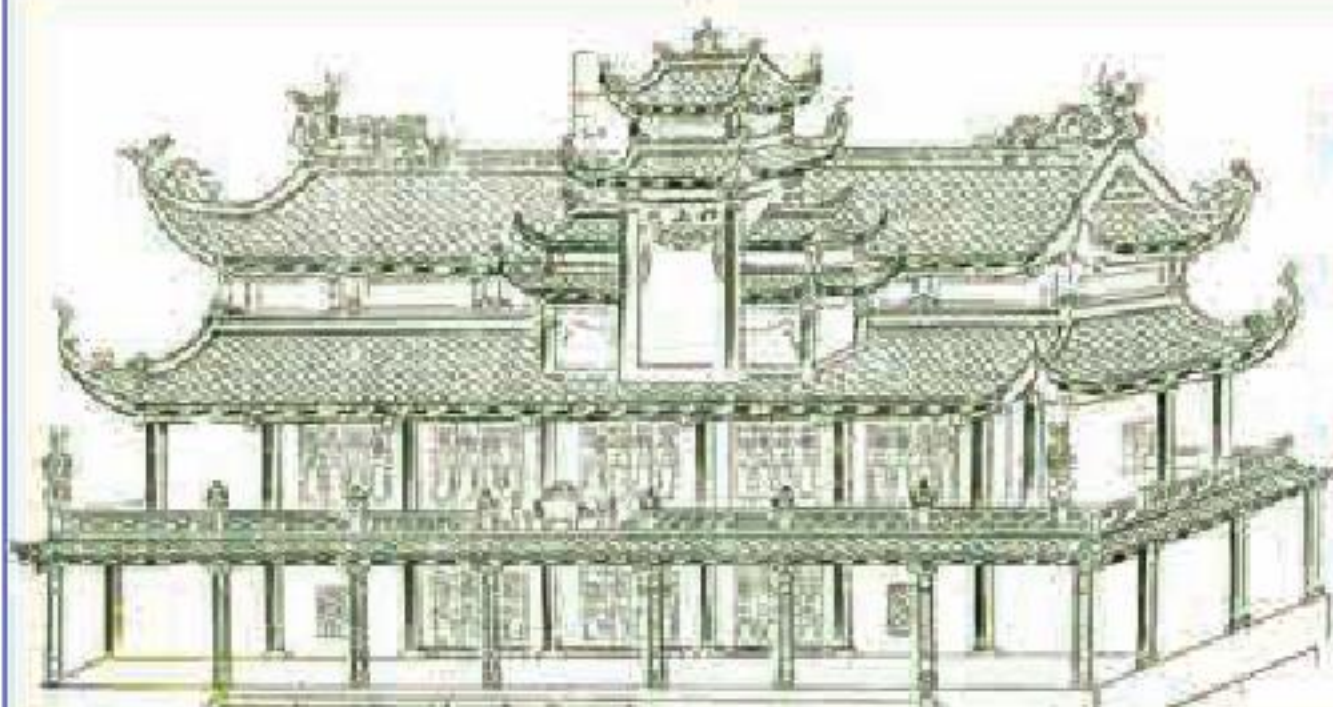
- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart@gmail.com



MIỄN PHÍ THIẾT KẾ CHÙA - ĐÌNH

Kiến trúc: KTS Huỳnh An - Huỳnh Kim Tường
0908 790 200 - nguyen_an01@yahoo.com

Kết cấu: KS Nguyễn Văn Đức
0903 735 580 - dua@tamnherong.vn

Công ty Tư vấn xây dựng TÂN
chuyên thiết kế chung cư xanh

TƯỢNG PHẬT ZEN ART



TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT ZEN ART

ĐC: Số 64, Đường 27, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, Tp. HCM - ĐT: 0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)
Nhận tôn tạo tượng Phật trên mọi chất liệu

Dâng hoa cúng Phật

Tương truyền ngày Đức Phật đản sinh dưới cội hoa Vô Ưu. Chư Thiên đã rải hoa. Mọi đấng la cùng dương và đôn chào Ngài. Khi Ngài đi bảy bước chân đầu tiên trên cỏ ta bà này, những bông hoa sen đã nở để nâng gót chân Ngài bước đi.

Ngày Ngài trao truyền chánh pháp nhân tạng cho đại trưởng lão Ca Diếp trong Pháp Hội Linh Sơn, cũng qua một cành hoa sen mà truyền tâm ấn, để từ đó dòng Phật Pháp lưu chuyển đến ngày nay...

Trong các nghi lễ của Phật giáo dù nhỏ hay lớn, dù diễn ra tại Chùa hay tư gia, dù ở Việt nam hay nước ngoài... vẫn không thể thiếu vắng hoa.

Khi dâng hoa cúng Phật hay lễ kính gia tiên trong những ngày trọng đại, bình hoa lúc nào cũng được chăm chút chu đáo sao cho đẹp, nhã và trang nghiêm. Trong những ngày sau đó các Chú hay các chị thường phải thay nước hằng ngày, cắt gốc bị úng để hoa được tươi lâu và tỉ mỉ cắm lại sao cho đẹp, vì cành hoa đã bị cắt ngắn bớt, kiểu dáng cũng phải cân đối lại, và quan trọng là thay nước mới để không bị nước thối làm ảnh hưởng nơi trang nghiêm. Ấy vậy mà hoa vẫn chóng tàn và nước ngày nào cũng muốn dậy mùi...

Năm tháng qua đi... Nhưng những trần trụi còn ở lại, khi nhìn những bình hoa sớm héo tàn, hoặc khi thay nước thì bình hoa đã có mùi...

Mong muốn làm sao những bông hoa tươi đẹp lâu hơn, và không bị thối nước. Đó là lý do sản phẩm Nước cắm hoa ASA được cho ra đời.

Qua quá trình nghiên cứu chúng tôi đã tạo ra một môi trường tối ưu nhằm cung cấp nguồn dưỡng chất cho những cành hoa đã bị mất đi bộ rễ, vì như truyền nước biển và vitamin cho người kiệt sức nhưng ... không ăn được.

Một môi trường dinh dưỡng hợp lý và an toàn, hạn chế tối đa sự phát triển vi sinh và mầm bệnh để cho hoa tiếp tục khoe sắc và những nụ mới vươn mình lớn dậy, kịp góp mặt với đời.

Nước cắm hoa ASA như một sự ăn năn, muốn được chuộc lại phần nào lỗi lầm của những lần chảnh mắng khi dâng hoa cúng Phật, quên chăm sóc thay nước. Như chú Tiểu đến ngày rằm sám hối xin được Phật tha thứ vì lỡ ngu quên bỏ qua một thời công phu khuya...

Hãy Ủ Nước cắm hoa ASA giúp bạn gìn giữ vẻ đẹp, sự thanh khiết của những đóa hoa, như tấm lòng thành kính dâng lên Đức Phật bạn nhé.

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lệ...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com

Ngô Phương Đức: STK: 76935619

Ngân hàng ACB, CN Bình Thạnh

Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273

Ngân hàng Agribank, CN Bến Thành

Restaurant

Chay
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh hèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

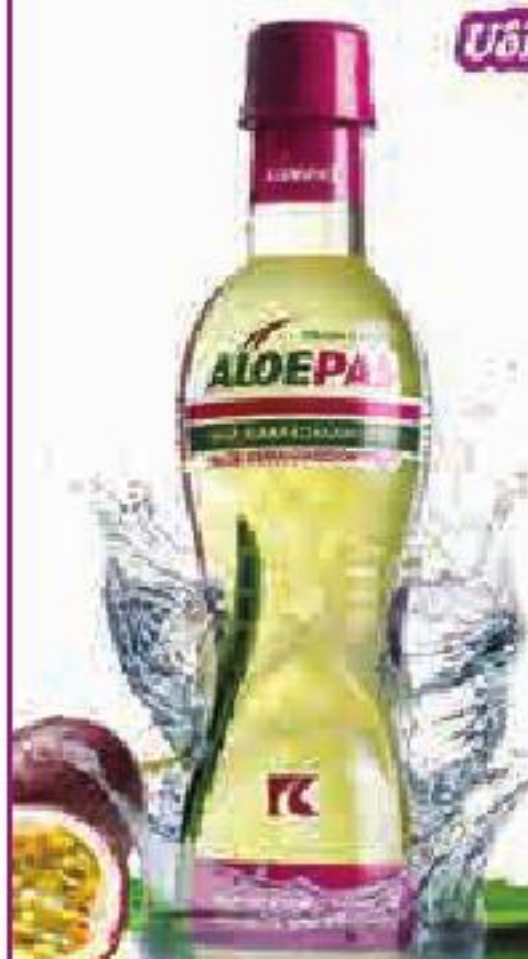
Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ**Buổi sáng:** Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)**Trân trọng kính mời****Vên Vên Hotel Hồ Cốc**

(Nghỉ dưỡng và thiền định)

- Khách sạn tọa lạc dưới tán rừng nguyên sinh Bình Châu Phước Bửu, gần biển, cảnh quan mát mẻ yên tĩnh phù hợp cho việc nghỉ dưỡng, tọa thiền và hành thiền.
- Khách sạn tiêu chuẩn 2 sao.
- Nhà hàng phục vụ các món ăn chay và mặn.
- Nhận tổ chức cho các đơn vị có nhu cầu thực hiện thiền định.

○ **Liên hệ:** Hồ Cốc, xã Bung Riềng, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**Điện thoại:** 0643 791121 - **Fax:** 0643791122**Email:** venvenhotel@gmail.com**Website:** venvenhotel.com

KHÂM TÍN

Nước Uống
ALOEPAS**Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn**

○ Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.

○ Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.

Sản phẩm của: CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN
Số 1/234/11 Cù Bốc, Phường, Cù Bốc, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH
Số nhà máy: CN NHADAM VINH - CTY TNHH TMDV KHÂM TÍN
Số 2 Lô A, Cù Xá PHÚ LÂM D. P. 10, Q.6, TP. HCM, VIỆT NAM
Website: www.khamtin.vn Email: khamtin1988@gmail.com

**ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG - KHỎE VÌ GIA ĐÌNH**

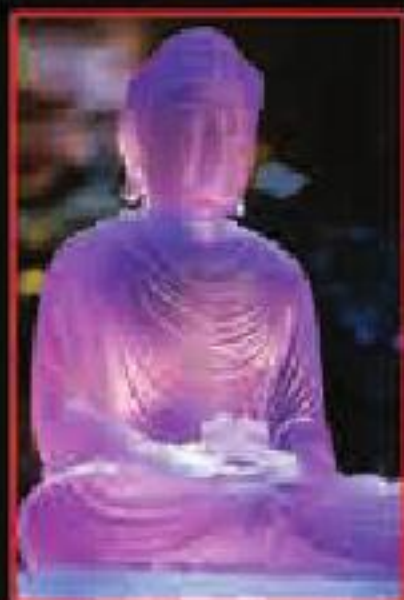
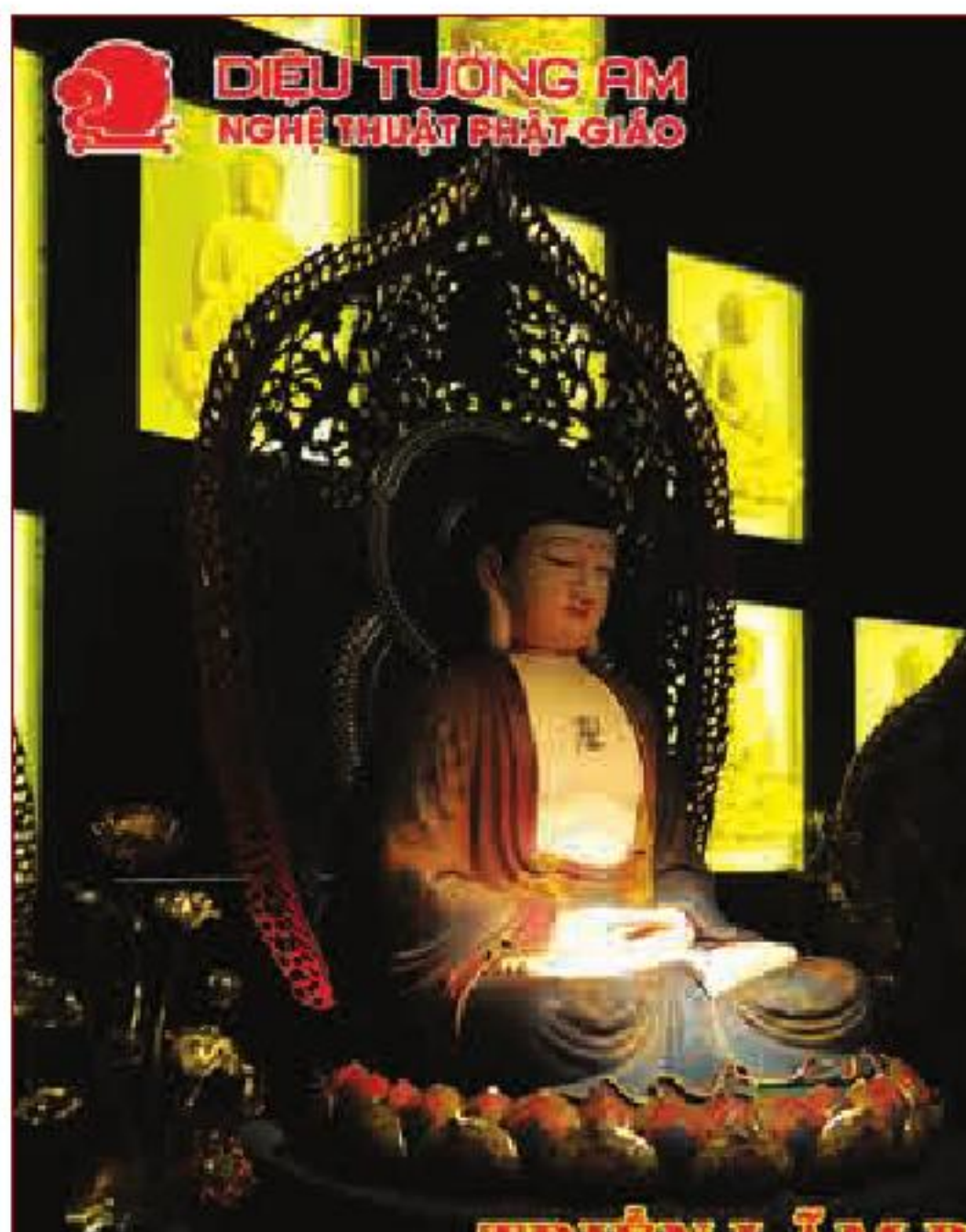
VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

○ Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...

○ Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**○ ĐT: **0913 810 082**○ Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



**DIÊU TƯỢNG ÂM
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO**



TRIỂN LÃM PHẬT NGỌC LƯU LY VÀ KHAI TRƯƠNG DIÊU TƯỢNG LƯU LY QUANG

Địa điểm: 382G Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3 (Đối Diện Chùa Vĩnh Nghiêm)
ƯU ĐÃI 30% TẤT CẢ CÁC SẢN PHẨM NGỌC LƯU LY, TỪ NGÀY: 23/5 (6/4) ĐẾN 23/6 (8/5 AL)

www.dieutuongam.com - Hotline: 0938 9595 03

CỬA HÀNG VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO



NHƯ ĐỨC

**Pháp phục - Pháp khí
Kinh - Sách - Ấn phẩm Phật giáo
Tranh tượng Phật**

Kính mừng Đại lễ Phật đản - PL.2559

530 Điện Biên Phủ, P.11, Q.10, TPHCM (Ngã 3 Điện Biên Phủ - Bàn Cờ)

ĐT: 08.22419056 - 08.22419057 DD: 0908808836

Email: nguyengkimhien1958@yahoo.com



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHỆ CANDLE CO., LTD.
NỀN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

NHÀ MAY VẠN HẠNH

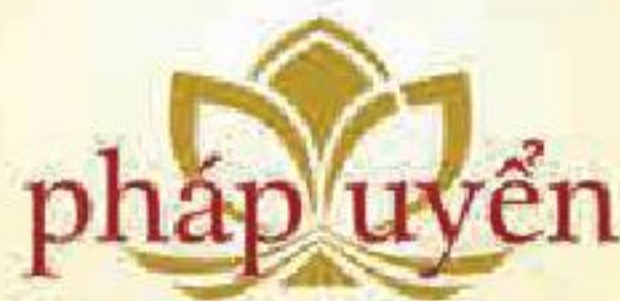
**CHUYÊN MAY PHÁP PHỤC TU SĨ:
Y - HẬU - ÁO TRÀNG - NHỰT BÌNH V.V...
QUỐC PHỤC - MÃO**

Gặp Anh Triều - Chị Thảo

241 NGUYỄN THAI BÌNH - PHƯƠNG 4 - TÂN BÌNH
TP. HỒ CHÍ MINH *ĐT: 38853053 *DD: 0906046141

Email: nhamayvanhanh241@gmail.com

Web: phapphuctusi.com



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



Điện thoại đặt hàng
(84-8) 3.7978 230

Miễn Phí Giao Tận Nhà Cho Đơn Hàng Từ 200.000đ Trở Lên

Hùng Phát®

Hãy sử dụng hàng **Việt Nam** Chất Lượng Cao

BỘT HÒA TAN "ÔNG THẦY"

- * Là loại thức uống có hàm lượng dinh dưỡng cao.
- * Thích hợp cho mọi lứa tuổi.
Đặc biệt cho người ăn chay và ăn dưỡng sinh
- * Rất tốt cho sức khỏe.

- * Bổ Sung Chất Đạm, Calcium, Chất Xơ...
- * Thích Hợp Cho Người Ăn Chay.



- * Hỗ Trợ Tiêu Hóa Tốt.
- * Phòng Ngừa Cảm Cúm.
- * 100% Gừng Già Việt Nam.



- * 100% Thiên Nhiên.
- * Không Chất Phụ Gia.
- * Thích Hợp Cho Người Cần Giảm Cân.



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT TRÀ HÙNG PHÁT
Website: www.hungphatea.com - Email: sale@hungphatea.com



Kính Mừng Đại Lễ Phật Đản



Điêu khắc: **THIÊN PHÚ THẢO**

01 222 999 666 - 01 666 000 666

Website: dieukhacgo.vn Email: dkhuuthao@gmail.com